

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 037

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

BẮT LẠI

037

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP.....2

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tâm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 10 pháp chứng Bất lai - Kinh XUẤT GIA – Tăng IV, 382

XUẤT GIA – Tăng IV, 382

1. - Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập như sau:

1. "Tâm chúng ta sẽ được thực hành *tích tập như khi xuất gia.*
2. *Các pháp bất thiện được sanh không có chinh phục tâm và tồn tại.*
3. Tâm chúng ta sẽ được *thực hành tích tập với tướng vô thường.*
4. Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với *tướng vô ngã.*
5. Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với *tướng bất tịnh.*
6. Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với *tướng nguy hại.*
7. Sau khi biết được *thế giới thăng bằng và không thăng bằng*, tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tướng ấy.
8. Sau khi biết được *thế giới sanh khởi và đoạn diệt*, tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tướng ấy.

9. Sau khi biết được *thế giới tập khởi và chấm dứt*, tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với *tướng ấy*.
10. Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với *tướng đoạn tận*.
11. Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với *tướng ly tham*.
12. Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với *tướng đoạn diệt*."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

3. Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được:

1. Tâm thực hành tích tập như khi xuất gia.
2. Và các pháp bất thiện sanh khởi không chinh phục tâm và an trú.
3. Và tâm được thực hành tích tập với tướng vô thường.
4. Và tâm được thực hành tích tập với tướng vô ngã.
5. Và tâm được thực hành tích tập với tướng nguy hại.
6. Sau khi biết thế giới thăng bằng và không thăng bằng, tâm được thực hành tích tập với *tướng ấy*.

7. *Sau khi biết thế giới sanh khởi và đoạn diệt, tâm được thực hành tích tập với tướng ấy.*
8. *Sau khi biết thế giới tập khởi và chấm dứt, tâm được thực hành tích tập với tướng ấy.*
9. *Tâm được thực hành tích tập với tướng đoạn tận.*
10. *Tâm được thực hành tích tập với tướng ly tham.*
11. *Tâm được thực hành tích tập với tướng đoạn diệt.*

Đối với vị ấy, một trong hai quả này được chờ đợi, chánh trí ngay trong hiện tại hay nếu có dư y, chúng được Bất hoàn.

2 3 hạng Bất Lai - Kinh NGỰA CHƯA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC – Tầng IV, 131

NGỰA CHƯA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC – Tầng IV,
131

1.- *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về:*

- Ba loại **ngựa chưa** được điều phục và ba hạng **người chưa** được điều phục;
- Ba loại ngựa **được** điều phục, và ba hạng người **được** điều phục;
- Ba loại ngựa **hiền thiện** thuần lương và ba hạng người **hiền** thiện thuần lương.

Hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2.- *Này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại **ngựa chưa** được điều phục?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa **chưa** được điều phục **có** tốc lực nhưng **không** có sắc đẹp, không **có** cân đối bề cao, chu vi bề ngoài.

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp và có cân đối.

Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa chưa được điều phục.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người chưa được điều phục?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục.

4. *Thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **như thật tuệ tri: "Đây là Khổ"**, như thật tuệ tri: "Đây là Khổ tập", như thật tuệ tri: "Đây là Khổ diệt", như thật tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến Khổ diệt". Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.
- Nhưng khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy lại ngáp ngừng, không có trả lời. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có sắc đẹp.
- Vị ấy không có nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

5. *Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **như thật tuệ tri: "Đây là Khổ"**, như thật tuệ tri: "Đây là Khổ tập", như thật tuệ tri: "Đây là Khổ diệt",

*như thật tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến Khổ diệt". Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.*

- *Nhưng khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngấp ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.*
- *Nhưng vị ấy không nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có cân đối.*

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối.

6. *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là người **chưa** được điều phục, **có** tốc lực, **có** sắc đẹp, **có** cân đối?*

- *Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **như thật tuệ tri: "Đây là Khổ"**..., như thật tuệ tri: "Đây là con Đường đưa đến khổ diệt". Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.*
- *Khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngấp ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.*
- *Vị ấy nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **có** cân đối.*

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục.

7. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại **ngựa** được điều phục?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Các loại này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng loại ngựa được điều phục.

8. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người **được điều phục**?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, **có tốc lực**, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người **được** điều phục, có tốc lực, không có sắc đẹp, không có cân đối?

1. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, tại đây, được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa. Đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực.
2. Nhưng được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy ngáp ngừng, không có trả lời. Đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp.
3. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người **được** điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, tại đây được nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời này nữa. Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.
- Khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy trả lời, không có ngấp ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.
- Nhưng vị này không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối.

9. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người **được** điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, tại đây được nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời này nữa. Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.

- Khi được hỏi về thặng pháp, thặng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngập ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.
- Và vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **có** cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người được điều phục.

10. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại **ngựa** hiền thiện thuần lương?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện thuần lương, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Những loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa hiền thiện thuần lương.

11. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại người **hiền thiện thuần lương**?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện thuần lương, có **tốc lực**, nhưng không có **sắc đẹp**, không có **cân đối**.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện thuần lương, có **tốc lực**, có **sắc đẹp**, nhưng không có **cân đối**.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện thuần lương, có **tốc lực**, có **sắc đẹp**, có **cân đối**.

Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện thuần lương.

*Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có **tốc lực** nhưng không có **sắc đẹp**, không có **cân đối**?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo do **đoạn diệt các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây Ta nói trong nghĩa **có** **tốc lực**.
- Khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy ngáp ngừng, không trả lời. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có **sắc đẹp**.

- Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo do **đoạn diệt các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chúng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực.
- Khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngập ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp.
- Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo do **đoạn diệt các lậu hoặc**, tự mình với thắng trí, chúng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.
- Khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngập ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.
- Vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **có** cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện thuần lương.

3 3 hạng Bất Lai - cKinh NGỰA CHƯA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC – Tầng I, 526

NGỰA CHƯA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC – Tầng I, 526

1. - Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về ba loại **ngựa chưa** được điều phục và Ta sẽ giảng về **ba hạng người chưa** được điều phục. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại **ngựa chưa** được điều phục?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo,

- Có loại ngựa **chưa** được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối: bề cao, chu vi, bề ngoài.
- Nhưng ở đây, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.
- Nhưng ở đây, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, và có cân đối.

Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa chưa được điều phục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người chưa được điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Có hạng người chưa được điều phục, **có tốc lực**, nhưng **không có sắc đẹp**, **không có cân đối**.
- Nhưng ở đây, có hạng người chưa được điều phục, **có tốc lực**, **có sắc đẹp**, nhưng **không có cân đối**.
- Nhưng ở đây, có hạng người chưa được điều phục, **có tốc lực**, **có sắc đẹp**, và **có cân đối**.

Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục.

2. Thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ***như thật rõ biết: "Đây là Khổ"***; như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt"; Đây Ta nói trong nghĩa **có tốc lực**.

- Nhưng khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy lại ngáp ngừng không có trả lời. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có sắc đẹp.
- Vị ấy không có nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

3. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **như thật rõ biết: "Đây là Khổ"**; như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt"; Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.
- Nhưng khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy liền trả lời, **không** có ngáp ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.
- Vị ấy **không** nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.

4. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **như thật rõ biết: "Đây là Khổ"**; như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến Khổ diệt"; Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.
- Nhưng khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy liền trả lời không có ngập ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.
- Vị ấy nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **có** cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục.

NGỰA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC – Tăng I, 529

1. - **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về ba loại ngựa được điều phục và Ta sẽ giảng về ba hạng người đã**

được điều phục. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại **ngựa** được điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Có loại ngựa **được** điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.
- Nhưng ở đây, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.
- Nhưng ở đây, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, và có cân đối.

Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa được điều phục.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người **được** điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Có hạng người được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.
- Nhưng ở đây, có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.

- Nhưng ở đây, có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, và có cân đối.

Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người được điều phục.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực, người không có sắc đẹp, không có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt năm hạ phân kiết sử**, được hóa sanh, tại đây được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời ấy nữa. Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.
- Nhưng khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy ngáp ngừng, vị ấy không có trả lời. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có sắc đẹp.
- Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, tại đây được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời ấy nữa. Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.
- Nhưng khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy trả lời không có ngập ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.
- Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người **được** điều phục, **có tốc lực**, **có sắc đẹp**, **có cân đối**?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, tại đây được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời ấy nữa. Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.
- Nhưng khi được hỏi về thắng pháp, thắng luật, vị ấy trả lời không có ngập ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.
- Vị ấy nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **có** cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người được điều phục.

CÁC LOẠI NGỰA THUẦN THỰC – Tăng I, 532

1. - Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng về ba loại ngựa hiền thiện, thuần thực, ba hạng người hiền thiện, thuần thực. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa hiền thiện, thuần thực?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa **hiền thiện**, thuần thực, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện, thuần thực, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện, thuần thực, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Những loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa hiền thiện, thuần thực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người **hiền thiện, thuần thực?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện, thuần thực, có **tốc lực**, nhưng không có **sắc đẹp**, không có **cân đối**.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện, thuần thực, có **tốc lực**, có **sắc đẹp**, nhưng không có **cân đối**.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện, thuần thực, có **tốc lực**, có **sắc đẹp**, có **cân đối**.

Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện, thuần thực.

2. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thực, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt các lậu hoặc** ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây Ta nói trong nghĩa **có** **tốc lực**.
- Khi được hỏi về thắng pháp và thắng luật, vị ấy ngáp ngừng không trả lời. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có **sắc đẹp**.

- Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thực, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

3. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thực, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt các lậu hoặc** ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.
- Khi được hỏi về thắng pháp và thắng luật, vị ấy liền trả lời không có ngập ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.
- Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **không** có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thực, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.

4. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thực, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **đoạn diệt các lậu hoặc** ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây Ta nói trong nghĩa **có** tốc lực.
- Khi được hỏi về thắng pháp và thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngấp ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa **có** sắc đẹp.
- Vị ấy nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa **có** cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thực, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện, thuần thực.

4 3 hạnh viễn ly - Kinh SÔNG VIỄN LY – Tăng I, 437

SÔNG VIỄN LY – Tăng I, 437

1. - Có **ba hạnh viễn ly** này được các du sĩ ngoại đạo trình bày. Thế nào là ba?

- Viễn ly y áo,
- Viễn ly đồ ăn khát thực,
- Viễn ly sàng tọa.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly y áo, mang vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm quăng đi, mặc vải lượm từ đồng rác, y thì dùng vỏ cây tiritaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo từ cỏ kusa bện lại, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly y áo.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly đồ ăn khát thực: ăn rau, cây kê, gạo sống, gạo rùng, cây lau, bột gạo, bột gạo cháy, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Như vậy, này các Tỷ-

kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly đồ ăn khát thực.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly sàng tọa: sống trong rừng, tại một gốc cây, tại bãi tha ma, tại khóm rừng rậm, sống ngoài trời, trên một đồng rơm, trong nhà bằng tranh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly sàng tọa.

Này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về ba hạnh viễn ly này.

2. **Này các Tỷ-kheo, có ba hạnh viễn ly này của vị Tỷ-kheo trong Pháp và Luật. Thế nào là ba?**

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới,
- Có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến,
- Đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc.

Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc, nên Tỷ-kheo này, được gọi là đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, được an trú trên căn bản.

3. Ví như, này các Tỷ-kheo, ruộng lúa của người nông phu gia chủ đã chín, người nông phu gia chủ ấy mau mắn gặt lúa; sau khi mau mắn gặt lúa, phải mau mắn chất lúa thành đống; sau khi mau mắn chất lúa thành đống, phải mau mắn chở lúa về; sau khi mau mắn chở lúa về, phải mau mắn đánh lúa thành đống; sau khi đánh lúa thành đống, phải mau mắn đập lúa; sau khi mau mắn đập lúa, phải mau mắn giũ rơm; sau khi mau mắn giũ rơm, phải mau mắn lấy thóc ra; sau khi mau mắn lấy thóc ra, phải mau mắn quạt thóc; sau khi mau mắn quạt thóc, phải mau mắn chứa thóc; sau khi mau mắn chứa thóc, phải mau mắn xay thóc; sau khi mau mắn xay thóc, phải mau mắn sàng cám lấy gạo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, với người nông phu gia chủ ấy, lúa gạo ấy đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, đạt được an trú trên căn bản.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc, nên Tỷ-kheo này, này các Tỷ-kheo, được gọi là đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, đạt được an trú trên căn bản.

4. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu, khi bầu trời quang đãng, không có mây và mặt trời mọc lên giữa bầu trời, phá sạch hắc ám khắp cả hư không, và chói sáng, bùng sáng, rực sáng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử, pháp nhãn ly trần ly cấu khởi lên và do tri kiến này khởi lên, ba kiết sử được đoạn tận, thân kiến, nghi, giới cầm thủ.

Lại nữa, vị ấy được **thoát khỏi hai pháp tham và sân**. Vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú sơ Thiên, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Trong thời gian ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nếu có mạng chung, **sẽ không có kiết sử nào**, do kiết sử ấy, vị Thánh đệ tử phải đi đến thế giới này nữa.

5 4 vị đến dâng lễ và tán thán Thế Tôn - Kinh Tụ Hội – Tương I, 62

Tụ Hội – Tương I, 62

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở rừng Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng 500 vị, tất cả là bậc A-la-hán. *Và chư Thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.*

2) *Rồi bốn vị Tịnh cư thiên (Suddhāvāsā) suy nghĩ như sau: "Thế Tôn nay ở giữa dân chúng Sakka, thành Kapilavatthu, rừng Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng 500 vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư Thiên ở mười phương thế giới, phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo. Vậy chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, mỗi chúng ta đọc một bài kệ dâng lên Thế Tôn."*

3) Rồi chư Thiên ấy nhanh như nhà lục sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co cánh tay đã duỗi ra, biến mất từ Tịnh cư thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn.

4) Chư Thiên ấy đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một vị Thiên đọc bài kệ trước Thế Tôn:

*Đại hội tại Đại Lâm,
Chư Thiên đồng tụ tập,
Chúng con đến Pháp hội,
Đánh lễ chúng Bất thắng.*

5) Rồi các vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

*Tại đây chúng Tỷ-kheo,
Thiền định, tâm chánh trực,
Như chủ xe nắm cương,
Bậc hiền hộ các căn.*

6) Lại một vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

*Như khóa gãy, chốt tháo,
Trụ bị đào, tham đoạn,
Sống thanh tịnh, vô cấu,
Có mắt, voi khéo điểu.*

7) Lại một vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước mặt Thế Tôn:

Những ai quy y Phật,

*Sẽ không đọa ác thú,
Sau khi bỏ thân Người,
Sẽ sanh làm chư Thiên.*

6 5 Bất hoàn và 5 Tịnh cư - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG– Bài kinh số 33 – Trường
II, 567

(Trích đoạn)

Năm tịnh cư:

Vô Phiền thiên,
Vô Nhiệt thiên,
Thiện Hiện thiên,
Thiện Kiến thiên,
Sắc Cứu Cánh thiên.

Năm bất hoàn:

Trung gian Bát Niết bàn,
Sanh Bát Niết bàn,
Vô hành Bát Niết bàn,
Hữu hành Bát Niết bàn,
Thượng lưu thú A-ca-ni-sá.

7 5 Bất lai - Kinh PHÚNG TỤNG – 33
Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– *Bài kinh số 33 – Trường II, 567*
(Trích đoạn)

Năm bất hoàn:

Trung gian Bát Niết bàn,
Sanh Bát Niết bàn,
Vô hành Bát Niết bàn,
Hữu hành Bát Niết bàn,
Thượng lưu thú A-ca-ni-sá.

8 5 hạng Bất lai - cKinh CỨU CẢNH – Tăng IV, 398

CỨU CẢNH – Tăng IV, 398

1. - Nay các Tỷ-kheo, những ai đặt sự cứu cánh ở nơi Ta tất cả những người ấy đầy đủ chánh kiến. Với những người đầy đủ chánh kiến ấy, năm hạng người đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

2. *Năm hạng người nào đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây?*

1. Hạng trở lui nhiều nhất là bảy lần.
2. Hạng Gia gia.
3. Hạng Nhứt chủng.
4. Hạng Nhất lai.
5. Và vị nào là vị A-la-hán ngay trong hiện tại.

Năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây.

3. *Và năm hạng người khác nào, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh?*

1. Hạng Trung gian Niết-bàn.
2. Hạng Tồn hại Niết-bàn.

3. Hạng Vô hành Niết-bàn.
4. Hạng Hữu hành Niết-bàn.
5. Hạng Thượng lưu được sắc cứu cánh.

Với năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

Này các Tỷ-kheo, những ai đạt sự cứu cánh ở nơi Ta, tất cả những người ấy đầy đủ chánh kiến. Trong những người đầy đủ chánh kiến, năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

BÁT ĐỘNG – *Tăng IV, 399*

1. _ Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tinh tín bát động ở nơi Ta, tất cả những vị ấy là những bậc Dự lưu. Với những bậc Dự lưu ấy, năm hạng người đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

2. *Và năm hạng người nào, đạt được cứu cánh, ngay ở nơi đây?*

1. Hạng trở lui nhiều nhất là bảy lần.
2. Hạng Gia gia.
3. Hạng Nhứt chủng.
4. Hạng Nhứt lai.

5. Và vị nào là vị A-la hán ngay trong hiện tại.

Năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây.

3. *Và năm hạng người khác nào, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh?*

1. Hạng Trung gian Niết-bàn.
2. Hạng Tôn hại Niết-bàn.
3. Hạng Vô hành Niết-bàn.
4. Hạng Hữu hành Niết-bàn.
5. Hạng Thượng lưu đạt được sắc cứu cánh.

Với năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tịnh tín bất động ở nơi Ta, tất cả những vị ấy là những Dự lưu. Với các hạng Dự lưu ấy, năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

9 6 lợi ích khi nghe pháp, thâm sát ý nghĩa pháp đúng thời - Kinh PHAGGUNA – Tăng III, 163

PHAGGUNA – Tăng III, 163

1. Lúc bảy giờ, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn đi đến Tôn giả Phagguna, vì lòng từ mẫn.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Phagguna. Tôn giả Phagguna thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy, muốn rời khỏi giường. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:

- Thôi được rồi, Phagguna! Thầy chớ có rời khỏi giường. Đã có những chỗ ngồi đã soạn từ trước, Ta sẽ ngồi tại các chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:

- Nay Phagguna, mong rằng Thầy có thể kham nhẫn! Mong rằng Thầy có thể chịu đựng! Mong rằng các khổ thọ được giảm thiểu, không tăng trưởng! Mong rằng triệu chứng giảm thiểu được thấy rõ, không tăng trưởng!

- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn. Con không có thể chịu đựng. Khổ thọ của con tăng trưởng, không có giảm thiểu. Triệu chứng tăng trưởng được thấy rõ, không có giảm thiểu!
- Bạch Thế Tôn, ví như một người lục sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, bạch Thế Tôn, những ngọn gió kinh khủng thổi lên, đau nhói trong đầu con. Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.
- Bạch Thế Tôn, như một người lục sĩ lấy một dây nit bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết chặt; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cảm thấy đau đầu một cách kinh khủng. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng, khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu. Triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.

- Bạch Thế Tôn, như một người đồ tể thiên xảo hay đê tử người đồ tể cắt ngang bung với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, bạch Thế Tôn, một ngon gió kinh khủng cắt ngang bung của con. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.
- Bạch Thế Tôn, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hồng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân của con. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.

Rồi Thế Tôn, với pháp thoại, nói lên cho Tôn giả Phagguna biết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi, đứng dậy và ra đi.

2. Rồi Tôn giả Phagguna, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền mệnh chung. *Trong khi Tôn giả lâm chung, các căn được sáng chói.* Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, đã mệnh chung. Trong khi Tôn giả mệnh chung, các căn được sáng chói.

- Nay Ànanda, tại sao các căn của Tôn giả Phagguna lại không sáng chói chứ? Nay Ànanda, với Tỷ-kheo Phagguna, tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử.

❖ Có sáu lợi ích này, này Ànanda, nếu nghe pháp đúng thời, và thâm sát ý nghĩa đúng thời.

Thế nào là sáu?

3. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mạng chung, được thấy Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Đây là lợi ích thứ nhất, này Ànanda, khi được nghe pháp đúng thời.

4. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Thế Tôn, nhưng chỉ được thấy đệ tử Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được

giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ hai khi được nghe pháp đúng thời.

5. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử của Như Lai. Nhưng với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt; do vị ấy, với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt, nên tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ ba khi *thẩm sát ý nghĩa đúng thời.*

6. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung được thấy Như Lai. Và Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ tư khi được nghe pháp đúng thời.

7. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mạng chung không được thấy Như Lai, chỉ

*được thấy đệ tử của Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Nay Ananda, đây là lợi ích thứ năm khi được **nghe pháp đúng thời.***

8. Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo *với tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử Như Lai. Nhưng với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được học thông suốt, do vị ấy với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt, nên tâm được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y này. Nay Ananda, đây là lợi ích thứ sáu khi **thẩm sát ý nghĩa đúng thời.***

Có sáu lợi ích này, này Ananda, khi được nghe pháp đúng thời, và khi được thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

10 7 sanh thú của loài người và... - Kinh SANH THỨ CỦA LOÀI NGƯỜI – Tăng III, 371

SANH THỨ CỦA LOÀI NGƯỜI – Tăng III, 371

1. - *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về bảy sanh thú của loài Người, và không chấp thủ Niết-bàn. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- *Này các Tỷ-kheo. Thế nào là bảy sanh thú của loài Người?*

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*

- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn man tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra và trở thành nguội lạnh**.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả, vị ấy không tham đắm hữu, không tham đắm hậu hữu; với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn man tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận

trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*
- *Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.*
- *Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.*

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên và có thể trở thành nguội lạnh.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy đoạn diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy đoạn diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, sau khi chưa chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

5. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". ...

Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Tổn hại Bát-niết-bàn**.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên, sau khi chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Tổn hại Bát-niết-bàn**.

6. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

Vị ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được **Vô hành Niết-bàn**.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ nhỏ, hay trên một đồng củi **nhỏ**. Miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ nhỏ ấy, hay đồng củi nhỏ ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được **Vô hành Niết-bàn**.

7. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi rộng **lớn**. Miếng*

vụn ấy ở đáy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ hay đồng củi rộng lớn ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Hữu hành Bát-niết-bàn**.

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ.". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*
- *Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.*

- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Thượng lưu, đi đến Sắc cứu cánh.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi to lớn. Miếng vụn ấy ở đáy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ, hay đồng củi to lớn ấy, thiêu cháy lùm cây, thiêu cháy rừng rậm. Sau khi thiêu cháy thảo nguyên, sau khi thiêu cháy rừng rậm, nó cháy lan đến đám ruộng xanh hay đến đám đất cao, hay đến hòn đá, hay đến dòng nước, hay đến đám đất khả ái, hay đến một phần đất nào rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Thượng lưu Bất-niết-bàn, đi đến Sắc cứu cánh.**

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy sanh thú của loài Người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Không chấp thủ Bát-Niết-bàn?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vi Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ." Vi ấy có được xả.

- Vi ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.
- Với chánh trí tuệ, vi ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vi ấy chứng đắc trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vi ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn man tùy miên.
- Vi ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vi ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vi ấy tự mình với thắng trí, ngay trong hiện tại, chứng nhập, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là **Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.

Và này các Tỷ-kheo, đây là **bảy sanh thú của loài Người và Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.

11 9 hạng người khi chết có dư y, được thoát khỏi... - Kinh KHÔNG CÓ DƯ Y – Tăng IV, 103

KHÔNG CÓ DƯ Y – Tăng IV, 103

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika, rồi Tôn giả Sàriputta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực. **Tôn giả Sàriputta** suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để vào Sàvatthi khát thực. Vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo". Tôn giả Sàriputta đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

2. Lúc bấy giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: *"Thưa chư Hiền, ai chết có dư y, tất cả không được giải thoát khỏi địa ngục, không được giải thoát khỏi bàng sinh, không được giải thoát ngạ quỷ, không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ"*.

3. Rồi Tôn giả Sàriputta không hoan hỷ, không chỉ trích lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy, không hoan hỷ, không chỉ trích, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy và ra

đi, với ý nghĩ: *"Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn"*.

Rồi Tôn giả Sàriputta khát thực ở Sàvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để vào Sàvatthi khát thực. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, con nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón, hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, con ngồi xuống một bên. Lúc bảy giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo đang ngồi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: "Thưa chư Hiền, ai chết có dư y, tất cả người ấy không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ". Rồi bạch Thế Tôn, con không hoan hỷ, không chỉ trích lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy. Không hoan hỷ, không chỉ trích, con từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi, với ý nghĩ rằng: "Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn".

4. - Nay Sàriputta, một số các du sĩ ngoại đạo là những kẻ ngu si, không thông minh, một số sẽ biết:

"Người có dư y là người có dư y", hay sẽ biết:
"Người không có dư y là người không có dư y".

*Này Sàriputta, có **chín** hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sinh, được giải thoát khỏi ngã quý, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.*

Thế nào là chín?

5. Ở đây, này Sàriputta, có hạng người **viên** mãn trong các **giới**, **viên** mãn trong **định**, nhưng **không** viên mãn trong **tuệ**. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là **vị Trung gian Bát-niết-bàn**. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ nhất, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi ngã quý... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

6. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người **viên** mãn trong các **giới**, **viên** mãn trong **định**, nhưng **không** viên mãn trong **tuệ**. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là **vị Tôn hại Bát-niết-bàn...**

... là vị Vô hành Bát-niết-bàn...

... là vị Hữu hành Bát-niết-bàn...

... là vị Thượng lưu, đi đến Sắc cứu cánh thiên, này Sàriputta, đây là hạng người thứ năm, khi chết có dư

y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

7. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người **viên** mãn trong các *giới*, **không** viên mãn trong *định*, **không** viên mãn trong *tuệ*. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, là vị **Nhất Lai**, còn *đến thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ sáu, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

8. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người **viên** mãn trong các *giới*, **không** viên mãn trong *định*, **không** viên mãn trong *tuệ*. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị **Nhất chứng**, còn *sanh hiện hữu làm người một lần nữa rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ bảy, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

9. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người **viên** mãn trong các *giới*, thành tựu **vừa phải** trong *định*, thành tựu **vừa phải** trong *tuệ*. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị **Gia gia**, *sau khi dong ruổi, sau khi luân chuyển hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ tám, khi

chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

10. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người **viên mãn** trong các *giới*, thành tựu **vừa phải** trong *định*, thành tựu **vừa phải** trong *tuệ*. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là *vị trở lui tối đa là bảy lần, sau khi dong ruổi, sau khi luân chuyển, tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài Người, rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ chín, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi bàng sanh, được giải thoát khỏi ngã quý, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Này Sàriputta, một số người du sĩ ngoại đạo là ngu si, không thông minh, một số người sẽ biết: "Có dư y là có dư y" hay một số người sẽ biết: "Không có dư y là không dư y".

Này Sàriputta, chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi ngã quý, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Nhưng này Sàriputta, cho đến nay, pháp môn này **chưa** được nói cho các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Vì có sao? **Mong rằng khi nghe pháp môn này, họ không đem lại phóng dật.**

Lại nữa, này Sàriputta, **pháp môn này được Ta nói đến vì Ta được hỏi đến.**

12 Bậc Hữu hành Niết bàn và Vô hành Niết bàn - Kinh VỚI MỘT VÀI NỖ LỰC – Tầng II, 111

VỚI MỘT VÀI NỖ LỰC – Tầng II, 111

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại chứng được Hữu hành Niết-bàn.
- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mạng chung, chứng được Hữu hành Niết-bàn.
- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại chứng được Vô hành Niết-bàn.
- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mạng chung, chứng được Vô hành Niết-bàn.

2. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người *ngay trong hiện tại chứng được Hữu hành Niết-bàn?*

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống *quán bất tịnh trên thân, với tướng nhàm chán đối với*

các món ăn, với tướng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành, với tướng, chết, khéo an trú nội tâm.

- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện khởi rất dồi dào, tức là tín căn ... tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này hiện ra rất dồi dào, ngay trong hiện tại, chứng được Hữu hành Niết-bàn.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi thân hoại mạng chung, chứng được Hữu hành Niết-bàn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân ... với tướng chết, khéo an trú trên nội tâm.
- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện khởi mềm yếu, tức là tín căn ... tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này hiện ra mềm yếu, khi thân hoại mạng chung, vị ấy chứng được Hữu hành Niết-bàn.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ngay trong hiện tại chứng được Vô hành Niết-bàn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện ... chứng đạt và an trú Thiên thứ tư.
- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này **hiện khởi dồi dào**, tức là tín căn ... tuệ căn. Do năm căn này dồi dào, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng được Vô hành Niết-bàn.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi thân hoại mạng chung, chứng được Vô hành Niết-bàn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện ... chứng đạt và an trú Thiên thứ tư.
- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này **khởi lên mềm yếu**, tức là tín căn ... tuệ căn. Do năm căn này mềm yếu, vị ấy khi thân hoại mạng chung, chứng được Vô hành Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

13 Bậc Trung gian Bát Niết bàn và Thượng lưu sắc cứu cánh Thiên - Kinh KIẾT SỬ – Tầng II, 68

KIẾT SỬ – Tầng II, 68

1. Nay các Tỷ-kheo, có **bốn hạng người** này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các **hạ phần kiết sử** không được đoạn tận, các **kiết sử khiến được sanh** không được đoạn tận, các **kiết sử khiến được hữu** không được đoạn tận.
- Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.
- Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.
- Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu được đoạn tận.

2. Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử không được đoạn tận, các kiết sử khiến được tái sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận? - Đối với **vị Nhất Lai**. Đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử ... các kiết sử khiến được sanh ... các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

3. Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được tái sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận? - Đối với **hạng người Thượng lưu, đi đến Sắc cứu kính**. Đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, ... các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

4. Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận? - Đối với hạng người **Trung gian Bát-Niết-bàn**. Đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

5. Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu được

đoạn tận? - Đối với **bậc A-la-hán**. Đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu được đoạn tận.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

14 Bồ thí với ý nghĩ trang nghiêm tâm, trang bị tâm - Kinh BỒ THÍ – Tăng III, 355

BỒ THÍ – Tăng III, 355

1. Một thời, Thế Tôn ở Campà, trên bờ hồ Gaggarā. Bảy giờ có nhiều cư sĩ ở Campà đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Sàriputta rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ ấy thưa với Tôn giả Sàriputta:

- Thưa Tôn giả, đã lâu lắm, chúng con không được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn. Lành thay, thưa Tôn giả, nếu nay chúng con được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn!

- Vậy này chư Hiền, hãy đến trong ngày lễ Trai giới (uposatha), các Thầy sẽ được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn.

- Thưa vâng, thưa Tôn giả!

Các nam cư sĩ ở Campà ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tôn giả Sàriputta, thân bên hữu hướng về Tôn giả rồi ra đi.

Rồi các nam cư sĩ ở Campà, đến ngày lễ Trai giới, đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Sàriputta rồi đứng một bên. Rồi Tôn giả Sàriputta cùng với các nam cư sĩ ở Campà đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

2. - Có thể, bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, có thể ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

- Này Sàriputta, có thể ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Có thể, này Sàriputta, ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

3. - *Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn?*

Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn?

- Ở đây, này Sàriputta, có người *bố thí* với tâm mong cầu, *bố thí* với tâm trói buộc (về kết quả), *bố thí* với

tâm mong cầu được chất chứa, bố thí với ý nghĩ: "Tôi sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau". Vị ấy bố thí như vậy cho các Sa-môn, Bà-la-môn, bố thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương liệu, giường nằm, những trú xứ, đèn đuốc. Thầy nghĩ thế nào, này Sàriputta, ở đây có thể có hạng người bố thí như vậy không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Ở đây, này Sàriputta, có hạng người bố thí với tâm mong cầu, bố thí với tâm trời buộc, bố thí với tâm mong cầu được chất chứa, bố thí với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau".

→ *Vị ấy bố thí như vậy, khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Bốn thiên vương.*

→ *Và vị ấy, khi nghiệp được đoạn tận, thân lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành "vị trở lui lại", trở lui trạng thái này.*

4. Ở đây, này Sàriputta, có người bố thí với tâm không mong cầu, bố thí với tâm không trời buộc, bố thí với tâm không mong cầu được chất chứa, bố thí không với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời

sau", nhưng bỏ thí với ý nghĩ: "Lành thay, sự bỏ thí"...

...bỏ thí không với ý nghĩ: "Lành thay, sự bỏ thí", nhưng bỏ thí với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong quá khứ, đã được tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên"...

... Hay là người bỏ thí không với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong quá khứ, đã được tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên", nhưng bỏ thí với ý nghĩ: "Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không nên là người nấu ăn, lại không bỏ thí cho người không nấu ăn"...

... bỏ thí không với ý nghĩ: "Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không nên là người nấu ăn, lại không bỏ thí cho người không nấu ăn", nhưng bỏ thí với ý nghĩ: "Như các vị ả sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angìrasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ là người san sẻ các vật bỏ thí"...

...Vị ấy bỏ thí không với ý nghĩ: "Như các vị ả sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angìrasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta

sẽ là người san sẻ các vật bố thí này", nhưng bố thí với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tinh tín, hỷ duyệt khởi lên"...

...Vị ấy bố thí, không với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tinh tín, hỷ duyệt khởi lên". Nhưng vị ấy bố thí với ý nghĩ *để trang nghiêm tâm, để trang bị tâm.* Và đối với Sa-môn hay Bà-la-môn, vị ấy bố thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương liệu, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Thầy nghĩ thế nào, này Sàriputta, ở đây, có hạng người có thể bố thí như vậy không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Này Sàriputta , ở đây, ai bố thí không với tâm cầu mong, bố thí không với tâm trối buộc, bố thí không với mong cầu được chất chứa, bố thí không với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau", bố thí không với ý nghĩ: "Lành thay, sự bố thí", bố thí không với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong đời quá khứ, đã được tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên", bố thí không với ý nghĩ: "Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không nên là người nấu ăn, lại không bố thí cho người không nấu ăn", ... bố thí không với ý nghĩ: "Như các vị ân sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta,

Yamataggi, Angìrasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ là người san sẻ các vật bố thí...", bố thí không với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi lên". Nhưng vì ấy bố thí với ý nghĩ đề trang nghiêm tâm, đề trang bị tâm.

- *Do vị ấy bố thí như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phạm chúng thiên.*
- *Và khi vị ấy, nghiệp được đoạn tận, thân lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành vị **Bất lai**, không trở lui trạng thái này.*

Này Sàriputta, đây là nhân, đây là duyên, khiến cho ở đây, một hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Này Sàriputta, nhưng đây cũng là nhân, là duyên khiến cho ở đây, có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

15 Con đường đưa đến đoạn trừ 5 hạ phần kiết sử - ĐẠỊ KINH MALUNKYAPUTTA – 64 Trung II, 205

ĐẠỊ KINH MALUNKYAPUTTA (Mahamalunkyaputta suttam)

– Bài kinh số 64 – Trung II, 205

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn".

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy không?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Malunkyaputta bạch Thế Tôn:

– Con có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy, này Malunkyaputta, Ông thọ trì như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con thọ trì thân kiến là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn con thọ trì nghi là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng

đạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì giới cấm thủ là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì dục tham là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sân là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Nay Malunkyaputta, vì vấn đề gì (hay vì ai) Ông thọ trì năm hạ phần kiết này do Ta giảng dạy?

Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cất vấn Ông với ví dụ này về đũa con nít? Nay

Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có tự thân, thời đâu nó có thể khởi lên thân kiến? Thân kiến tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ, đang nằm ngửa không có các pháp, thời từ đâu nó có thể khởi lên nghi hoặc đối với các pháp? Nghi tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có giới, thời từ đâu nó có thể khởi lên giới cấm thủ trong các giới? Giới cấm thủ tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó.

Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có những dục, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng dục tham trong các dục? Dục tham, tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang

nằm giữa không có các loài hữu tình, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng sân đối với các loài hữu tình? Sân tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cất vấn Ông với ví dụ này về đũa con nít?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:
– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn thuyết giảng năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy Ananda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.
– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

Ở đây, này Ananda, **có kẻ vô văn phạm phu**, không đến yết kiến các bậc Thánh, không tuân thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không tuân thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân:

Vị ấy sống với tâm bị triền phược bởi thân kiến, bị chi phối bởi thân kiến, và không như thật tuệ tri sự xuất ly thân kiến đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với **tâm bị nghi hoặc triền phược**, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật tuệ tri sự

xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với **tâm bị giới cấm thủ triền phược**, bị giới cấm thủ chi phối và không như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên. Giới cấm thủ này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với **tâm bị dục tham triền phược**, bị dục tham chi phối và không như thật biết sự xuất ly dục tham đã khởi lên, dục tham này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với **tâm bị sân triền phược**, bị sân chi phối và không như thật tuệ tri, sự xuất ly sân đã khởi lên. Sân này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Và này Ananda, **có vị Đa văn Thánh đệ tử**, đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân:

Vị này sống với tâm không bị thân kiến triền phược, không bị thân kiến chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Vị này sống với **tâm không bị nghi hoặc triền phược**, không bị nghi hoặc chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Vị ấy sống với **tâm không bị giới cấm thủ triền phược**, không bị giới cấm thủ chi phối và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên, giới cấm thủ của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Vị này sống với **tâm không bị dục tham triền phược**, không bị dục tham chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Dục tham này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Vị này sống với **tâm không bị sân triền phược**, không bị sân chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly sân được khởi lên. Sân này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử được biết rõ, hay được thấy rõ, hay được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn đứng thẳng có lõi cây nếu người ấy không đẽo vỏ trong, không đẽo giác cây, nhưng vẫn có thể đẽo được lõi cây, sự tình này không xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự

đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.

Và này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, **nếu thực hành** con đường ấy, lộ trình ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hãy sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, **sự tình như vậy xảy ra.**

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, nếu người ấy sau khi đẻo vỏ trong, sau khi đẻo giác cây, thời sẽ đẻo được lõi cây, sự tình này xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, đạo lộ ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn diệt, sự tình như vậy xảy ra.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người ốm yếu đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn".

Nhưng người ấy không thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy không thích thú, không hoan hỷ,**

không có định tĩnh, không có giải thoát, thời vị ấy cần phải được xem là giống người ốm yếu kia.

*Này Ananda, ví như sông Hằng, nước lớn, đầy tràn, con qua có thể uống được. Rồi một người lực sĩ đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Người ta có thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để được đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy thích thú**, hoan hỷ, có định tĩnh, có giải thoát, thời vị ấy được xem là giống như người lực sĩ kia*

Và này Ananda, thế nào là con đường, thế nào là lộ trình đưa đến sự **đoạn trừ năm hạ phần kiết sử?**

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo do viễn ly các sanh y (Upadhiviveka) do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

Vị này **chánh quán** mọi **sắc** pháp, **thọ** pháp, **tưởng** pháp, **hành** pháp, **thức** pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại,

là không, là vô ngã. **Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy.**

Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy **tập trung tâm vào bất tử giới** (Amatadhatu) và nghĩ rằng: "*Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn*".

Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.

Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, thời do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhưt tâm...

...**Thiền thứ ba**...

...chứng và trú **Thiền thứ tư**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Hư không vô biên xứ**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**... (như trên)...

... vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướng, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung vào **bát tử giới** và nghĩ rằng: "*Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn*". Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm

hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đây, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, **đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.**

Bạch Thế Tôn, nếu đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử thời do hành trì như thế nào mà một số vị Tỷ-kheo chứng tâm giải thoát, một số chứng tuê giải thoát?

– Ở đây, này Ananda, **Ta nói rằng do sự sai khác về căn tánh.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

16 Có giới định tuệ thế nào - Kinh KHÔNG CÓ DƯ Ý – Tăng IV, 103

KHÔNG CÓ DƯ Ý – Tăng IV, 103

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika, rồi Tôn giả Sàriputta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực. **Tôn giả Sàriputta** suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để vào Sàvatthi khát thực. Vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo". Tôn giả Sàriputta đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

2. Lúc bấy giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: *"Thưa chư Hiền, ai chết có dư ý, tất cả không được giải thoát khỏi địa ngục, không được giải thoát khỏi bàng sinh, không được giải thoát ngạ quỷ, không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ"*.

3. Rồi Tôn giả Sàriputta không hoan hỷ, không chỉ trích lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy, không hoan hỷ, không chỉ trích, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi, với ý nghĩ: *"Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn"*.

Rồi Tôn giả Sàriputta khát thực ở Sàvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để vào Sàvatthi khát thực. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, con nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón, hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, con ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo đang ngồi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: "Thưa chư Hiền, ai chết có dư y, tất cả người ấy không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ". Rồi bạch Thế Tôn, con không hoan hỷ, không chỉ trích lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy. Không hoan hỷ, không chỉ trích, con từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi, với ý nghĩ rằng: "Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn".

4. - Nay Sàriputta, một số các du sĩ ngoại đạo là những kẻ ngu si, không thông minh, một số sẽ biết: "Người có dư y là người có dư y", hay sẽ biết: "Người không có dư y là người không có dư y".

Này Sàriputta, có **chín** hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sinh, được giải thoát khỏi ngã quý, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Thế nào là chín?

5. Ở đây, này Sàriputta, có hạng người **viên** mãn trong các **giới**, **viên** mãn trong **định**, nhưng **không** viên mãn trong **tuệ**. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là **vị Trung gian Bát-niết-bàn**. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ nhất, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi ngã quý... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

6. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người **viên** mãn trong các **giới**, **viên** mãn trong **định**, nhưng **không** viên mãn trong **tuệ**. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là **vị Tôn hại Bát-niết-bàn...**

... là vị Vô hành Bát-niết-bàn...

... là vị Hữu hành Bát-niết-bàn...

... là vị Thượng lưu, đi đến Sắc cứu cánh thiên, này Sàriputta, đây là hạng người thứ năm, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi

loài bàng sanh... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

7. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người **viên** mãn trong các *giới*, **không** viên mãn trong *định*, **không** viên mãn trong *tuệ*. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, là vị **Nhất Lai**, *còn đến thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ sáu, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

8. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người **viên** mãn trong các *giới*, **không** viên mãn trong *định*, **không** viên mãn trong *tuệ*. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị **Nhất chủng**, *còn sanh hiện hữu làm người một lần nữa rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ bảy, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

9. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người **viên** mãn trong các *giới*, thành tựu **vừa phải** trong *định*, thành tựu **vừa phải** trong *tuệ*. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị **Gia gia**, *sau khi dong ruổi, sau khi luân chuyển hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ tám, khi

chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

10. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người **viên mãn** trong các *giới*, thành tựu **vừa phải** trong *định*, thành tựu **vừa phải** trong *tuệ*. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là *vị trở lui tối đa là bảy lần, sau khi dong ruổi, sau khi luân chuyển, tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài Người, rồi đoạn tận khổ đau*. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ chín, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi bàng sanh, được giải thoát khỏi ngã quý, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Này Sàriputta, một số người du sĩ ngoại đạo là ngu si, không thông minh, một số người sẽ biết: "Có dư y là có dư y" hay một số người sẽ biết: "Không có dư y là không dư y".

Này Sàriputta, chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi ngã quý, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Nhưng này Sàriputta, cho đến nay, pháp môn này **chưa** được nói cho các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Vì có sao? **Mong rằng khi nghe pháp môn này, họ không đem lại phóng dật.**

Lại nữa, này Sàriputta, **pháp môn này được Ta nói đến vì Ta được hỏi đến.**

17 Cư sĩ chứng Bất Lai - Kinh Acela Lỏa thể – Tương IV, 471

Acela – *Tương IV*, 471 (Lỏa thể)

1). ..

2) Lúc bảy giờ lỏa thể Kassapa đã đi đến Macchikàsanda, một bạn cũ của gia chủ Citta khi còn là gia chủ.

3) Gia chủ Citta nghe lỏa thể Kassapa, một bạn cũ của mình khi còn là gia chủ, đã đến Macchikàsanda.

Rồi gia chủ Citta đi đến lỏa thể Kassapa; sau khi đến, nói lên với lỏa thể Kassapa những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, gia chủ Citta nói với lỏa thể Kassapa:

-- *Tôn giả Kassapa, Tôn giả xuất gia đã bao lâu?*

-- Này Gia chủ, ta đã xuất gia khoảng ba mươi năm.

5) -- *Thưa Tôn giả, trong ba mươi năm ấy, Tôn giả có chứng được pháp thượng nhân nào, tri kiến thù thắng nào xứng đáng bậc Thánh và được lạc trú?*

-- Nay Gia chủ, trong suốt ba mươi năm ấy, ta không chứng được và không được lạc trú một pháp thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, ngoại trừ sự lỏa thể, sự trọc đầu, sự phủ bụi và đất cát (pàvālanipphota).

6) Khi nghe nói vậy, gia chủ Citta nói với lỏa thể Kassapa:

-- Thật là bất tư nghi, thật là hy hữu, **chánh pháp** được thuyết trong suốt ba mươi năm ấy, không chứng được, không được lạc trú một pháp thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!

7) -- *Này Gia chủ, đã bao lâu Ông làm người cư sĩ?*

-- Thưa Tôn giả, tôi thành người cư sĩ đã được ba mươi năm.

8) -- *Trong suốt ba mươi năm ấy, này Gia chủ, Ông có chứng được và được lạc trú pháp thượng nhân nào, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?*

-- *Sao lại không vậy được, thưa Tôn giả! Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, tôi ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, tôi chỉ tịnh tâm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, ly hỷ... tôi chứng và trú Thiền thứ ba. Nếu tôi muốn, thưa Tôn giả, đoạn tận lạc... tôi chứng và trú Thiền thứ tư. **Nếu tôi mệnh chung sớm hơn Thế Tôn, thưa Tôn giả, không có gì lạ, nếu Thế Tôn sẽ nói về tôi như sau: "Không có một kiết sử nào, do bị trói buộc bởi kiết sử ấy, Citta trở lui tại thế giới này nữa".***

9) Khi nghe nói vậy, lửa thê Kassapa nói với gia chủ Citta:

-- **Thật là vi diệu, thưa Tôn giả! Thật là hy hữu, thưa Tôn giả, Chánh pháp được khéo thuyết. Một gia chủ mặc áo trắng lại có thể chứng đạt được, lại có thể lạc trú pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh! Thưa Gia chủ, **hãy cho tôi được xuất gia trong Pháp và Luật này. Hãy cho tôi thọ đại giới.****

10) Rồi gia chủ Citta đưa lửa thê Kassapa đến một số Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

-- *Bạch chú Thượng tọa, lã thể Kassapa này là một người bạn của chúng con khi chúng con còn là gia chủ. Chú Thượng tọa hãy cho người này xuất gia, cho thọ đại giới. Con sẽ cố gắng cúng dường các vật liệu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.*

11) Lã thể Kassapa được xuất gia trong Pháp và Luật này, được thọ đại giới. Được thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu vị ấy đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến: đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, tự mình chứng tri với thượng trí, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

12) Và Tôn giả Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

18 Cư sĩ chứng Bất lai - Kinh Dìghàvu – Tương V, 504

Dìghàvu – Tương V, 504

1) Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, cư sĩ Dìghàvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi cư sĩ Dìghàvu thưa với cha là Jotika:

-- Hãy đi, thưa Cha, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nhân danh con, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Cư sĩ Dìghàvu, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn". Rồi Cha hãy thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến nhà cư sĩ Dìghàvu vì lòng từ mẫn!"

-- Được, này Con.

Gia chủ Jotika nghe lời cư sĩ Dìghàvu, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, gia chủ Jotika bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Dìghàvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Vị ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến trú xứ cư sĩ Dìghàvu vì lòng từ mẫn!"

Thế Tôn im lặng nhận lời.

5) Rồi Thế Tôn đáp y, cầm y bát đi đến trú xứ cư sĩ Dìghàvu; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống rồi, Thế Tôn nói với cư sĩ Dìghàvu:

-- Nay Dìghàvu, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không tăng trưởng?

-- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Đau đớn kịch liệt nơi con không có giảm thiểu, chúng tăng trưởng. Chúng có dấu hiệu tăng trưởng, không có dấu hiệu giảm thiểu.

6) -- **Do vậy, nay Dìghàvu, Ông hãy học tập như sau:**

- *"Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với đức **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô*

Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

- *Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với **Pháp**: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".*
- *Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với chúng **Tăng**: "Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".*
- *Ta sẽ thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.*

7) -- Bạch Thế Tôn, đối với **bốn Dự lưu phần** do Thế Tôn thuyết giảng, **tất cả các pháp ấy đều có ở trong con**. Con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con thành tựu lòng tin bất động đối với Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn... Đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Tôi thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định".

-- Do vậy, này Dìghàvu, sau khi ông đã an trú trong **bốn Dự lưu phần** này, Ông hãy tu tập thêm **sáu minh phần pháp** (chavijjà-bhàgiye dhamme).

8) Ở đây, này Dìghàvu, Ông hãy trú:

- Quán vô thường trong tất cả hành,
- Quán khổ tướng trong vô thường,
- Quán vô ngã tướng trong khổ,
- Quán tướng đoạn tận,
- Quán tướng ly tham,
- Quán tướng đoạn diệt.

Như vậy, này Dìghàvu, Ông cần phải học tập.

-- Bạch Thế Tôn, đối với **sáu minh phần pháp** được Thế Tôn thuyết giảng này, chúng đều có ở trong con và con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tướng trong vô thường, quán vô ngã tướng trong khổ, quán tướng đoạn tận, quán tướng ly tham, quán tướng đoạn diệt.

9) Nhưng, bạch Thế Tôn, con có ý nghĩ sau đây: "Ta không có muốn gia chủ Jotika, ở đây khi ta chết phải rơi vào khốn khổ (vighàta)".

-- Nay Dìghàvu, chớ có tác ý như vậy! Hãy nhìn, này Dìghàvu! Những gì Thế Tôn đang nói cho con, con hãy khéo tác ý.

10) Rồi Thế Tôn sau khi giáo giới cho cư sĩ Dìghàvu với lời giáo giới, từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi.

11) Cư sĩ Dìghàvu, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu liền mệnh chung.

12) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- *Bạch Thế Tôn, người cư sĩ tên là Dìghàvu; sau khi được nghe Thế Tôn giáo giới một cách tóm tắt, đã mệnh chung. Sanh thú cư sĩ ấy thế nào? Sanh xứ cư sĩ ấy chỗ nào?*

-- Hiền minh, này các Tỷ-kheo, là cư sĩ Dìghàvu! Cư sĩ Dìghàvu thực hiện các pháp và tùy pháp, không làm phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về pháp.

13) Cư sĩ Dìghàvu, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh nhập diệt ở tại đây, không còn trở lui thế giới này nữa.

19 Cư sĩ chứng Bất lai - Kinh GHATIKARA – 81 Trung II, 479

KINH GHATIKARA

– Bài kinh số 81 – Trung II, 479

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn đi du hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn bước xuống bên lề đường, đến tại một địa điểm rồi mỉm cười. Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại mỉm cười. Không phải không lý do, Như Lai lại mỉm cười". Rồi Tôn giả Ananda đáp y về phía một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì. Thế Tôn lại mỉm cười. Không phải không lý do, Như Lai lại mỉm cười.

– Thuở xưa này Ananda, tại địa điểm này là một thị trấn tên là Vebhalinga, phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Nay Ananda, **Thế Tôn Kassapa**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sống ở đây, dựa vào thị trấn Vebhalinga. Ở đây, này Ananda, là tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính tại đây, này Ananda. Thế Tôn Kassapa, bậc

A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ngồi giảng dạy cho chúng Tỷ-kheo.

Rồi Tôn giả Ananda gấp tư y sanghati (tăng-già-lê),
trải ra rồi bạch Thế Tôn:

– **Bạch Thế Tôn, thỉnh Thế Tôn ngồi xuống. Chính tại địa điểm này, hai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sẽ sử dụng.**

Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi
ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

– Thuở xưa, này Ananda, tại địa điểm này là thị trấn tên Vebhalinga, phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã sống dựa vào thị trấn Vebhalinga. Chính tại đây, này Ananda, là tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính tại đây, này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ngồi giảng dạy cho chúng Tỷ-kheo.

Này Ananda, chính tại thị trấn Vebhalinga, có **người thợ làm đồ gốm tên là Ghatikara**, người này là người đàn tín của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vi đàn tín đệ nhất. Thanh niên Jotipala là người bạn chí thân của thợ gốm Ghatikara. Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên Jotipala:

"– Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán

Chánh Đăng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác ấy".

Khi nghe nói vậy, này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Lần thứ hai, này Ananda... (như trên)... Lần thứ ba, này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên Jotipala:

"– Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác ấy".

Lần thứ ba này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi bạn Ghatikara yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

"– Vậy này bạn Jotipala, hãy cầm đồ gãi lưng và bột tắm, chúng ta hãy đi đến sông để tắm".

"– Thưa bạn, vâng".

Này Ananda, thanh niên Jotipala vâng đáp thợ gốm Ghatikara như vậy.

Thợ gốm Ghatikara và thanh niên Jotipala lấy đồ gãi lưng và bột tắm, đi đến sông để tắm. Rồi này

Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên
Jotipala:

"– Nay bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Nay bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy".

Khi nghe nói vậy, này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Lần thứ hai, này Ananda, ... (như trên)... lần thứ ba này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên
Jotipala:

"– Nay bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Nay bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy".

Lần thứ ba, này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Rồi này Ananda, thợ góm Ghatikara **nắm lấy thanh niên Jotipala ở nơi cổ tay áo và nói:**

"– Này bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy".

Rồi này Ananda, sau khi gỡ thoát cổ áo, thanh niên Jotipala nói với thợ góm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến vị Sa-môn đầu trọc ấy để làm gì?

Rồi thợ góm Ghatikara **nắm lấy tóc vừa mới tắm xong** của thanh niên Jotipala và nói:

"– Này bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipala chúng ta hãy đi, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác".

Rồi này Ananda, thanh niên Jotipala suy nghĩ như sau: "Thật là vi diệu! Thật là hy hữu! Thợ góm Ghatikara tuy sanh thuộc hạ cấp, lại dám nghĩ có thể nắm lấy tóc của ta, dầu ta vừa mới gội đầu, chắc

việc này không phải là tầm thường", rồi nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Này bạn Ghatikara, có thật sự là cần thiết không?"

"– Này bạn Jotipala, thật sự là cần thiết. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác".

"– Vậy bạn Ghatikara, hãy thả (tay) ra. Chúng ta sẽ đi".

Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara và thanh niên Jotipala cùng đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sau khi đến, thợ gốm Ghatikara đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác rồi ngồi xuống một bên. Còn thanh niên Jotipala thời nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi một bên, này Ananda, thợ gốm Ghatikara bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, đây là thanh niên Jotipala, bạn của con, bạn thân tình của con. Mong Thế Tôn thuyết pháp cho bạn con".

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, với pháp thoại khích lệ làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ thợ

gồm Ghatikara và thanh niên Jotipala. Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara và thanh niên Jotipala, sau khi được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác với pháp thoại, khích lệ, làm cho thích thú, phấn khởi, hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Này bạn Ghatikara, khi nghe pháp này, vì sao bạn không xuất gia"?

"– Này bạn Jotipala, bạn không biết tôi sao? **Tôi phải nuôi dưỡng cha mẹ già và mù lòa**".

"– Vậy này bạn Ghatikara, **tôi sẽ xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình**".

Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara và thanh niên Jotipala đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, này Ananda, thợ gốm Ghatikara bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, đây là thanh niên Jotipala, bạn của con, bạn thân tình của con. Mong Thế Tôn xuất gia cho bạn con".

Và này Ananda, thanh niên Jotipala được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác cho xuất gia, cho thọ đại giới.

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi thanh niên Jotipala xuất gia chưa bao lâu, sau nửa tháng, sau khi ở tại Vebhalinga lâu cho đến khi thấy tự thỏa mãn, liền du hành đi đến Baranasi. Ngài tuần tự du hành và đến tại Baranasi (Ba-la-nại).

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trú tại Baranasi, ở Isipatana, vườn Lộc Uyển. Này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi được nghe như sau: "Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến Baranasi, trú tại Baranasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển.

Rồi này Ananda, **Kiki, vua nước Kasi** cho thăng các cỗ xe tối thù thăng, sau khi tự mình leo lên một cỗ xe thù thăng với các cỗ xe thù thăng đi ra khỏi thành Baranasi với đại uy vệ của nhà vua để yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Vua đi xe cho đến chỗ nào còn đi được xe, rồi xuống xe đi bộ, đi đến chỗ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vua ngồi xuống một bên. Này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác với pháp thoại, khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phần

khởi, làm cho hoan hỷ Kiki, vua xứ Kasi đang ngồi một bên. Rồi Kiki, vua xứ Kasi, sau khi được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời con mời ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo".

Và này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác im lặng nhận lời. Rồi này Ananda, sau khi được biết Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Và này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, sau khi đêm ấy đã mãn, tại trú xứ của mình, cho bày biện các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, cơm vàng khô, các loại cari các hột đen được gạn bỏ, và các món ăn gia vị, rồi báo thời giờ cho Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được biết:

"– Bạch Thế Tôn giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Kiki, vua xứ Kasi, sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi tự tay

thân hầu và làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, khi Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã ăn xong, tay đã rời khỏi bát, lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con an cư mùa mưa tại Baranasi; sẽ có sự cúng dường như vậy cho chúng Tỷ-kheo".

"– Thôi vừa rồi, Đại vương, Ta đã nhận lời an cư mùa mưa rồi"

Lần thứ hai, này Ananda,... (như trên)... Lần thứ ba, này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con, an cư mùa mưa tại Baranasi; sẽ có sự cúng dường như vậy cho chúng Tỷ-kheo".

"– Thôi vừa rồi Đại vương, Ta đã nhận lời an cư trong mùa mưa rồi".

Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, suy nghĩ như sau: "Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không nhận lời mời của ta an cư mùa mưa ở Baranasi", vì vậy cảm thấy thất vọng, ưu phiền. Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

"– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có người đàn tin hộ trì hơn con?"

"– Đại vương, có một thị trấn tên là Vebhalinga. Tại đây có thợ gốm tên là Ghatikara. Người ấy là đàn tin hộ trì của Ta, một đàn tin hộ trì tối thượng. Đại vương, Đại vương có nghĩ như sau: "Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không nhận lời mời của ta an cư mùa mưa ở Baranasi", do vậy, Đại vương cảm thấy thất vọng, ưu phiền.

Nhưng thợ gốm Ghatikara không có như vậy, và không sợ như vậy.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ rượu men, rượu nấu.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara thành tựu lòng tin bất thối chuyển đối với Phật, đối với Pháp... đối với Tăng, thành tựu các giới được bậc Thánh ái lạc.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara không có nghi ngờ đối với Khổ, không có nghi ngờ đối với Khổ tập, không có nghi ngờ đối với Khổ diệt, không có nghi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, có giới hạnh, theo thiện pháp.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara từ bỏ ngọc và vàng, không có vàng và bạc.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara không có tự tay đào đất hay đào với cái cuốc. Vị này vui lòng làm thành ghè bát với đất lấy từ bờ đê bị sập xuống hay do chuột và chó đào lên, và nói như sau: "Ở đây, nếu ai muốn, hãy bỏ vào từng nhúm các loại gạo có vỏ, từng nhúm các loại đậu que (mugga?), từng nhúm các loại đậu hột (kalaya), và có thể lấy cái gì mình muốn".

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara nuôi dưỡng cha mẹ già và mù lòa.

Này Đại vương, **thợ gốm Ghatikara sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, nhập Niết-bàn từ chỗ ấy, không phải trở lui đời này nữa.

"Một thời, này Đại vương, Ta ở tại thị trấn Vabhalinga. Rồi này Đại vương, Ta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến cha mẹ của thợ gốm Ghatikara, sau khi đến nói với cha mẹ thợ gốm Ghatikara như sau:

"– Người thợ làm đồ gốm đi đâu?"

"– Bạch Thế Tôn, người đàn tín hộ trì cho Thế Tôn đã đi khỏi và có dặn như sau: **Hãy lấy cháo từ nơi nôi, hãy lấy đồ ăn từ nơi chảo mà dùng**".

"Rồi ta, này Đại vương, sau khi lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong từ chỗ ngồi đứng dậy

rời đi. Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara đi đến cha mẹ sau khi đến, nói với cha mẹ như sau:
"– Ai đã lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi?"

"– Này con, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong, từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi".

"Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara suy nghĩ như sau: "Thật là lợi ích cho ta, thật là khéo lợi ích cho ta, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy". Rồi này Đại vương, **cho đến nửa tháng, hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghatikara, hay cho đến một tuần (không rời khỏi) cha mẹ (người thợ gốm).**

"Một thời, này Đại Vương. Ta trú ở thị trấn Vebhalinga, lúc bảy giờ, các cốc bị mưa dột, rồi Ta, này Đại vương, gọi các Tỷ-kheo:

"– Hãy đi, này các Tỷ-kheo, và xem tại nhà của thợ gốm Ghatikara có cỏ hay không?"

"Khi được nghe nói vậy, này Đại vương, các Tỷ-kheo bạch với Ta:

"– Bạch Thế Tôn, tại nhà của thợ gốm Ghatikara **không có cỏ, nhưng nhà người ấy có mái cỏ**".

"– Này các Tỷ-kheo, hãy đi và rút cỏ từ ngôi nhà thợ gốm Ghatikara.

"Rồi này Đại vương, các Tỷ-kheo ấy rút cỏ từ ngôi nhà thợ gốm Ghatikara. Này Đại vương, cha mẹ thợ gốm Ghatikara nói với các Tỷ-kheo ấy:

"– Quý vị là ai lại rút cỏ ngôi nhà?"

"– Này Đại tỷ, ngôi nhà của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác bị mưa dột".

"– Hãy lấy đi, chư Hiền giả! Hãy lấy đi chư Hiền giả! "

"Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara đi đến cha mẹ, sau khi đến thưa với cha mẹ như sau:

"– Những ai đã rút cỏ khỏi ngôi nhà?"

"– Này Con, các Tỷ-kheo có nói: Ngôi nhà của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác bị mưa dột".

"Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara suy nghĩ như sau: **"Thật là lợi ích cho ta, thật là khéo lợi ích cho ta đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy"**.

"Rồi này Đại vương, cho đến nửa tháng hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghatikara, hay cho đến một tuần, (không rời khỏi) cha mẹ thợ gốm. **Rồi suốt cả ba tháng trời, ngôi nhà đứng lấy bầu trời làm mái, nhưng không có mưa rơi vào.** Và như vậy, này Đại vương, là người thợ gốm, Ghatikara.

"– Lợi ích thay, bạch Thế Tôn, cho thợ gốm Ghatikara; thật khéo lợi ích thay, bạch Thế Tôn cho

thợ gốm Ghatikara, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng! "

Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, cho người đưa đến thợ gốm Ghatikara, **khoảng năm trăm xe gạo có vỏ, gạo vàng khô và các món đồ ăn**. Rồi này Ananda, những người nhà vua đi đến thợ gốm Ghatikara và nói:

"– Này Tôn giả, năm trăm xe gạo có vỏ, gạo vàng khô và các món đồ ăn này, do Kiki, vua xứ Kasi, gửi đến cho Tôn giả, mong Tôn giả hãy nhận lấy".

"– Nhà vua rất nhiều phận sự, rất nhiều việc cần phải làm. Thật là vừa đủ cho tôi, được nhà vua nghĩ đến như thế này".

– Này Ananda, rất có thể Ông suy nghĩ như sau:

"Lúc bấy giờ, thanh niên Jotipala có thể là một người khác". Nhưng này Ananda, chớ có nghĩ như vậy. Lúc bấy giờ, **Ta chính là thanh niên Jotipala**.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

20 Cư sĩ chứng Bất lai - Kinh MẸ CỦA NANDA – Tăng III, 361

MẸ CỦA NANDA – Tăng III, 361

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahàmoggallàna đang du hành ở Dakkhinàgiri, cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nữ cư sĩ Velukantakì, mẹ của Nanda thức dậy trước khi mặt trời mọc, và đọc lớn tiếng bài "Pàràyana" (Con đường đưa đến bờ bên kia).

Lúc bấy giờ, Đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) đang đi từ phương Bắc đến phương Nam vì một vài công việc. Đại vương Vessavana nghe *nữ cư sĩ Velukantakì*, mẹ của Nanda, sau khi lớn tiếng đọc xong bài Pàràyana, liền đứng lại, chờ đợi cho bài được đọc xong. Và nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi lớn tiếng đọc xong bài Pàràyana, liền im lặng. Rồi Đại vương Vessavana biết được nữ cư sĩ, mẹ của Nanda đã đọc xong bài kệ, liền hết sức hoan hỷ và nói:

- Lành thay, này Chị! Lành thay, này Chị!

- *Ngài là ai, hỏi vị có bộ mặt hiền?*

- Này Chị, ta là anh của Chị, Đại vương Vessavana!

- Lành thay, hỏi vị có bộ mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm qua, làm quà tặng đón khách cho Ngài.

- Lành thay, này Chị! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo, với Sàriputta và Moggallàna là các vị cầm đầu, sẽ đến Velukantaka, nhưng chưa ăn sáng. Sau khi Chị mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường.

2. Rồi cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Rồi chúng Tăng, với Sàriputta và Moggallàna là vị cầm đầu đi đến Velukantaka nhưng chưa ăn sáng. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda bảo một người đi, nói rằng:

- Này Bạn, hãy đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỷ-kheo: "Đã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn".

- Thưa vâng, thưa nữ cư sĩ.

Người ấy vâng đáp nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỷ-kheo:

- Đã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn.

Rồi chúng Tỷ-kheo, với Sàriputta mà Mahàmoggallàna là vị cầm đầu, vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi đến, ngồi xuống trên các chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, mời chúng Tỷ-kheo với Sàriputta và Moggallàna là vị cầm đầu, với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, và làm chúng Tỷ-kheo được thỏa mãn. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda thấy Tôn giả Sàriputta ăn đã xong, tay đã rút lui khỏi bình bát, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta nói với cư sĩ, mẹ của Nanda đang ngồi một bên:

- Nay Mẹ của Nanda, ai bảo cho Bà biết chúng Tỷ-kheo sẽ đi tới nhà?

- Ở đây, thưa Tôn giả, con thức dậy trước khi trời sáng, đọc lớn tiếng bài kệ Pàrayana rồi im lặng. Rồi thưa Tôn giả, Đại vương Vessavana sau khi biết được con đã đọc xong, liền hết sức hoan hỷ và nói:

- "Lành thay, này Chị! Lành thay, này Chị!"

- "Ngài là ai, hỡi vị có bộ mặt hiền?"

- "Này Chi, ta là anh của Chi, Đại vương Vessavana!"

- "Lành thay, hỡi vị có bộ mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm qua, làm quà tặng đón khách cho Ngài."

- "Lành thay, này Chi! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo, với Sàriputta và Moggallàna là các vị cầm đầu, sẽ đến Velukantaka, nhưng chưa ăn sáng. Sau khi Chi mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường."

Thưa Tôn giả, mong rằng mọi công đức của buổi cúng dường này sẽ đem lại an lạc cho đại vương Vessavana!

3. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Bà có thể nói chuyện, mặt tận mặt với một Thiên tử có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả,

Nanda, đưa con độc nhất của con, khả ái, khả ý, vì một lý do gì đó, bị các vua dùng sức mạnh bắt giữ và đoạn mạng sống. Thưa Tôn giả, trong khi đưa trẻ bị bắt giữ hay đang bị bắt giữ, khi bị trói hay đang bị trói, khi bị giết hay đang bị giết, con rõ biết tâm của con không có đổi khác.

4. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Bà có thể cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, *người chồng của con, khi mạng chung, sanh vào sanh loại Dạ-xoa, và vị ấy hiện lên trước mặt con, với một tự ngã như lúc trước. Nhưng thưa Tôn giả, con rõ biết, không vì nhân duyên ấy, tâm của con có đổi khác.*

5. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Người có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Thưa Tôn giả, *khi còn là thiếu nữ, được đưa đến cho chồng con, con rõ biết*

con không có một tâm vi phạm đối với chồng con, huống nữa là về thân!

6. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Bà có thể cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Thưa Tôn giả, *khi con tự chấp nhận là một nữ cư sĩ, con rõ biết con chưa từng vi phạm một học pháp nào.*

7. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda!

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, *nếu con muốn, con có thể ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, không tầm không tứ.*

Làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, con chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ, con trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, con chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Đoạn lạc và đoạn khổ, chấm dứt các hỷ ưu đã cảm thọ trước, con chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

8. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda!

- Thừa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thừa Tôn giả, *năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con thấy rõ không còn pháp nào ở nơi con chưa được đoạn tận.*

9. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda!

Rồi Tôn giả Sàriputta, sau khi với một pháp thoại, nói lên cho nữ cư sĩ mẹ của Nanda, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

21 Cư sĩ chứng Bất lai - Kinh Sirivaddha – Tương V, 275

Sirivaddha – Tương V, 275

1) Một thời Tôn giả Ananda trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, cư sĩ Sirivaddha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi gia chủ Sirivaddha bảo một người:

-- Hãy đến, này Bạn. Hãy đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Ananda và thưa: "Thưa Tôn giả, gia chủ Sirivaddha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Gia chủ cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Ananda, và thưa như vậy: « Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ananda đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaddha vì lòng từ mẫn »".

-- Thưa vâng, Gia chủ.

Người ấy vâng đáp gia chủ Sirivaddha, đi đến Tôn giả Ananda.

4) Sau khi đến, vị ấy đánh lễ Tôn giả Ananda và ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vị ấy thưa với Tôn giả Ananda:

-- Thưa Tôn giả Ananda, gia chủ Sirivaddha bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Gia chủ cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Ananda và thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ananda đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaddha vì lòng từ mẫn".

Tôn giả Ananda im lặng nhận lời.

5) Rồi Tôn giả Ananda đáp y, cầm y bát đi đến trú xứ của gia chủ Sirivaddha; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda nói với gia chủ Sirivaddha:

6) -- *Này Gia chủ, Gia chủ có thể kham nhẫn được chăng? Gia chủ có thể chịu đựng được chăng? Có phải các khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không có tăng trưởng?*

-- Thưa Tôn giả, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Các khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu; có dấu hiệu tăng trưởng, không có giảm thiểu.

7) -- **Vậy, này Gia chủ, hãy tự học tập như sau:** "Tôi sẽ trú, quán thân trên thân, **niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.** Tôi sẽ trú, quán **thọ** trên các cảm thọ... Tôi sẽ trú, quán **tâm** trên tâm... Tôi sẽ trú, quán **pháp** trên các pháp, **niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời**". Như vậy, này Gia chủ, Ông cần phải học tập.

8) -- Thưa Tôn giả, **bốn niệm xứ** này được Thế Tôn thuyết giảng, **những pháp ấy có ở trong con, và con hiện thực hành những pháp ấy.** Thưa Tôn giả, con trú, quán thân trên thân, **niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.** Con trú, quán thọ trên các cảm thọ... Con trú, quán tâm trên tâm... Con trú, quán pháp trên các pháp, **niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.**

9) Thưa Tôn giả, **năm hạ phần kiết sử** được Thế Tôn thuyết giảng này, **con không thấy có một pháp nào mà không được đoạn tận ở nơi con.**

10) -- Lợi đắc thay cho Ông, này Gia chủ! Thật khéo lợi đắc thay cho Ông, này Gia chủ! Này Gia chủ, **Gia chủ đã tuyên bố về quả Bất lai.**

22 Cư sĩ chứng Bất lai - Kinh UGGA NGƯỜI HATTHIGÀMA – Tầng III, 575

UGGA NGƯỜI HATTHIGÀMA – Tầng III, 575

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Vajji, tại làng Hatthi. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo ... (như 21 số 1) ... Thế Tôn nói như sau:

2. - **Này các Tỷ-kheo, gia chủ Ugga, người Hatthigàma, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có. Các Thầy hãy thọ trì như vậy.**

Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh xá.

3. Rồi một Tỷ-kheo đắp y vào buổi sáng, cầm bát y, đi đến trú xá của gia chủ Ugga người Hatthigàma.

4. - Này gia chủ, Thế Tôn có nói rằng: " Gia chủ Ugga người Hatthigàma này, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có". Này gia chủ, thế nào là tám pháp vi diệu chưa từng có ấy, mà Thế Tôn nói gia chủ là người được thành tựu?

- Thừa Tôn giả, tôi không biết Thế Tôn đã nói tôi thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có là gì. Nhưng thừa Tôn giả, tôi có tám pháp vi diệu chưa từng có này, hãy lắng nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói:

- Vâng, này gia chủ.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp gia chủ Uggā người Vesālī. Gia chủ Uggā người Vesālī nói như sau:

5. - Thừa Tôn giả, khi tôi còn vui chơi ở rừng Nàgā, lần đầu tiên, tôi thấy Thế Tôn từ đằng xa. Chỉ thấy Thế Tôn thôi, thừa Tôn giả, tâm tôi được tịnh tín, và say rourou được đoạn tận. Thừa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất, được có ở nơi tôi. Rồi thừa Tôn giả, với tâm tịnh tín ấy, tôi hầu hạ Thế Tôn. Rồi Thế Tôn thuyết pháp thuận thứ cho tôi như thuyết pháp về bố thí, thuyết về giới, thuyết về cõi trời, nói lên sự nguy hại, sự hạ liệt, nhiễm ô của các dục và sự lợi ích của viễn ly.

6. Rồi thừa Tôn giả, với tâm tịnh tín ấy, tôi hầu hạ Thế Tôn. *Thế Tôn thuyết pháp thuận thứ cho tôi, như thuyết về bố thí, thuyết về giới, thuyết về cõi Trời, nói đến sự nguy hại, hạ liệt, nhiễm ô của các dục và sự lợi ích của viễn ly.*

Khi Thế Tôn biết tôi tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phân khởi, tâm được hoan hỷ, Thế Tôn mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: "Khổ, Tập, Diệt, Đạo".

Cũng như một tấm vải thuần bạch, các chấm đen được gột rửa, rất dễ thấm màu nhuộm. Cũng vậy, chính tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên nơi tôi: "Phàm pháp gì được tập khởi, tất cả Pháp ấy đều bị đoạn diệt". Rồi thưa Tôn giả, khi tôi thấy pháp, đạt pháp, biết pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ được vượt qua, do dự trừ diệt, đạt được vô sở úy, không ý cứ người khác đối với pháp bậc Đạo Sư. Tại đây, tôi quy y Phật, quy y Pháp và chúng Tăng, tôi thọ lãnh năm học pháp về Phạm hạnh. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu thứ hai, được có ở nơi tôi.

7. Thưa Tôn giả, tôi có bốn vợ đều còn trẻ tuổi. Rồi tôi đi đến các người vợ ấy; sau khi đến, tôi nói với các người vợ ấy như sau: "Này các vị, tôi đã thọ lãnh năm học pháp về Phạm hạnh. Ai muốn, hãy hưởng thọ tài sản ở chỗ này, hay làm các công đức, hay đi đến gia đình bà con của mình, hay ai có ưng ý người đàn ông nào, tôi sẽ cho các vị". Được nói như vậy, thưa Tôn giả, người vợ lớn của tôi nói với tôi: "Thưa gia chủ Ugga, hãy cho tôi người đàn ông tên này". Rồi thưa Tôn giả, tôi cho mời người ấy lại, với tay

trái tôi cầm người vợ, với tay phải tôi cầm bình nước, rồi tôi rửa sạch người ấy. Thưa Tôn giả, từ khi bỏ người vợ trẻ, tâm tôi không có một chút đổi khác. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba, được có ở với tôi.

8. Thưa Tôn giả, có những tài sản ở trong gia đình tôi, chúng *được phân chia giữa những người có giới và những người tốt lành.* Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư, được có ở với tôi.

9. Khi tôi hầu hạ một Tỷ-kheo, *tôi hầu hạ rất cẩn thận, không phải không cẩn thận. Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả ấy thuyết pháp cho tôi, tôi nghe hết sức cẩn thận, không phải không cẩn thận. Nếu Tôn giả ấy không thuyết pháp cho tôi, thì tôi thuyết pháp cho vị ấy.* Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm, được có ở với tôi.

10. Thật không phải là vi diệu, thưa Tôn giả, khi tôi mời chúng Tăng, *chư Thiên đến và bảo tôi: "Này gia chủ, Tỷ-kheo này là vị Câu phần giải thoát; Tỷ-kheo này là vị Tuệ giải thoát; Tỷ-kheo này là vị Thân chúng; Tỷ-kheo này là vị Kiến chí; Tỷ-kheo này là vị Tín giải thoát; Tỷ-kheo này là vị Tùy pháp hành; Tỷ-kheo này là vị Tùy tín hành; vị này giữ giới, theo thiện pháp; vị này phá giới, theo ác pháp".* *Nhưng khi tôi cúng dường chúng Tăng, tôi không cảm thấy*

có tâm như vậy khởi lên: "Vị này tôi cúng ít" hay "Vị này tôi cúng nhiều". Nhưng thưa Tôn giả, tôi cúng với tâm bình đẳng. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu, chưa từng có thứ sáu, được có ở tôi.

11. Thật không phải là vi diệu, thưa Tôn giả, chư Thiên sau khi đến, bảo tôi: "Này gia chủ, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng!". Khi được nói vậy, thưa Tôn giả, tôi nói với chư Thiên ấy như sau: "Dầu cho chư Thiên các người có nói như vậy hay không nói như vậy, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng". Thưa Tôn giả, *tuy vậy tâm tôi không có tự hào về nhân duyên ấy, nghĩa là: "Chư Thiên đến với ta, ta cùng nói chuyện với chư Thiên"*. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy, được có ở nơi tôi.

12. Thưa Tôn giả, nếu tôi mệnh chung trước Thế Tôn, đây không có gì là vi diệu, nếu Thế Tôn nói về tôi như sau: *"Không có một kiết sử nào, do kiết sử ấy, gia chủ Ugga người làng Hatthigàma có thể trở lui lại đời này"*. Thưa Tôn giả, đây là **pháp vi diệu thứ tám** được có ở nơi tôi.

Thưa Tôn giả, tám pháp vi diệu chưa từng có này có mặt. Và tôi không biết Thế Tôn đã nói tôi thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có nào.

13. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi nhận đồ ăn khát thực tại trú xứ của gia chủ Ugga, người làng Hatthigàma, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi ăn xong, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy đem tất cả câu chuyện nói với Tôn giả Ugga người Hatthigàma thuật lại với Thế Tôn.

14. Lành thay, lành thay! Này Tỷ-kheo, gia chủ Ugga người Hatthigàma nếu có trả lời một cách chơn chánh, có thể trả lời như vậy. Này Tỷ-kheo, ta đã nói gia chủ Ugga người Hatthigàma thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này. Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng gia chủ Ugga, người Hatthigàma, được thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này.

23 Cư sĩ chứng Bất lai - Kinh UGGA Ở VESÀLI – Tăng III, 570

UGGA Ở VESÀLI – Tăng III, 570

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- "Này các Tỷ-kheo! ". - "Bạch Thế Tôn ".

Các tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

2. - Này các Tỷ-kheo, gia chủ Ugga, người Vesàli, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có. Các Thầy hãy thọ trì như vậy.

Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh xá.

3. Rồi một Tỷ-kheo đắp y vào buổi sáng, cầm bát y, đi đến trú xá của gia chủ Ugga người Vesàli.

Sau khi đến, liền ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi gia chủ Ugga người Vesàli, đi đến Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, đánh lễ Tỷ-kheo ấy rồi ngồi xuống một

bên. Tỷ-kheo ấy nói với gia chủ Ugga, người Vesàli, đang ngồi xuống một bên:

4. - Nay gia chủ, Thế Tôn có nói rằng: " Gia chủ Ugga người Vesàli này, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có". Nay gia chủ, thế nào là tám pháp vi diệu chưa từng có ấy, mà Thế Tôn nói gia chủ là người được thành tựu?

- Thưa Tôn giả, tôi không biết Thế Tôn đã nói tôi thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có là gì. Nhưng thưa Tôn giả, tôi có tám pháp vi diệu chưa từng có này, hãy lắng nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói:

- Vâng, này gia chủ.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp gia chủ Ugga người Vesàli. Gia chủ Ugga người Vesàli nói như sau:

5. - Thưa Tôn giả, **khi tôi lần đầu tiên chỉ từ xa thấy Thế Tôn thôi, thưa Tôn giả, chỉ thấy Thế Tôn thôi, tâm tôi được định tín.** Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu **thứ nhất**, được có ở nơi tôi.

Rồi thưa Tôn giả, với tâm tịnh tín ấy, tôi hầu hạ Thế Tôn. **Thế Tôn thuyết pháp thuận thứ cho tôi**, như thuyết về bố thí, thuyết về giới, thuyết về cõi Trời,

nói đến sự nguy hại, hạ liệt, nhiễm ô của các dục và sự lợi ích của viên ly.

6. Khi Thế Tôn biết tôi tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phấn khởi, tâm được hoan hỷ, Thế Tôn mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: "Khổ, Tập, Diệt, Đạo".

Cũng như một tấm vải thuần bạch, các chấm đen được gột rửa, rất dễ thấm màu nhuộm. Cũng vậy, chính tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên nơi tôi: "Phàm pháp gì được tập khởi, tất cả Pháp ấy đều bị đoạn diệt". Rồi thưa Tôn giả, khi tôi thấy pháp, đạt pháp, biết pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ được vượt qua, do dự trừ diệt, đạt được vô sở úy, không ý cứ người khác đối với pháp bậc Đạo Sư. Tại đây, tôi quy y Phật, quy y Pháp và chúng Tăng, tôi thọ lãnh năm học pháp về Phạm hạnh. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu thứ hai, được có ở nơi tôi.

7. Thưa Tôn giả, tôi có bốn vợ đều còn trẻ tuổi. Rồi tôi đi đến các người vợ ấy; sau khi đến, tôi nói với các người vợ ấy như sau: "Này các vị, tôi đã thọ lãnh năm học pháp về Phạm hạnh. Ai muốn, hãy hưởng thọ tài sản ở chỗ này, hay làm các công đức, hay đi đến gia đình bà con của mình, hay ai có ưng ý người đàn ông nào, tôi sẽ cho các vị". Được nói như vậy, thưa Tôn giả, người vợ lớn của tôi nói với tôi: "Thưa

gia chủ Ugga, hãy cho tôi người đàn ông tên này". Rồi thưa Tôn giả, tôi cho mời người ấy lại, với tay trái tôi cầm người vợ, với tay phải tôi cầm bình nước, rồi tôi rửa sạch người ấy. *Thưa Tôn giả, từ khi bỏ người vợ trẻ, tâm tôi không có một chút đổi khác.* Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba, được có ở với tôi.

8. Thưa Tôn giả, có những tài sản ở trong gia đình tôi, chúng *được phân chia giữa những người có giới và những người tốt lành.* Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư, được có ở với tôi.

9. Khi tôi hầu hạ một Tỷ-kheo, *tôi hầu hạ rất cẩn thận, không phải không cẩn thận.* Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm, được có ở với tôi.

10. Thưa Tôn giả, *nếu Tôn giả ấy thuyết pháp cho tôi, tôi nghe hết sức cẩn thận, không phải không cẩn thận. Nếu Tôn giả ấy không thuyết pháp cho tôi, thời tôi thuyết pháp cho vị ấy.* Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu, được có ở nơi tôi.

11. Thật không phải là vi diệu, thưa Tôn giả, chư Thiên sau khi đến, bảo tôi: "Này gia chủ, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng!". Khi được nói vậy, thưa Tôn giả, tôi nói với chư Thiên ấy như sau: "Dầu

cho chư Thiên các người có nói như vậy hay không nói như vậy, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng ". Thưa Tôn giả, *tuy vậy tâm tôi không có tự hào về nhân duyên ấy, nghĩa là: "Chư Thiên đến với ta, ta cùng nói chuyện với chư Thiên"*. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy, được có ở nơi tôi.

12. Thưa Tôn giả, *năm hạ phần kiết sử này được Thế Tôn thuyết giảng, tôi thấy rõ không có một pháp nào không được đoạn tận ở nơi tôi*. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu, chưa từng có thứ tám, được có ở nơi tôi.

Thưa Tôn giả, tám pháp vi diệu chưa từng có này có mặt, nhưng tôi không biết Thế Tôn đã nói tôi thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có nào.

13. Rời Tỷ-kheo ấy, sau khi nhận đồ ăn khát thực tại trú xứ của gia chủ Ugga, người Vesàli, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rời Tỷ-kheo ấy, sau khi ăn xong, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy đem tất cả câu chuyện nói với Tôn giả Ugga người Vesàli thuật lại với Thế Tôn.

14. Lành thay, lành thay! Này Tỷ-kheo, gia chủ Ugga người Vesàli nếu có trả lời một cách chơn chánh, có thể trả lời như vậy. Này Tỷ-kheo, Ta đã nói gia chủ Ugga người Vesàli thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này. Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng gia chủ Ugga, người Vesàli, được thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này.

24 Cư sĩ chứng Bất lai - Vô Phiền Thiên - Kinh HATTHAKA – Tầng I, 508

HATTHAKA – Tầng I, 508

1. Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetanava, khu vườn của Anàthapindika.

Rồi [Thiên tử Hatthaka](#), sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetanava đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ đứng thẳng trước Thế Tôn", nhưng vị ấy chìm xuống, lún xuống, không có thể đứng thẳng. Ví như thực tô hay dầu đổ trên cát, chìm xuống, lún xuống, không thể giữ lại. Cũng vậy, Thiên tử Hatthaka nghĩ rằng: "Ta sẽ đứng thẳng trước mặt Thế Tôn", nhưng vị ấy chìm xuống, lún xuống, không thể đứng thẳng.

2. Rồi Thế Tôn nói với Thiên tử Hatthaka:

- Nay Hatthaka, hãy hóa thành một tự thể thô xấu.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Thiên tử Hatthaka vâng đáp Thế Tôn sau khi hóa thành một tự thể thô xấu, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với Thiên tử Hatthaka đang đứng một bên:

- Nay Hatthaka, các pháp được diễn tiến trước kia, khi Ông còn làm người, các pháp ấy hiện nay còn diễn tiến đối với Ông không?

- Bạch Thế Tôn, các pháp được diễn tiến trước kia, khi con còn làm người, các pháp ấy hiện nay có được diễn tiến đối với con. Và bạch Thế Tôn, có các pháp không được diễn tiến trước kia, khi con còn làm người, các pháp ấy có được diễn tiến hiện nay đối với con. Ví như, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sống, được các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, các vua chúa, các đại thần của vua, các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo đoanh vây. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con sống được các Thiên tử đoanh vây. Từ xa, bạch Thế Tôn, các Thiên tử đi đến, nghĩ rằng: "Chúng ta hãy đến nghe pháp từ Thiên tử Hatthaka".

Có ba pháp, bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc. Thế nào là ba?

- Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được thấy Thế Tôn, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc.
- Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được nghe Diệu pháp, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc.

- *Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được phục vụ hầu hạ chúng Tăng, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc.*

Có ba pháp này, bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ. Con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc.

*Con thấy không vừa đủ
Khi được gặp Thế Tôn
Được phục vụ chúng Tăng
Được lắng nghe Diệu pháp
Học tập tăng thượng giới
Thích thú nghe Diệu pháp
Do đối với ba pháp
Cảm thấy không vừa đủ
Thiên tử Hatthaka
Được sanh Vô phiền thiên.*

25 Cư sĩ chứng Bất lai - cKinh HATTHAKA NGƯỜI ÀLAVÌ 1 – Tăng III, 579

HATTHAKA NGƯỜI ÀLAVÌ 1 – Tăng III, 579

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Àlavì, tại điện Phạt Aggàlava. Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

2. *–Này các Tỷ-kheo, **Hatthaka**, người xứ Àlavì thành tựu **bảy pháp vi diệu chưa từng có**. Các Thầy hãy thọ trì như vậy.*

3. Thế nào là bảy?

- *Có lòng **tin**, là Hatthaka, người xứ Àlavì.*
- *Có **giới**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*
- *Có lòng **xấu hổ**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*
- *Có lòng **sợ hãi**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*
- ***Nghe nhiều**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*
- *Có **bố thí**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*
- *Có **trí tuệ**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*

Thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka người xứ Àlavì. Hãy thọ trì như vậy. Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Thiên Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh xá.

4. Rồi một Tỷ-kheo đáp y vào buổi sáng, cầm bát y, đi đến trú xá của gia chủ Hatthaka người Àlavì.

Sau khi đến, liền ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi gia chủ Hatthaka người Àlavì, đi đến Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, đánh lễ Tỷ-kheo ấy rồi ngồi xuống một bên. Tỷ-kheo ấy nói với Hatthaka, người xứ Àlavì, đang ngồi xuống một bên:

- Thưa Hiền giả, Thế Tôn đã nói Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có. Thế nào là bảy? " Có lòng tin, này các Tỷ-kheo là Hatthaka, người xứ Àlavì ... có giữ giới ... có lòng xấu hổ ... có lòng sợ hãi ... nghe nhiều ... có bố thí ... có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Àlavì ". Thưa Hiền giả, Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này như Thế Tôn đã nói.

- Thưa Tôn giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng?

- Thưa Hiền giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng.

- Lành thay, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng.

5. Rồi Tỳ-kheo ấy, sau khi nhận đồ ăn khát thực tại trú xứ của Hatthaka, người xứ Àlavì, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tỳ-kheo ấy, sau khi ăn xong, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của Hatthaka, người Àlavì; sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Bạch Thế Tôn, rồi con nói với Hatthaka, người xứ Àlavì đang ngồi một bên: - "- Thưa Hiền giả, Thế Tôn đã nói Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có. Thế nào là bảy? "Có lòng tin, này các Tỳ-kheo là Hatthaka, người xứ Àlavì ... có giữ giới ... có lòng xấu hổ ... có lòng sợ hãi ... nghe nhiều ... có bố thí ... có trí tuệ, này các Tỳ-kheo, là Hatthaka, người xứ Àlavì ". Hiền giả thành tựu bảy pháp này, thưa Hiền giả, như Thế Tôn đã nói! ". Khi nghe nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hatthaka người xứ Àlavì nói với con:

- "Thưa Tôn giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng? "

- Thưa Hiền giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng.

- Lành thay, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng. »

6. - Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Này Tỷ-kheo, *thiện nam tử này là ít dục*. Vì ấy không muốn các thiện pháp của mình được người khác biết đến.

Do vậy, này Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng, Hatthaka người xứ Àlavì, có thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này, tức là ít dục.

HATTHAKA NGƯỜI XỨ ÀLAVÌ 2 –Tăng III, 582

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Àlavì, tại điện Phật Aggàlava. Rồi **Hatthaka**, người xứ Àlavì cùng với năm trăm nam cư sĩ đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Hatthaka, người xứ Àlavì, đang ngồi xuống một bên:

2. - *Này Hatthaka, hội chúng này thật lớn. Làm sao, này Hatthaka, Ông thâm nhiếp được hội chúng này?*

- Bạch Thế Tôn, có **bốn nhiếp pháp** này được Thế Tôn thuyết giảng. Con thâm nhiếp hội chúng này với những nhiếp pháp ấy.

- Bạch Thế Tôn, khi con biết rằng: "*Người này cần phải thâm nhiếp nhờ có **bồ thí***", thời con thâm nhiếp người ấy với bồ thí.
- Khi con biết rằng: "*Người này cần phải thâm nhiếp nhờ **ái ngữ***", thời con thâm nhiếp người ấy với ái ngữ.
- Khi con biết rằng: "*Người này cần phải thâm nhiếp nhờ **lợi hành***", thời con thâm nhiếp người ấy với lợi hành.
- Khi con biết rằng: "*Người này cần phải thâm nhiếp nhờ **đồng sự***", thời con thâm nhiếp người ấy với đồng sự.

Vả lại, bạch Thế Tôn, trong gia đình con có tài sản, họ nghĩ rằng như vậy không thể được nghe như là một người bản cùng.

3. - Lành thay, lành thay, này Hatthaka! **Đây là nguyên lý để thâm nhiếp đại chúng!**

- Này Hatthaka, những ai trong quá khứ đã thâm nhiếp đại chúng, tất cả đều thâm nhiếp đại chúng với bốn nhiếp pháp này.
- Này Hatthaka, những ai trong tương lai sẽ thâm nhiếp đại chúng, tất cả sẽ thâm nhiếp đại chúng với bốn nhiếp pháp này.

- Nay Hatthaka, những ai trong hiện tại thâm nhiếp đại chúng, tất cả họ đều thâm nhiếp đại chúng với bốn nhiếp pháp này.

4. Rồi Hatthaka, người xứ Àlavì, được Thế Tôn với pháp thoại, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi ra đi. Thế Tôn, sau khi Hatthaka, người xứ Àlavì ra đi không bao lâu, bèn gọi các Tỷ-kheo:

5. - Nay các Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng Hatthaka, người xứ Àlavì thành tựu được **tám pháp vi diệu chưa từng có này**.

6. Thế nào là tám pháp?

- Có lòng **tin**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- Có giữ **giới**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- Có lòng **xấu hổ**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- Có lòng **sợ hãi**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- **Nghe** nhiều, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- Có bố **thí**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- Có trí **tuệ**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- **Ít dục**, là Hatthaka người xứ Àlavì!

Này các Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng Hatthaka, người xứ Àlavì có thành tựu tám vi diệu pháp chưa từng có này.

26 Gương nữ cư sĩ - Kinh MẸ CỦA NANDA – Tăng III, 361

MẸ CỦA NANDA – Tăng III, 361

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahàmoggallàna đang du hành ở Dakkhinàgiri, cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nữ cư sĩ Velukantakì, mẹ của Nanda thức dậy trước khi mặt trời mọc, và đọc lớn tiếng bài "Pàràyana" (Con đường đưa đến bờ bên kia).

Lúc bấy giờ, Đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) đang đi từ phương Bắc đến phương Nam vì một vài công việc. Đại vương Vessavana nghe *nữ cư sĩ Velukantakì*, mẹ của Nanda, sau khi lớn tiếng đọc xong bài Pàràyana, liền đứng lại, chờ đợi cho bài được đọc xong. Và nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi lớn tiếng đọc xong bài Pàràyana, liền im lặng. Rồi Đại vương Vessavana biết được nữ cư sĩ, mẹ của Nanda đã đọc xong bài kệ, liền hết sức hoan hỷ và nói:

- Lành thay, này Chị! Lành thay, này Chị!

- *Ngài là ai, hỏi vị có bộ mặt hiền?*

- Này Chị, ta là anh của Chị, Đại vương Vessavana!

- Lành thay, hỏi vị có bộ mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm qua, làm quà tặng đón khách cho Ngài.

- Lành thay, này Chị! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo, với Sàriputta và Moggallàna là các vị cầm đầu, sẽ đến Velukantaka, nhưng chưa ăn sáng. Sau khi Chị mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường.

2. Rồi cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Rồi chúng Tăng, với Sàriputta và Moggallàna là vị cầm đầu đi đến Velukantaka nhưng chưa ăn sáng. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda bảo một người đi, nói rằng:

- Này Bạn, hãy đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỷ-kheo: "Đã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn".

- Thưa vâng, thưa nữ cư sĩ.

Người ấy vâng đáp nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỷ-kheo:

- Đã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn.

Rồi chúng Tỷ-kheo, với Sàriputta mà Mahàmoggallàna là vị cầm đầu, vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi đến, ngồi xuống trên các chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, mời chúng Tỷ-kheo với Sàriputta và Moggallàna là vị cầm đầu, với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, và làm chúng Tỷ-kheo được thỏa mãn. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda thấy Tôn giả Sàriputta ăn đã xong, tay đã rút lui khỏi bình bát, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta nói với cư sĩ, mẹ của Nanda đang ngồi một bên:

- Này Mẹ của Nanda, ai bảo cho Bà biết chúng Tỷ-kheo sẽ đi tới nhà?

- Ở đây, thưa Tôn giả, con thức dậy trước khi trời sáng, đọc lớn tiếng bài kệ Pàrayana rồi im lặng. Rồi thưa Tôn giả, Đại vương Vessavana sau khi biết được con đã đọc xong, liền hết sức hoan hỷ và nói:

- "Lành thay, này Chị! Lành thay, này Chị!"

- "Ngài là ai, hỡi vị có bộ mặt hiền?"

- "Này Chi, ta là anh của Chi, Đại vương Vessavana!"

- "Lành thay, hỡi vị có bộ mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm qua, làm quà tặng đón khách cho Ngài."

- "Lành thay, này Chi! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo, với Sàriputta và Moggallàna là các vị cầm đầu, sẽ đến Velukantaka, nhưng chưa ăn sáng. Sau khi Chi mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường."

Thưa Tôn giả, mong rằng mọi công đức của buổi cúng dường này sẽ đem lại an lạc cho đại vương Vessavana!

3. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Bà có thể nói chuyện, mặt tận mặt với một Thiên tử có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả,

Nanda, đưa con độc nhất của con, khả ái, khả ý, vì một lý do gì đó, bị các vua dùng sức mạnh bắt giữ và đoạn mạng sống. Thưa Tôn giả, trong khi đưa trẻ bị bắt giữ hay đang bị bắt giữ, khi bị trói hay đang bị trói, khi bị giết hay đang bị giết, con rõ biết tâm của con không có đôi khác.

4. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Bà có thể cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, *người chồng của con, khi mạng chung, sanh vào sanh loại Dạ-xoa, và vị ấy hiện lên trước mặt con, với một tự ngã như lúc trước. Nhưng thưa Tôn giả, con rõ biết, không vì nhân duyên ấy, tâm của con có đôi khác.*

5. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Người có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Thưa Tôn giả, *khi còn là thiếu nữ, được đưa đến cho chồng con, con rõ biết*

con không có một tâm vi phạm đối với chồng con, huống nữa là về thân!

6. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Bà có thể cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Thưa Tôn giả, *khi con tự chấp nhận là một nữ cư sĩ, con rõ biết con chưa từng vi phạm một học pháp nào.*

7. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda!

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, *nếu con muốn, con có thể ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, không tầm không tứ.*

Làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, con chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ, con trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, con chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Đoạn lạc và đoạn khổ, chấm dứt các hỷ ưu đã cảm thọ trước, con chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

8. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda!

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, *năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con thấy rõ không còn pháp nào ở nơi con chưa được đoạn tận.*

9. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda!

Rồi Tôn giả Sàriputta, sau khi với một pháp thoại, nói lên cho nữ cư sĩ mẹ của Nanda, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

27 Hạng người tự đứng lại - Kinh THUẬN DÒNG – Tầng I, 557

THUẬN DÒNG – Tầng I, 557

1.- Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Hạng người đi thuận dòng,
- Hạng người đi nghịch dòng,
- Hạng người tự đứng lại,
- Vị Bà-la-môn đã vượt qua đến bờ biên kia, đứng trên đất liền.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đi thuận dòng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **thọ hưởng các dục và làm các nghiệp ác**. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người đi thuận dòng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đi ngược dòng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không thọ hưởng các dục, không làm ác nghiệp, với khổ, với ưu, nước mắt đầy mặt, khóc than, sống Phạm hạnh**

viên mãn thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người đi ngược dòng.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người tự đứng lại?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người do **diệt tận năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, tại đây nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời ấy nữa. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người tự đứng lại.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là vị Bà-la-môn đã vượt qua đến bờ biên kia, đứng trên đất liền?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người do **đoạn diệt các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Bà-la-môn đã vượt qua đến bờ biên kia, đứng trên đất liền.

Bốn hạng người này, nay các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

*Những ai sống ở đời
Không chế ngự các dục
Không từ bỏ ly tham
Thọ hưởng các dục vọng*

Họ đi đến sanh già
Đến rồi lại đến nữa
Bị khát ái trói buộc
Họ đi thuận dòng đời.

Do vậy bậc có trí
Ở đời, trú chánh niệm
Không thọ hưởng các dục
Không hành trì điều ác
Dầu chịu sự khổ đau
Từ bỏ các dục vọng
Họ được gọi hạng người
Đi ngược lại dòng đời.

Những ai quyết đoạn tận
Năm phiền não kiết sử
Bậc hữu học viên mãn
Không còn bị thốt thắt
Đạt được tâm điều phục
Các căn được định tĩnh
Vị ấy được gọi là
Người đã tự đứng lại.

Đối các pháp thắng liệt
Vị ấy được giác tri
Đã được quét, quạt sạch
Các pháp được chấm dứt

*Vị ấy bậc trí giả
Phạm hạnh được thành tựu
Được tên gọi danh xưng
Bậc đã đi đến nơi
Chỗ tận cùng thế giới
Bậc đã đến bờ kia.*

28 Kinh BẢN TỤNG ĐỌC 1 – Tăng I, 422

BẢN TỤNG ĐỌC 1 – Tăng I, 422

1. - Nay các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này gồm hơn 150 học giới cần phải đọc nửa tháng một lần, ở đây các thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Nay các Tỷ-kheo, **tất cả được thâm nhiếp làm thành ba học giới này.**

Thế nào là ba?

- Tăng thượng **giới** học,
- Tăng thượng **tâm** học,
- Tăng thượng **tuệ** học.

Chính ba học giới này, nay các Tỷ-kheo, thâm nhiếp tất cả.

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo, đối với các giới luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với định, hành trì **một** phần,
- Đối với tuệ, hành trì **một** phần.

Vị ấy có vi phạm học giới nhỏ nhặt nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị

ấy không có khả năng. Phạm có những học giới nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

- Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là **bậc tối đa phải sanh lại bảy lần**, sau khi dong ruổi, luân chuyển tối đa bảy lần giữa chư Thiên và loài người, liền đoạn tận khổ đau.
- Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là **bậc "Gia gia"**, dong ruổi, lưu chuyển trong hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau.
- Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là **bậc Nhất chủng**, sau khi phải sanh hiện hữu làm người một lần, rồi đoạn tận khổ đau.
- Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si là **bậc Nhất lai**, phải trở lui lại đời này chỉ một lần, rồi đoạn tận khổ đau.

3. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với định, hành trì **toàn** phần,
- Đối với tuệ, hành trì **một** phần.

Vị ấy có vi phạm học giới nhỏ nhặt nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị

ấy không có khả năng. Phạm có những học giới nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

- Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là **bậc Thượng lưu**, đạt được Sắc cứu kính thiên.
- Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là **bậc Hữu hành** Bát-Niết-bàn.
- Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là **bậc Vô hành** Bát-Niết-bàn.
- Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là **bậc Tổn hại** Bát-Niết-bàn.
- Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là **bậc Trung gian** Bát-Niết-bàn.

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với định, hành trì **toàn** phần,
- Đối với tuệ, hành trì **toàn** phần.

Vị ấy có vi phạm học giới nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học giới nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở

đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

- Vị ấy do **đoạn tận các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thẳng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì có **một** phần, thành tựu được **một** phần; người hành trì **toàn** phần, thành tựu được **toàn** phần. **Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rộng không.**

29 Kinh HỮU HỌC 2 – Tăng I, 420

HỮU HỌC 2 – Tăng I, 420

1. - Nay các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này gồm hơn 150 học giới cần phải đọc nửa tháng một lần, ở đây các người thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. **Nay các Tỷ-kheo, tất cả được thâu nhiếp hợp lại làm thành ba học giới này.**

Thế nào là ba?

- Tăng thượng **giới** học,
- Tăng thượng **tâm** học,
- Tăng thượng **tuệ** học.

Chính ba học giới này, nay các Tỷ-kheo, thâu nhiếp tất cả.

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các **giới** luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với **định**, hành trì **một** phần,
- Đối với **tuệ**, hành trì **một** phần.

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị

ấy không có khả năng. *Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là **bậc Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến Chánh giác.*

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các **giới luật**, hành trì **toàn phần**,
- Đối với **định**, hành trì **một phần**,
- Đối với **tuệ**, hành trì **một phần**.

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. *Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, làm cho muôi lược tham, sân, si là **bậc Nhất lai**, chỉ trở về thế giới này một lần, rồi đoạn tận khổ đau.*

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các **giới luật**, hành trì **toàn phần**,
- Đối với **định**, hành trì **toàn phần**,

- Đối với tuệ, hành trì **một** phần.

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. **Vị ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa.**

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các **giới** luật, hành trì **toàn** phần,
- Đối với **định**, hành trì **toàn** phần,
- Đối với **tuệ**, hành trì **toàn** phần.

Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. **Vị ấy, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.**

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì có **một** phần, thành tựu được một phần; người hành trì **toàn** phần, thành tựu được toàn phần. **Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rỗng không.**

30 Kiết sử khiến được sanh được đoạn tận - Kinh KIẾT SỬ – Tầng II, 68

KIẾT SỬ – Tầng II, 68

1. Nay các Tỷ-kheo, có **bốn hạng người** này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các **hạ phần kiết sử** không được đoạn tận, các **kiết sử khiến được sanh** không được đoạn tận, các **kiết sử khiến được hữu** không được đoạn tận.
- Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.
- Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.
- Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu được đoạn tận.

2. Đối với hạng người nào, nay các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử không được đoạn tận, các kiết sử khiến

được tái sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận?

- Đối với vị **Nhất Lai**. Đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử không được đoạn tận, các kiết sử khiến được tái sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

3. Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được tái sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận?

- Đối với hạng người **Thượng lưu, đi đến Sắc cứu kính**. Đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được tái sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

4. Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận?

- Đối với hạng người **Trung gian Bát-Niết-bàn**. Đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh

được đoạn tận, các kiết sử khiến *được* hữu *không* *được* đoạn tận.

5. Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến *được* sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến *được* hữu được đoạn tận?

- Đối với **bậc A-la-hán**. Đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử *được* đoạn tận, các kiết sử khiến *được* sanh *được* đoạn tận, các kiết sử khiến *được* hữu *được* đoạn tận.

Có **bốn** hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

31 Nếu Ta sanh tại Tịnh cư Thiên thì... - ĐẠI KINH SU' TỬ HỒNG – 12 Trung I, 161

ĐẠI KINH SU' TỬ HỒNG (Mahasihanada sutta)

– Bài kinh số 12 – Trung I, 161

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Vesali (Tỳ-xá-ly), ở phía ngoài thành, trong một khu rừng phía Tây. Lúc bấy giờ, **Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi**, vừa mới từ bỏ Pháp luật này, nói lời nói như sau trong Hội chúng ở Vesali: "*Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trải nghiệm, và thuyết cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau*". Lúc ấy Tôn giả Sariputta vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, vào thành Vesali để khát thực. Tôn giả Sariputta nghe Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi nói như sau trong Hội chúng ở Vesali: "Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có

tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trải nghiệm và thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".

Rồi Tôn giả Sariputta khất thực xong, sau khi ăn và đi khất thực trở về đến chỗ ở Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi, vừa mới từ bỏ Pháp luật này, nói lời nói như sau trong Hội chúng Vesali: ""Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân... (như trên)... diệt tận khổ đau".

– Nay Sariputta, Sunakkhatta phẫn nộ và ngu si, do phẫn nộ nên nói lên lời ấy. Nay Sariputta, Ông ta nghĩ: "Ta sẽ nói xấu". Thế mà kẻ ngu Sunakkhatta lại nói lời tán thán Như Lai. *Này Sariputta, ai nói như sau là tán thán Như Lai: "Pháp ấy được thuyết giảng cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".*

– Nay Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia,

sẽ không có tùy pháp về Ta như sau: *"Đây là Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn"*.

- Này Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia, sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn, vị đã chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua thành, qua núi, như đi ngang hư không, độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền, ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên"*.
- Này Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài Người, xa và gần"*.
- Này Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn, sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài Người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau: "Tâm có tham biết là tâm có"*

tham. Hay tâm không tham biết là tâm không tham... tâm chuyên chú... tâm tán loạn... đại hành tâm... không phải đại hành tâm... tâm chưa vô thượng... tâm vô thượng... Tâm Thiên định... Tâm không Thiên định... tâm giải thoát... tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát". Vị ấy biết như vậy.

Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ **mười Như Lai lực**, chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?

1. Ở đây, này Sariputta, Như Lai **như thật tuệ tri xú là xú, phi xú là phi xú** (*Tri thị xú phi xú lực*). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri xú là xú, phi xú là phi xú. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng, và chuyển Phạm luân.
2. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri **quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại** (*Tri tam thế nghiệp báo lực*.) Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
3. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri

con đường đưa đến tất cả cảnh giới (Tri nhất thiết đạo trí lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

4. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt (Tri thế gian chủng chủng tánh lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
5. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình (Tri tha chúng sanh chủng chủng dục lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri ... chuyển Phạm luân.
6. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng hạ của các loài hữu tình, loài Người (Tri tha chúng sanh chư căn thượng hạ lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
7. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiên, chúng về Thiên, về giải thoát, về định (Tri chư Thiên tam muội lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
8. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhớ đến các đời

sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Ngài nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luận.

9. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ ràng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Các chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

10. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhờ **đoạn trừ các lậu hoặc** tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nay Sariputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguru Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực. Chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguru Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "*Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trực nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau*". Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy; không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; **người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.**

Này Sariputta, như Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu Thiền định, thành tựu trí tuệ có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Này Sariputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **bốn pháp vô sở úy** chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sừ tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là bốn?

1. Này Sariputta, Ta thấy không có lý do gì, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm

thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Các pháp này chưa được chứng ngộ hoàn toàn, mà quý vị tự xưng đã chứng ngộ hoàn toàn"*. Nay Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

2. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì... có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Các lậu hoặc này chưa được đoạn trừ mà quý vị tự xưng đã đoạn trừ"*. Nay Sariputta, vì Ta không thấy... đạt được vô úy.
3. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì... có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Những pháp này được gọi là các chướng ngại pháp khi được thực hành thời không có gì gọi là chướng ngại pháp cả"*. Nay Sariputta, vì Ta không thấy... đạt được vô úy.
4. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì một Samôn Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Pháp do quý vị thuyết giảng không đưa đến mục tiêu đặc biệt, không có khả năng hướng thượng, không có thể dẫn người thực hành đến diệt tận khổ đau"*. Nay Sariputta, vì Ta thấy

không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sariputta, có bốn pháp vô sở úy, chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương... chuyển Phạm luân. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **tám Hội chúng** này:

- Hội chúng Sát đế ly,
- Hội chúng Bà-la-môn,
- Hội chúng Gia chủ,
- Hội chúng Sa-môn,
- Hội chúng Tứ thiên vương,
- Hội chúng Tam thập tam thiên,
- Hội chúng Màra,
- Hội chúng Phạm thiên.

Này Sariputta, có tám Hội chúng này. Này Sariputta, Như Lai thành tựu bốn pháp vô sở úy như vậy, đến gần và vào tám Hội chúng này. Này Sariputta, Ta nhớ lại Ta đã đến hàng trăm Hội chúng Sát-đế-ly. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm

luyện; này Sariputta, **Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta"**. Này Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sariputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm Hội chúng Bà-la-môn... (như trên)... Hội chúng Gia chủ... Hội chúng Sa-môn... Hội chúng Tứ thiên vương... Hội chúng Tam thập tam thiên... Hội chúng Màra... Hội chúng Phạm thiên. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sariputta, Ta thấy không có một lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta". Này Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục, như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **bốn loại sanh**. Thế nào là bốn? **Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh**.

- *Này Sariputta, thế nào là noãn sanh? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào **phá vô trùng mà sanh**, này Sariputta như vậy gọi là*

noãn sanh.

- Và này Sariputta, thế nào là thai sanh? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào *phá màn da mỏng che chỗ kín mà sanh*, này Sariputta, như vậy gọi là thai sanh.
- Và này Sariputta, thế nào là thấp sanh? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào *sanh ra từ cá thúi, từ xác chết thúi, từ cháo cơm thúi, hay trong hồ nước dơ hay trong ao nước nhớp*. Này Sariputta, như vậy gọi là thấp sanh.
- Và này Sariputta, thế nào là hóa sanh? Chư Thiên, các chúng sanh ở địa ngục, một số thuộc loài người và một số thuộc đạo xứ. Này Sariputta, như vậy gọi là hóa sanh.

Này Sariputta có bốn loại sanh như vậy. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục, như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **năm loại sanh thú này**. Thế nào là năm? Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài Người, chư Thiên.

- Này Sariputta, **Ta tuệ tri địa ngục**, con đừng đưa đến địa ngục và hành lộ đưa đến địa ngục. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung,

phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự việc này ta cũng tuệ tri.

- Và này Sariputta, **Ta tuệ tri bàng sanh**, con đường đưa đến bàng sanh. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào bàng sanh, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta tuệ tri ngạ quỷ**, con đường đưa đến ngạ quỷ, và hành lộ đưa đến ngạ quỷ. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ngạ quỷ, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri loài Người**, con đường đưa đến thế giới loài Người và hành lộ đưa đến thế giới loài Người. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài Người, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri chư Thiên**, con đường đưa đến Thiên giới và hành lộ đưa đến Thiên giới. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, thế giới này, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri Niết-bàn**, con

đường đưa đến Niết-bàn và hành lộ đưa đến Niết-bàn. Tùy theo hành nghiệp, do đoạn trừ các lậu hoặc, sau khi tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sự việc này, Ta cũng tuệ tri.

Này Sariputta, ở đây, với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. *Này Sariputta, cũng như có một hố than sâu hơn thân người, đầy vun than hừng, không có lửa ngọn, không có khói, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi khô cổ, đắng họng, khát nước, và đi thẳng đến hố than ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy, có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố than kia". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố than ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt.* Này Sariputta, cũng vậy, ở đây với

tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khóc liệt.

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào **bàng sanh***". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy kẻ ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào bàng sanh, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khóc liệt. *Này Sariputta, cũng như có **một hổ phân**, sâu hơn thân người, đầy những phần uế, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến hổ phân ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hổ phân ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hổ phân ấy và phải cảm thọ những cảm*

giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nay Sariputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... (như trên)... thống khổ, khốc liệt.

Nay Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào ngạ quỷ, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt*". Nay Sariputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất không bằng phẳng, với lá thưa thớt, với bóng che từng đám lưa thưa. Và một người đi đến bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy*". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nay Sariputta, cũng vậy ở đây với tâm của Ta... (như trên)... thống khổ, khốc liệt.

Nay Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta biết tâm của một số người: "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào loài người*". Sau một thời gian... Ta thấy

người ấy sanh vào loài người, và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. *Này Sariputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất bằng phẳng với lá sum sê, với bóng cây râm rạp. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ của người này như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. Này Sariputta, cũng vậy, ở đây, với tâm của Ta... được nhiều cảm giác lạc thọ.*

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ *sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này*". Sau một thời gian... Ta thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này và cảm thọ những cảm giác cực lạc. *Này Sariputta, giống như một ngôi lầu, có gác nhọn, có tô vôi cả trong lẫn ngoài, được che gió, có then chốt đóng lại và có các cửa sổ khép kín. Tại đây có một sàng tọa, trái nệm lông dài, trái nệm màu trắng, trái nệm bông có thêu hoa, trái nệm bằng da sơn dương gọi là kadali, có nệm với khuôn màu*

treo phía trên, có gói dài màu đỏ cả hai đầu. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến ngôi lầu ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến ngôi lầu ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm trong ngôi lầu ấy, trong góc nhọn ấy, trên sàng tọa ấy và cảm thọ được nhiều cảm thọ cực lạc. Nay Sariputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... được nhiều cảm giác lạc thọ.

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: *"Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy"*. Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc. *Này Sariputta, giống như một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong sáng, có bờ hồ khéo sắp đặt, đẹp đẽ, và không xa hồ ấy có khu rừng rậm rạp. Một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi*

thăng đến hồ sen ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hồ sen ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, sau khi tắm mình vào hồ sen ấy, sau khi tắm rửa, uống nước và làm cho dịu bớt mọi ưu tư, mệt mỏi, phiền não, sau khi ra khỏi hồ liền qua ngòi hay nằm trong rừng cây rậm rạp ấy và cảm thọ những cảm giác cực lạc. Cũng vậy, này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy". Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc.

Này Sariputta, năm loại này là năm sanh thú. Này Sariputta, có ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy, và nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuộc trắc nghiệm". **Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ**

lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Nay Sariputta, Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Nay Sariputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, **Ta thắng tri phạm hạnh, đầy đủ bốn hạnh:**

- Về khổ hạnh, Ta khổ hạnh đệ nhất;
- Về bản úc, Ta bản úc đệ nhất;
- Về yếm ly, Ta yếm ly đệ nhất;
- Về độc cư, Ta độc cư đệ nhất.

Này Sariputta, ở đây, **khổ hạnh của Ta như sau:**

- Ta sống lỏa thể, phóng túng, không theo khuôn phép, liêm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nôi chảo, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa

những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men.

- Ta chỉ nhận đồ ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miếng.
- Ta nuôi sống chỉ với một chén, nuôi sống chỉ với hai chén, nuôi sống chỉ với bảy chén. Ta chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy Ta sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Ta chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tặc, gạo lức, ăn hạt cải nivara, ăn da vụn, ăn trấu, uống nước bột gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rừng để sống.
- Ta mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm rồi quăng đi, mặc áo phẩn tảo y, mặc vỏ cây tititaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ

cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú.

- Ta sống nhỏ râu tóc, Ta theo tập tục sống nhỏ râu tóc,
- Ta theo hạnh thường đứng không dùng chỗ ngồi, Ta là người ngồi chỗ hỏ, sống tinh tấn theo hạnh ngồi chỗ hỏ.
- Ta dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhớp che dính thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bọ đậu nằm đáy,
- Sống ăn các ứ vật, sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm.
- **Như vậy Ta sống theo hạnh hành hạ, dày vò thân thể theo nhiều cách.** Nay Sariputta, như vậy là khổ hạnh của Ta.

Nay Sariputta, ở đây **hạnh bản ứ** của Ta như sau: Trên thân Ta, bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Như gốc cây tinduka bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng; cũng vậy, nay Sariputta, trên thân Ta bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Nay Sariputta, Ta

không nghĩ rằng: "Vớ tay của Ta, Ta hãy phủi sạch bụi bặm này đi, hay những người khác vớ tay của họ hãy phủi sạch bụi bặm này đi cho Ta". Nay Sariputta, Ta không có nghĩ như vậy. Nay Sariputta, như vậy là sự bần uế của Ta.

Này Sariputta, như thế này là **sự yếm ly** của Ta. Nay Sariputta, tỉnh giấc, Ta đi tới; tỉnh giấc Ta đi lui, Ta an trú lòng từ cho đến trong một giọt nước với tâm tư: *"Mong rằng Ta không làm hại một chúng sanh nhỏ nào trong những ác đạo của họ!"* Nay Sariputta, như vậy là sự yếm ly của Ta.

Này Sariputta, như thế này là **sự độc cư** của Ta. Nay Sariputta, Ta đi sâu vào một khu rừng và an trú tại chỗ ấy. Khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi hay người thợ rừng, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta, và mong Ta đừng thấy họ!" Nay Sariputta, giống như một con thú rừng thấy người liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Cũng vậy, này Sariputta, khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi,

hay người tiều phu, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta, và mong Ta đừng thấy họ!" Này Sariputta, như vậy là hạnh độc cư của Ta.

Này Sariputta, rồi Ta bò bốn chân đến các chuồng bò, khi các con bò cái đã bỏ đi, khi các người chăn bò không có mặt, rồi Ta ăn phân các con bò con, các con bò còn trẻ, các con bò còn bú. Khi nước tiểu và phân của Ta còn tồn tại, Ta tự nuôi sống với các loại ấy. Này Sariputta, như vậy là **hạnh đại bất tịnh thực** của Ta.

Này Sariputta, Ta đi sâu vào một khu rừng rậm rạp kinh hoàng và an trú tại chỗ ấy. Này Sariputta, tại khu rừng rậm rạp kinh hoàng này, những ai còn tham ái đi vào khu rừng rậm rạp ấy, thời lông tóc người ấy dựng ngược. Này Sariputta, rồi Ta trong những đêm đông lạnh lẽo, giữa những ngày mỏng tằm, khi có tuyết rơi, trong những đêm như vậy, Ta sống giữa trời, và ban ngày sống trong khu rừng rậm rạp. Ta sống trong những ngày cuối tháng hè, ban ngày thì sống giữa trời, còn ban đêm trong khu rừng rậm rạp. Rồi này Sariputta, những bài kệ kỳ diệu từ trước chưa từng được nghe sau đây được khởi lên:

*Này bị thiêu đốt, bị buốt lạnh,
Cô độc sống trong rừng kinh
hoàng,
Trần truông, Ta ngồi không lửa
ấm,
Ăn sữ, trong lý tưởng dăm chiêu.*

Này Sariputta, Ta nằm ngủ trong bãi tha ma, dựa trên một bộ xương. Này Sariputta, những đũa mục đồng đến gần Ta, khạc nhổ trên Ta, tiểu tiện trên Ta, rắc bụi trên Ta và lấy que đâm vào lỗ tai. Này Sariputta, và Ta biết Ta không khởi ác tâm đối với chúng. Này Sariputta, như vậy là **hạnh trú xả** của Ta.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn*". Họ nói: "Chúng ta sống nhờ trái táo", và họ ăn trái táo, họ ăn bột táo, họ uống nước trái táo dưới nhiều hình thức. Này Sariputta, Ta tự xưng **Ta sống chỉ ăn một trái táo**. Này Sariputta, có thể các Người nghĩ như sau: "Trái táo thời ấy to lớn". Này Sariputta, chớ có hiểu như vậy. Vì trái táo thời ấy giống với trái táo hiện tại. Này Sariputta, trong khi Ta sống chỉ ăn một trái táo, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu.

- Vì Ta ăn quá ít, **tay chân** Ta trở thành như những

cọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo.

- Vì Ta ăn quá ít, **bàn tròn** của Ta trở thành như móng chân con lạc đà.
- Vì Ta ăn quá ít, các **xương sống** phô bày của Ta giống như một chuỗi banh.
- Vì Ta ăn quá ít, các **xương sườn** gầy mòn của Ta giống như rui cột nhà sàn hư nát.
- Vì ta ăn quá ít, nên **con người** của Ta long lanh nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu.
- Vì Ta ăn quá ít, **da đầu** Ta trở thành nhăn nheo khô cằn như trái bí trắng và đắng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo khô cằn.
- Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ da bụng" chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên nay Sariputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống.
- Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu tiện", thì Ta ngã quy úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít.
- Nay Sariputta, nếu Ta muốn thoa dịu thân Ta, lấy

tay xoa bóp chân tay, thì này Sariputta, trong khi Ta lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn*". Họ nói: "Chúng ta sống nhờ đậu xanh... (như trên)... chúng ta sống nhờ vừng mè... (như trên)... chúng ta sống nhờ hạt gạo", và họ ăn hạt gạo, họ ăn hạt gạo nghiền thành bột, họ uống nước gạo, và họ ăn hạt gạo dưới nhiều hình thức. Này Sariputta, Ta tự xưng Ta sống chỉ ăn một hạt gạo. Này Sariputta, có thể các Người nghĩ như sau: "Hạt gạo thời ấy to lớn". Này Sariputta, chớ có hiểu như vậy. Vì hạt gạo thời ấy giống với hạt gạo hiện tại. Này Sariputta, trong khi **Ta chỉ sống ăn một hạt gạo**, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu. Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo. Vì Ta ăn quá ít, bàn chân của Ta trở thành như móng chân con lạc đà. Vì Ta ăn quá ít, xương sống phôi bày của Ta giống như một chuỗi bánh. Vì Ta ăn quá ít các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột của một nhà sàn hư nát. Vì Ta ăn quá ít, con người long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu. Vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nheo, khô cằn như trái bí trắng và

đắng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho
nhăn nheo, khô cằn. Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta
hãy sờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy.
Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ xương sống", thì chính da
bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên nay
Sariputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Nay
Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu
tiện", thì Ta ngã quỵ, úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá
ít. Nay Sariputta, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy
tay xoa bóp chân tay, thời nay Sariputta, trong khi Ta
lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng
khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít. Nay Sariputta, **dầu Ta
có theo cử chỉ như vậy, theo hành lộ như vậy, theo
khổ hạnh như vậy, Ta cũng không chứng được các
pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng
đáng bậc Thánh. Vì sao vậy? Vì với những phương
tiện ấy, không chứng được pháp thượng nhân với
Thánh trí tuệ. Chính Thánh trí tuệ này chứng được
thuộc về bậc Thánh, có khả năng hưởng thượng, có
thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau.**

Nay Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn
có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như
sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ luân hồi"*.
Nay Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự luân hồi
mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá
dài, trừ phi với các vị **Tịnh cư thiên (Suddhavaśa)**.

Này Sariputta, nếu Ta luân hồi tại Tịnh cư thiên thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ sanh khởi*". Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự sanh khởi mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên. Này Sariputta, nếu Ta sanh khởi tại Tịnh cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ an trú*". Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự an trú mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên. Này Sariputta, nếu Ta an trú tại Tịnh cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ tế tự*". Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự tế tự mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh hay làm vị

Bà-la-môn giàu có.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ thờ lửa"*. Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự thờ lửa mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh, hay làm vị Bà-la-môn giàu có.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Khi một thiếu niên còn trẻ tuổi, tóc đen nhánh, huyết khí sung mãn, trong tuổi thanh xuân, người ấy thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng. Nhưng khi người ấy già cả, niên cao, lap lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, khi đã tám mươi, chín mươi hay một trăm tuổi, khi ấy trí tuệ biện tài tối thượng ấy bị đoạn trừ"*. *Này Sariputta, chớ có quan niệm như vậy.* Này Sariputta, nay Ta đã già, niên cao, lap lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, tuổi Ta nay đã đến tám mươi. Này Sariputta, ở đây Ta có bốn vị đệ tử, tuổi thọ đến một trăm, đã sống một trăm tuổi, thành tựu chánh niệm đệ nhất, thành tựu chuyên tâm đệ nhất, thành tựu tinh cần đệ nhất và đầy đủ trí tuệ biện tài tối thượng. *Này Sariputta, ví như một người bắn*

cung thiện xảo, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ, có thể dễ dàng bắn ngang qua bóng một cây ta-la. Cũng vậy, những vị này với chánh niệm đê nhất như vậy, được thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng như vậy, nếu những vị này hỏi Ta nhiều lần một câu hỏi về Bốn Niệm Xứ, và nếu Ta, được hỏi nhiều lần như vậy, phải giải thích cho họ hiểu và nếu họ được Ta giải thích như vậy, có thể hiểu như đã giải thích, và nếu họ không hỏi Ta về những vấn đề phụ thuộc và các vấn đề khác, trừ khi ăn, uống, nhai, ném, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức. *Này Sariputta, dầu vậy, sự thuyết pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự giải thích cú pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự trả lời các câu hỏi của Như Lai cũng chưa hoàn tất, khi mà bốn đệ tử của Ta, tuổi thọ đến một trăm tuổi, đã sống một trăm tuổi, đã từ trần sau một trăm tuổi.* **Này Sariputta, nếu Ông có gánh Ta trên giường đi chỗ này chỗ kia, thật sự trí tuệ biện tài của Như Lai không có gì thay đổi.**

Này Sariputta, những ai nói một cách chân chánh sẽ nói như sau: **"Một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người"**. Vị ấy sẽ nói về Ta một cách chân chánh

như sau: "Một vị hữu tình không bị chi phối... (như trên)... chư Thiên và loài Người".

Lúc bấy giờ Tôn giả Nagasamala đứng sau lưng Thế Tôn và quạt cho Ngài! Tôn giả Nagasamala bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Sau khi nghe pháp môn này, lông tóc con dựng ngược. Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

– Này Nagasamala, do vậy pháp môn này gọi là **pháp môn lông tóc dựng ngược**. Ông hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Nagasamala hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn.

32 Phạm Thiên Tudu - Kinh Tudu brahmà – Tương I, 327

Tudu brahmà – Tương I, 327

- 1) Tại Sàvatthi.
- 2) Lúc bảy giờ Tỷ-kheo Kokàlika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.
- 3) Rồi *Bích-chi Phạm thiên Tudu* khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Tỷ-kheo Kokàlika.
- 4) Sau khi đến, vị ấy đứng trên hư không, và nói với Tỷ-kheo Kokàlika:
 - Này Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa nhã.
- 5) -- Ông là ai, này Hiền giả?
- 6) -- Ta là Bích-chi Phạm thiên Tudu.
- 7) -- *Này Hiền giả, phải chăng Ông đã được Thế Tôn nói là đã chứng quả **Bát lai**. Vậy Ông đến ở đời này làm gì? Ông có thấy lỗi lầm của Ông như thế nào?*

*Phàm con người đã sanh,
Sanh với **búa** trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.*

*Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do chính miệng của mình;
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc,*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc (rủi may),
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen!*

*Lớn hơn, sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình!*

*Ai đối xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,
Trăm ngàn, nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.*

*Ai với lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.*

33 Phạm Thiên Tudu - Kinh TỶ KHEO KOKÀLIKA – Tǎng IV, 467

TỶ KHEO KOKÀLIKA – Tǎng IV, 467

1. Bấy giờ có Tỷ-kheo Kokàlika đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, **Tôn giả Kokàlika** bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là ác đực, bị ác đực chinh phục.

- Này Kokàlika, chớ có nói vậy! Này Kokàlika, chớ có nói vậy. Này Kokàlika, tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng, đối với con Sàriputta và Moggallàna là ác đực, bị ác đực chinh phục.*"

- Này Kokàlika, chớ có nói vậy! Này Kokàlika, chớ có nói vậy. Này Kokàlika, tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

Lần thứ ba, Tỳ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn: ... Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

2. Rồi Tỳ-kheo Kokàlika từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi đi ra.

Tỳ-kheo Kokàlika ra đi không bao lâu, toàn thân của Tỳ-kheo Kokàlika nổi lên **những mụn to bằng hạt cải**; sau khi lớn bằng hạt cải, chúng lớn lên bằng **hột đậu**; sau khi lớn lên bằng hột đậu, chúng lớn lên bằng **hạt đậu lớn**; sau khi lớn bằng hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng **hòn sỏi**; sau khi lớn bằng hòn sỏi Kolatthi, chúng lớn lên bằng **hột táo**; sau khi lớn lên bằng hột táo, chúng lớn lên bằng **trái Àmala**, chúng lớn lên bằng **trái dưa** (trái vilva); sau khi lớn lên bằng trái dưa vilva, chúng lớn lên bằng **trái billa** (trái dưa đã chín); sau khi lớn lên bằng trái billa, **chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra. Tại đây, nó nằm trên lá chuối, như con cá ăn phải đồ độc.**

3. Lúc ấy có **độc giác Phạm thiên Tudu** đi đến Tỳ-kheo Kokàlika, sau khi đến, đứng trên hư không và nói với Tỳ-kheo Kokàlika:

- Này Kokàlika, hãy đặt tâm tịnh tín nơi Sàriputta và Moggallàna! Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

- Ông là ai?

- **Ta là độc giác Phạm thiên Tudu.**

- Thưa Hiền giả, có phải Hiền giả là người được Thế Tôn trả lời là đã **chứng Bất lai**? Sao người lại đến đây? Hãy xem như thế nào người đã lầm lạc trong vấn đề này.

Rồi độc giác Phạm thiên Tudu nói lên với Tỷ-kheo Kokàlika bài kệ này:

*-Con người được sanh ra,
Sanh với búa trong miệng,
Người ngu nói điều xấu,
Là tự chém vào mình.*

*-Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành,
Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc.*

*-Nhỏ thay, bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao,*

-Bất hạnh này lớn hơn,

*Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình,
Là người khởi ác ý
Đối với chư Thiện Thế.*

*-Ai chỉ trích bậc Thánh,
Với lời, với ác ý,
Trải qua trăm ngàn thời,
Với ni-rab-bu-đa,
Còn thêm ba mươi sáu,
Với năm a-bu-đa,
Phải sanh vào địa ngục
Chịu khổ đau tại đấy.*

4. Rồi Tỳ-kheo Kokàlika, do chứng bệnh ấy mệnh chung. Sau khi chết, Tỳ-kheo Kokàlika sanh vào địa ngục sen hồng vì tâm khởi ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna.

Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đem gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên, đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Kokàlika mệnh chung, phải sanh vào địa ngục sen hồng, vì tâm khởi ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna*". Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đánh lễ

Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm đã qua, bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, đêm nay Phạm thiên Sahampati khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên, đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati thưa với Ta: "*Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo, Kokàlika đã mệnh chung, phải sanh vào địa ngục sen hồng, vì tâm khởi ác ý đối với Sàripuuta và Moggallàna*". Nay các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

6. Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, lâu dài bao nhiêu, là tuổi thọ ở địa ngục sen hồng?

- Nay Tỷ-kheo, tuổi thọ ở địa ngục sen hồng, rất khó mà tính được. Có chừng ấy năm, hay có chừng ấy trăm năm, hay có chừng ấy ngàn năm, hay có chừng ấy trăm ngàn năm.

- *Bạch Thế Tôn, có thể cho một ví dụ được chăng?*

- *Có thể được, này Tỷ-kheo, một cỗ xe chở hai mươi cân kosala chở đầy hột mè. Rồi một người cứ sau một trăm năm, một trăm năm lấy lên một hột mè. Mau hơn này Tỷ-kheo là cỗ xe chở hai mươi cân kosala chở đầy hột mè, do phương pháp này, đi đến tận sạch, không còn gì nữa, cũng chưa đủ là **một Abbuda địa ngục.***

1. *Địa ngục **Abbuda.***
2. *Ví như, hai mươi abbuda địa ngục là bằng một **Nirabbuda** địa ngục.*
3. *Ví như, hai mươi Nirabbuda địa ngục là bằng một **Ababà** địa ngục.*
4. *Ví như, hai mươi ababà địa ngục bằng một **Ahaha** địa ngục.*
5. *Ví như, hai mươi ahaha địa ngục là bằng một **Atato** địa ngục.*
6. *Ví như, hai mươi atato địa ngục bằng một **Kumodo** địa ngục.*
7. *Ví như, hai mươi kumodo địa ngục là bằng một **Sogandhika** địa ngục.*
8. *Ví như, hai mươi sogandhika địa ngục bằng một **Uppalako** địa ngục.*
9. *Ví như, hai mươi uppalako địa ngục bằng một **Pundarika** địa ngục.*

10. Ví như, hai mươi pundarika địa ngục bằng một **Paduma** địa ngục.

Này Tỳ kheo, Tỳ kheo Kokàlika phải sanh vào địa ngục Paduma (sen hồng), vì khởi lên ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Con người được sanh ra
Sanh với búa trong miệng,
Người ngu nói điều xấu,
Là tự chém vào mình.*

*Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành,
Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc.*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao,*

*Bất hạnh này lớn hơn,
Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình.*

*Là người khởi ác ý,
Đối với chư Thiện thế.*

*Ai chỉ trích bậc Thánh,
Vớ lời, vớ ác ý,
Trải qua trăm ngàn thời,
Vớ **Ni-rab-bu-da**,
Còn thêm ba mươi sáu,
Vớ năm **A-bu-đa**,
Phải sanh vào địa ngục,
Chịu khổ đau tại đấy.*

34 Quán 5 uân, chứng Bất Lai - Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 – Tăng II, 57

HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 – Tăng II, 57

1. - Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly ác pháp, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**. Ở đây, về các pháp thuộc **sắc**, thuộc **thọ**, thuộc **tưởng**, thuộc **hành**, thuộc **thức**, vì ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vì ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ ... **Thiền thứ hai** ... **Thiền thứ ba** ... **Thiền thứ tư** và an trú. Vì ấy, ở đây về các pháp thuộc **sắc**, thuộc **thọ**, thuộc **tưởng**, thuộc **hành**, thuộc **thức**, vì ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống

không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, không có chung cùng các hàng phàm phu.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

35 Quán 5 uẩn, chứng Bất Lai - Kinh TỪ 2 – Tầng II, 61

TỪ 2 – Tầng II, 61

1. Có **bốn hạng người** này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người với tâm cùng khởi với từ, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Ở đây, về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vì ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hương ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Này các Tỷ-kheo, sự sanh khởi này **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người với tâm cùng khởi với bi ... với tâm cùng khởi với hỷ ... với tâm cùng khởi với xả, biến mãn một

phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với bi... với hỷ... với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Ở đây, về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vì ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hương ngoai, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở **Tinh cư Thiên**. Nay các Tỷ-kheo, sự sanh khởi này **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời.

36 Quán 5 uẩn, chứng Bất lai - Kinh THIÊN – Tăng IV, 173

THIÊN – Tăng IV, 173

1. - Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng:

- *"Y chỉ nơi sơ Thiên, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Thiên thứ hai, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Thiên thứ ba, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Thiên thứ tư, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Không vô biên xứ..."*
- *"Y chỉ vào Thức vô biên xứ..."*
- *"Y chỉ vào Vô sở hữu xứ..."*
- *"Y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, các lậu hoặc được đoạn tận".*

2. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: *"Y chỉ vào sơ Thiên, các lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên gì, được nói đến như vậy?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, **chứng và trú sơ Thiên**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.
- Vị ấy, ở đây đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về **thọ**, thuộc về **tưởng**, thuộc về **hành**, thuộc về **thức**, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là **mụt nhọt**, là **mũi tên**, là **va chạm**, là **tật bệnh**, là **khách lạ**, là **biến hoại**, là **trống không**, là vô ngã.
- Vị ấy **tránh né tâm** mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy **hướng dẫn đến giới bất tử**: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây đạt đến **sự diệt tận các lậu hoặc**.
- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, là vị **hóa sanh**, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

*Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung, **tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ** hay trên đồng đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chúng đạt và an trú sơ Thiên. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mục rọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khác lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đây chúng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào sơ Thiên, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

3. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng y chỉ **Thiền thứ hai...** y chỉ **Thiền thứ ba...** y chỉ **Thiền thứ tư**, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc, đoạn tận khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mục hoại, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.
- Vị ấy **tránh né** tâm mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy **hướng dẫn đến giới bất tử**: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.
- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ hay trên đồng đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc... chứng đạt và an trú Thiên thứ tư. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khác lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.

Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy. Sau khi tránh né tâm khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Thiên thứ hai... y chỉ Thiên thứ ba... y chỉ Thiên thứ tư, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

4. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào **Không vô biên xứ Thiên**, các lậu hoặc được đoạn tận, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?"*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vượt khỏi các *sắc tướng* một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tướng, không tác ý đến tướng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chúng đạt và an trú Không vô biên xứ.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về *thọ*, thuộc về *tướng*, thuộc về *hành*... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đây chúng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, ta nói rằng: "Y chỉ vào Không vô biên xứ, các lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

5. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào **Thức vô biên xứ**... y chỉ vào **Vô sở hữu xứ**... các lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua **Thức vô biên xứ** một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chúng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về *thọ*, thuộc về *tướng*... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đây chúng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Vô sở hữu xứ, các lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến.

Như vậy, xa cho đến các tướng Thiên chứng, cho đến như vậy, cần phải lấy trí để thể nhập.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các xứ này, như **Phi tướng phi phi tướng** Thiên chứng và **Diệt thọ tướng** là những xứ, các Tỷ-kheo Thiên quán, khéo léo chứng nhập, khéo léo khởi xuất Thiên chứng. Ta nói rằng: *"Sau khi chứng nhập và khởi xuất, các xứ ấy cần phải được chọn chánh làm cho biết rõ".*

37 Thế Tôn đi đến 5 cõi Tịnh cư Thiên - Kinh ĐẠI BỒN – 14 Trường I, 431

KINH ĐẠI BỒN (MAHA PADANA SUTTA) – Bài kinh số 14 – Trường I, 431

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại nước Sāvatti (Xá-vệ) rừng Jeta (Kỳ-đà), vườn ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc), trong am thất cây Kareri (Hoa Lâm). Lúc bấy giờ, số đông các Tỷ-kheo đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp lại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại thuộc về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân".

2. Thế Tôn, với thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá loài người nghe được câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa Lâm viên đường. Khi đến xong, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì, các người đang ngồi bàn? Câu chuyện gì đã bị gián đoạn giữa các người?

Khi được nói vậy, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang được bàn đến giữa chúng con thời Thế Tôn đến.

3. - Nay các Tỷ-kheo, các người có muốn nghe pháp thoại thuộc về tiền thân không?

- Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thế, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy nay các Tỷ-kheo, các người hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo này đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

4. - Nay các Tỷ-kheo, **chín mươi một kiếp** về trước, **Thế Tôn Vipassī** (Tỳ-bà-thi), bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

Nay các Tỷ-kheo, **ba mươi một kiếp** về trước, **Thế Tôn Sikhī** (Thi-khí) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong ba mươi một kiếp** ấy, **Thế Tôn Vessabhū** (Tỳ-xá-bà) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

Này các Tỷ-kheo **cũng trong hiền kiếp ấy, Thế Tôn Kakusandha** (Câu-lâu-tôn) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

Này các Tỷ-kheo, **cũng trong hiền kiếp ấy, Thế Tôn Konāgamana** (Câu-na-hàm) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

Này các Tỷ-kheo, **cũng trong hiền kiếp ấy, Thế Tôn Kassapa** (Ca-diếp) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

Này các Tỷ-kheo, **cũng trong hiền kiếp ấy, nay Ta, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác** ra đời.

5. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh thuộc **chủng tánh Sát-đế-ly**, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc **chủng tánh Sát-đế-ly**, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc **chủng tánh Sát-đế-ly**, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc **chủng tánh Bà-la-môn**, sanh trong giai cấp Bà-la-môn.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc **chủng tánh Bà-la-môn**, sanh trong giai cấp Bà-la-môn.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn .

Này các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

6. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-ly-nhã).

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konagamara, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.

Này các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Gotama (Cù-đàm).

7. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là tám vạn năm.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là bảy vạn năm.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **sáu vạn năm**.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **bốn vạn năm**.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **ba vạn năm**.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ của loài người là **hai vạn năm**.

Này các Tỷ-kheo, nay tuổi thọ của Ta không bao nhiêu, ít oi, tuổi thọ loài người khoảng **một trăm năm hay hơn một chút**.

8. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây pātali** (bà-bà-la).

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây pundarika** (phân-đà-ly).

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây sirīsa** (thi-lợi-sa).

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konākgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây udumbara** (ô-tam-bà-la).

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây nigrodha (ni-câu-luật-đà).

Này các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la).

9. Này các Tỷ-kheo, **hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử** của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá).

Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Abhibhū (A-tỳ-phù) và Sambhava (Tam-bà-bà).

Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Sona (Phù-du) và Uttara (Uát-đa-la).

Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Vidhūra (Tỳ-lâu) và Sanjīva (Tát-ni).

Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bhiyyosa (Thư-bàn-na) và Uttara (Uát-đa-la).

Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Tissa (Đề-xá) và Bhāradvāja (Bà-la-bà).

Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Ta là **Sāriputta (Xá-lợi-phất)** và **Moggallāna (Mục-kiền-liên)**.

10. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có **ba Tăng hội**: một Tăng hội **sáu mươi tám triệu** Tỷ-kheo, một Tăng hội **muội vạn** Tỷ-kheo, một Tăng hội **tám vạn** Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, **tất cả đều là bậc Lậu tẩn**.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có **ba Tăng hội**: một Tăng hội **muội vạn** Tỷ-kheo, một Tăng hội **tám vạn** Tỷ-kheo, một Tăng hội **bảy vạn** Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, **tất cả đều là bậc Lậu tẩn**.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có **ba Tăng hội**: một Tăng hội **tám vạn** Tỷ-kheo, một Tăng hội **bảy vạn** Tỷ-kheo, một Tăng hội **sáu vạn** Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, **tất cả đều là bậc Lậu tẩn**.

Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có **một Tăng hội bốn vạn** Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế

Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội **ba van** Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội **hai van** Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc A-la-hán .

Này các Tỷ kheo, nay trong thời của Ta có một Tăng hội **một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo**, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

11. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là **Asoka (A-dục)**, vị này là vị thị giả đệ nhất.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là **Khemankara (Nhẫn Hành)**, vị này là vị thị giả đệ nhất.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là **Upasannaka (Tịch Diệt)** vị này là vị thị giả đệ nhất.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Buddhija (Thiện Giác), vị này là thị giả đệ nhất.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sotthija (An Hòa), vị này là vị thị giả đệ nhất.

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sabbamitta (Thiên Hữu), vị này là vị thị giả đệ nhất.

Này các Tỷ-kheo, nay Ta có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ānanda (A-nan), vị này là vị thị giả đệ nhất.

12. Này các Tỷ-kheo, phụ vương của Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đâu); mẫu hậu tên là Bandhumati (Bàn-đâu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhumā tên là Bandhumatī.

Này các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Aruna (Minh Tướng); mẫu hậu tên là Pabhāvatī (Quang Huy); kinh thành của vua Aruna tên là Pabhāvatī.

Này các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Suppatīta (Thiện Đẳng), mẫu hậu tên là Yasavati (Xứng Giới); Kinh thành của vua Suppatita tên là Anopama (Vô Dụ).

Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Aggidatta (Tự Đắc); mẫu thân Bà-la-môn tên là Visākhā (Thiện Chi). Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Khema (An Hòa); kinh thành vua Khema tên là Khemavatī (An Hòa).

Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Yannadatta (Đạt Đức) mẫu thân Bà-la-môn tên là Uttarā (Thiện Thắng); Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Sobha (Thanh Tịnh); kinh thành của vua Sobha tên là Sobhavatī (Thanh Tịnh).

Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Brahmadata (Phạm Thi) mẫu thân Bà-la-môn tên là Dhanavatī (Tài Chủ). Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Kikī (Hấp Tỳ); kinh thành vua Kikī là Baranasī (Ba-la-nại).

Này các Tỷ-kheo, nay phụ vương của Ta tên là Suddhodana (Tịnh Phạn); mẫu hậu của Ta tên là Māyā (Ma-da); kinh thành tên là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Giảng xong Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh xá.

13. Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu cuộc đàm thoại sau đây khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy:

- Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! **Này các hiền giả, thật kỳ diệu thay, đại thần lực, đại oai lực của Như Lai!** Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy". Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? ***Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn,*** đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy? ***Hay là chư Thiên mách bảo Như***

Lai và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chúng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?"

Như vậy là cuộc đàm thoại đang khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy.

14. Bảy giờ Thế Tôn, vào buổi chiều tối, sau khi xuất định, liền đến Hoa Lâm viên đường, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xong, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay các Ngươi ngồi luận bàn vấn đề gì? Đề tài gì đã được luận bàn giữa các Ngươi?

Khi được hỏi vậy, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây đã khởi lên giữa chúng con:
"Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Này các hiền giả thật kỳ diệu thay đại thần lực, đại oai lực của Như Lai! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ,

những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy". *Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này,* Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy?" *Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn* đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn

các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chúng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?" Bạch Thế Tôn, như vậy là vấn đề bàn luận giữa chúng con, khi Thế Tôn đến.

15. - Nay các Tỷ-kheo, **như vậy là pháp giới ấy được khéo chứng đạt bởi Như Lai, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ**, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chúng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Nay các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ

chúng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".
Này các Tỷ-kheo, vậy hãy nghe và suy nghiệm kỹ,
Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

16. - Này các Tỷ-kheo, **cách đây chín mươi một kiếp về trước**, Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ đến tám vạn năm. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Patali

(Ba-ba-la). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiến-trà) và Tissa (Đề-xá). Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Nay các Tỷ-kheo, Phụ Vương Thế Tôn Tỳ-bà-thi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đầu), mẫu hậu tên là Bandhumatī (Bàn-đầu-bà-đề), kinh thành của Bandhumā tên là Bandhumatī.

17. Nay các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy, Bồ-tát Vipassī, sau khi từ giả cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tỉnh giác** nhập vào mẫu thai. Nay các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy.**

Khi Bồ-tát Vipassī từ giả cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai, **khí ấy một hào quang vô lượng, thần diệu**, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng.

(1). Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới

mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thảng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và **mười ngàn thế giới** chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu ấy, thảng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

(1) Sadevamanussaya. Có chỗ dịch: chư Thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy**. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, **bốn vị Thiên tử** đứng canh gác bốn phương trời và nói: *"Không cho một ai, người hay không phải loài người, được hãm hại vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy"*.

18. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, *me vi Bồ-tát giữ giới một cách hồn nhiên*, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu men, rượu nẫu. Pháp nhĩ là như vậy.

19. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, *me vi Bồ-tát không khởi dục tâm* đối với một nam nhân nào, và không vi phạm tiết hạnh với bất kỳ người đàn ông nào dầu người này có tâm ái nhiễm đối với bà. Pháp nhĩ là gì vậy.

20. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát có được năm món dục lạc đầy đủ, tận hưởng, trọn hưởng năm món dục lạc ấy. Pháp nhĩ là như vậy.

21. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Này các Tỷ-kheo, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xuyên qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xuyên qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát không một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Pháp nhĩ là như vậy.

22. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Sau khi sanh vị Bồ-tát bảy ngày, mẹ vị Bồ-tát mệnh chung và sanh lên cảnh trời Đâu suất. Pháp nhĩ là như vậy.

23. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác mang bầu thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát mang vị Bồ-tát trong bụng mười tháng trời mới sanh. Pháp nhĩ là như vậy.

24. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác, hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát đứng mà sanh vị Bồ-tát.

Pháp nhĩ là như vậy.

25. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người. Pháp nhĩ là như vậy.

26. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, vị Bồ-tát không đụng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ. Hoàng hậu sanh một bậc vĩ nhân". Pháp nhĩ là như vậy.

27. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại

máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy. *Này các Tỷ-kheo, như viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo.

Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

28. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ-tát và cho bà mẹ. Pháp nhĩ là như vậy.

29. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Vị Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một long trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: "Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng,

không còn phải tái sanh ở đời này nữa". Pháp nhĩ là như vậy.

30. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắp xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắp xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy thắp xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

31. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sinh ra, vua Bandhumā được báo tin: "Đại vương đã được sinh một hoàng tử". Nay các Tỷ-kheo, khi thấy hoàng tử xong, vua Bandhumā liền cho mời các vị Bà-la-môn đoán tướng và nói: "Này các Hiền giả, hãy xem tướng cho Hoàng tử". Nay các Tỷ-kheo,

khi xem tướng Hoàng tử Vipassī xong, các vị Bà-la-môn đoán tướng tâu với vua Bandhumā: "Đại vương hãy hân hoan; Đại vương đã sinh một bậc vĩ nhân! May mắn thay cho Đại vương, đại hạnh thay cho Đại vương đã được một Hoàng tử như vậy sanh trong gia đình. Tâu Đại vương, Hoàng tử này có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân. Ai có đủ ba mươi hai tướng tốt này sẽ chọn hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".

32. "Đại vương, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân là gì mà Hoàng tử nếu đầy đủ những tướng tốt này sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương dùng chánh pháp trị

nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc lộ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời? "Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.

"Đại vương, dưới hai bàn chân của Hoàng tử này, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tăm xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ, tướng này được xem là tướng của bậc Đại nhân.

"Đại vương, Hoàng tử này có gót chân thon dài... (như trước)

"Đại vương, Hoàng tử này có ngón tay, ngón chân dài...

"Đại vương, Hoàng tử này có tay chân mềm mại...

"Đại vương, Hoàng tử này có tay chân có màn da lưới...

"Đại vương, Hoàng tử này có mắt cá tròn như con sò...

"Đại vương, Hoàng tử này có ống chân như con dê
rừng...

"Đại vương, Hoàng tử này đứng thẳng, không có
lưng xuống, có thể rời từ đầu gối với hai bàn tay...

"Đại vương, Hoàng tử này có tướng mã âm tàng...

"Đại vương, Hoàng tử này có màu da như đồng,
màu sắc như vàng...

"Đại vương, Hoàng tử này có da trơn mượt khiến
bụi không thể bám dính vào...

"Đại vương, Hoàng tử này có lông da mọc từ lông
một, mỗi lỗ chân lông có một lông...

"Đại vương, Hoàng tử này có lông mọc xoáy tròn
thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như
thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và
xoáy về hướng mắt...

"Đại vương, Hoàng tử này có thân hình cao thẳng...

"Đại vương, Hoàng tử này có bảy chỗ tròn đầy...

"Đại vương, Hoàng tử này có nửa thân trước như
con sư tử...

"Đại vương, Hoàng tử này không có lỗ khuyết
giữa hai vai...

"Đại vương, Hoàng tử này có thân thể cân đối như
cây bàng (nigrodha: ni-câu-luật). Bề cao của thân
ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của
hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân...

"Đại vương, Hoàng tử này có bán thân trên vuông
tròn...

"Đại vương, Hoàng tử này có vị giác hết sức sắc bén..."

"Đại vương, Hoàng tử này có quai hàm như con sư tử..."

"Đại vương, Hoàng tử này có bốn mươi răng..."

"Đại vương, Hoàng tử này có răng đều đặn..."

"Đại vương, Hoàng tử này có răng không khuyết hở..."

"Đại vương, Hoàng tử này có răng cửa (thái xỉ) trong láng..."

"Đại vương, Hoàng tử này có tướng lưỡi rộng dài..."

"Đại vương, Hoàng tử này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng-tần-già (Karavika)..."

"Đại vương, Hoàng tử này có hai mắt màu xanh đậm..."

"Đại vương, Hoàng tử này có lông mi con bò cái..."

"Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ."

"Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân..."

33. "Đại vương, Hoàng tử có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân, với ba mươi hai tướng tốt này, Hoàng tử sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, Hoàng tử sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy

món báu. Bảy món báu trở thành sở hữu của Ngài, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu Hoàng tử từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, Hoàng tử sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".

Này các Tỷ-kheo, Vua Bandhumã ra lệnh cúng dường các vị Bà-la-môn đoán tướng ấy, các áo vải mới và làm thỏa mãn mọi sự đòi hỏi ước muốn.

34. Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumã cho nuôi những người vú cho hoàng tử Vipassī. Người cho bú, người tắm, người lo bông ả, người mang trên nách. Này các Tỷ-kheo, một lọng trắng ngày đêm được che trên hoàng tử Vipassī, và lệnh được truyền ra: "**Không được để lạnh hay nóng, cỏ, bụi, hay sương làm phiền hoàng tử**". Hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm. Này các Tỷ-kheo, cũng như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hay hoa sen trắng được mọi người yêu thích. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm, gần như được ả từ nách này qua nách người khác.**

35. Này các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī được sinh ra, **hoàng tử phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận**

điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, giống như con chim ca-lăng-tân-già sinh trong núi Hy-mã-lạp sơn, giọng chim rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn.

36. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sanh ra, Thiên nhân hiện ra với Ngài, do nghiệp báo sanh, và nhờ Thiên nhân ấy, Ngài có thể nhìn khắp chung quanh đến một do tuần, ban ngày cũng như ban đêm.

37. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sanh ra, Ngài nhìn thẳng sự vật với cặp mắt không nhấp nháy, như hàng chụ Thiên ở Tam thập tam thiên. Vì hoàng tử Vipassī nhìn không nhấp nháy, nên này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī được gọi tên là "Vipassī Vipassī", "Vi đã nhìn thấy". Nay các Tỷ-kheo, khi vua Bandhumā ngồi xử kiện, vua cho đặt hoàng tử Vipassī ngồi bên nách mình để xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī ngồi bên nách vua cha như vậy và chú tâm quan sát phương thức xử kiện đến nỗi tự mình cũng có thể phán đoán xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, do hoàng tử Vipassī "có thể quan sát và xử kiện đúng luật pháp" và danh từ "Vipassī Vipassī" càng được dùng để đặt tên cho Ngài.

38. Nay các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumã cho xây dựng ba tòa lâu đài cho hoàng tử Vipassì, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa lạnh, và năm món dục lạc đều được chuẩn bị đầy đủ. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống bốn tháng mưa trong lâu đài dành cho mùa mưa, được hầu hạ mua vui với các nữ nhạc sĩ, và không một lần nào, Ngài bước xuống khỏi lầu.

II

1. - Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắt các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh" - "Thưa vâng, Hoàng Tử". Nay các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắt các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắt xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Nay các Tỷ-kheo, lúc bảy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

2. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến vườn ngự uyển, **thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà**, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, khổ não, không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy hoàng tử hỏi người đánh xe:

"Này khanh, người đó là ai vậy? Sao thân người đó không giống các người khác?"

"Tâu Hoàng tử, người đó là một người được gọi là già vậy".

"Này khanh, sao người ấy được gọi là một người già?"

"Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già vì nay người ấy sống không bao lâu nữa".

"Này khanh, vậy rồi Ta có bị già không, một người chưa qua tuổi già?"

"Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già!"

"Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".

"Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy!"**.

3. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? "Này khanh, Hoàng tử có hoan hỷ không, tại vườn ngự uyển?"

- "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ, tại vườn ngự uyển"

- "Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?"

- "Tâu đại vương, Hoàng tử trong khi đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chóng gậy vừa đi vừa run rẩy, khổ não không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó là ai vậy? Sao tóc người đó không giống các người khác? Sao thân người đó không giống các người khác?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là vậy" - "Này khanh, sao người ấy được gọi là người già? - "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già, vì nay người ấy sống không bao lâu nữa". - "Này khanh, vậy rồi Ta có phải bị già không, một người chưa qua tuổi già?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng Tử!". Tâu Đại vương, con vâng lời Hoàng tử Vipassì, cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử trở về cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Si nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy".

4. Nay các Tỷ-kheo, **khí ấy vua Bandhumà suy nghĩ**: "**Không thể để** cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì. Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

Nay các Tỷ-kheo, rồi **vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa**, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì khỏi phải xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và, nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng đầy đủ sung túc năm món dục lạc.

5. Nay các Tỷ-kheo hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người đánh xe... (như trước).

6. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, khi đang đi đến vườn ngự uyển, **thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch**, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

"Này khanh, người này đã làm gì, mà mắt của nó không giống mắt của những người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?"

"Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy".

"Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?"

"Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là một người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình"

"Này khanh, **vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?"**

"Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật".

"Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".

"Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: **"Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!"**

7. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ không tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển" - "Này khanh, khi đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đến vườn ngự uyển thấy một người bệnh

hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lét trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con:

"Này khanh, người đó đã làm gì mà mắt của nó không giống mắt của người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?" -

"Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy". - "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người bệnh, vì người ấy chưa khỏi căn bệnh của mình!" - "Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?" - "Tâu

Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật". -

"Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi! Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Si nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!".

- Này các Tỷ-kheo, **khí ấy vua Bandhuma suy nghĩ: "Không thể để** cho Hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia!

Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật". Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhuma, lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ

năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

9. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

10. - Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến vườn ngự uyển, **thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau, và đang dựng một dàn hỏa táng**. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

"Này khanh, vì sao đám đông người ấy mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?"

"Tâu Hoàng tử, vì có một người vừa mới mệnh chung"

"Này khanh, vậy ngươi hãy đánh xe đến gần người
vừa mới mệnh chung!"

"Thưa vâng, tâu Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời
hoàng tử, cho đánh xe đến người vừa mới mệnh
chung. Này các Tỷ-kheo, khi thấy thân người chết,
hoàng tử Vipassì hỏi:

"Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã
chết?"

"Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết
vì nay bà mẹ, ông cha, các người bà con ruột thịt
khác không thấy người ấy nữa; và người ấy cũng
không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con
ruột thịt khác!"

"Này khanh, **vậy Ta chưa chết, rồi có bị chết
không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà
con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng, và Ta sẽ
không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những bà con
ruột thịt chăng?"**

"Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta
tuy nay chưa chết nhưng rồi sẽ cũng bị chết. Phụ
vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt
khác sẽ không thấy Hoàng Tử, và Hoàng tử sẽ
không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà
con ruột thịt khác".

"Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy
vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".

"Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sâu muện và suy nghĩ: "Sĩ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!"**.

11. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ không, tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển". - "Này khanh đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng. Thấy vậy Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, vì sao đám đông người ấy, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?" - "Tâu Hoàng tử, vì có một người mới mệnh chung". - "Này khanh, vậy người hãy đánh xe lại gần người vừa mới mệnh chung". - "Thưa vâng, tâu Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Khi thấy thây chết, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy

được gọi là người đã chết, vì nay bà mẹ, ông cha hay những bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa! Và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác". - "Này khanh, vậy Ta chưa chết rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng? Và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác chăng?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy hoàng tử, và hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử".
Con vâng theo lời hoàng tử Vipassì cho đánh xe trở về cung. Hoàng tử về trong cung đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!".

12. Nay các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "Không thể để cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

- Nay các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không đúng sự thật. Và nay các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

13. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Nay các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

14. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến ngự uyển **thấy một vị xuất gia, đầu troc, đắp áo cà sa**. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

"Này khanh, người này đã làm gì, mà đầu người ấy lại khác đầu của những người khác, và áo của người ấy cũng khác áo của những người khác?"

"Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người xuất gia!"

"Này khanh, sao người ấy được gọi là người xuất gia?"

"Tâu Hoàng tử, xuất gia nghĩa là khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh!"

"Này khanh, hãy đánh xe đến gần vị xuất gia".

"Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử Vipassì, đánh xe đến gần người xuất gia. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì hỏi vị xuất gia:

"Thưa Hiền giả, Ngài đã làm gì, mà đầu của Ngài không giống những người khác, và áo của Ngài không giống các người khác?"

"Thưa Hoàng tử, tôi là một người xuất gia!"

"Thưa Hiền giả, thế nào gọi là người xuất gia?"

"Thưa Hoàng tử, tôi là người được gọi là xuất gia, vì tôi khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".

"Thưa Hiền giả, lành thay hạnh xuất gia của Ngài, lành thay khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".

15. Nay các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì bảo người đánh xe:

"Này khanh, hãy lấy xe này và cho đánh xe về cung. Còn Ta ở nơi đây, sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

"Thưa vâng, Hoàng tử".

Người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì lấy xe và đánh xe về cung. Còn hoàng tử Vipassì, chính tại chỗ ấy, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16. Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại kinh đô Bandhumatì có một đại chúng tám vạn bốn ngàn người nghe tin: "Hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Khi nghe tin, các vị ấy suy nghĩ: "Pháp luật như vậy không phải tầm thường, xuất gia như vậy không phải tầm thường, vì hoàng tử Vipassì trong pháp luật ấy đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Nay hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp

áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình tại sao chúng ta lại không?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng tám vạn bốn ngàn người ấy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, dưới sự lãnh đạo của Bồ-tát Vipassì. Rồi Bồ-tát Vipassì cùng với đồ chúng, du hành, đi ngang qua những làng, thị xã và đô thị.

17. Này các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Sao Ta lại sống bị bao vây bởi đồ chúng này. Tốt hơn là Ta sống một mình, lánh xa đồ chúng này!"

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Bồ-tát Vipassì sống một mình, lánh xa đồ chúng, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi một ngả, Bồ-tát Vipassì đi một ngả.

18. Này các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "*Thế giới này thật rơi vào cảnh khổ não, phải sanh rồi già, rồi chết, rồi từ bỏ thế giới này để tái sanh thế giới khác. Không một ai biết một con đường giải thoát khỏi sự đau khổ này, thoát khỏi già và chết*".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "*Cái gì có mặt, già chết mới có mặt? Do duyên gì, già chết sanh?*". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **sanh** có mặt,

nên già, chết có mặt. Do duyên sanh, nên già chết sanh".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, sanh mới có mặt? Do duyên gì, sanh phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **hữu** có mặt nên sanh mới có mặt. Do duyên hữu, nên sanh phát khởi".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, hữu mới có mặt? Do duyên gì, hữu phát sanh?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thủ** có mặt nên hữu mới có mặt. Do duyên thủ, hữu phát sanh".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thủ mới có mặt? Do duyên gì, thủ phát sanh?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** có mặt, thủ mới phát sanh".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, ái mới có mặt. Do duyên gì, ái phát sanh?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **tho** có mặt, ái mới có mặt. Do duyên thọ, ái phát sanh".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên gì, thọ mới

phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi BỒ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên xúc, thọ mới phát sanh".

Nay các Tỷ-kheo, rồi BỒ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên gì xúc mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi BỒ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **lục nhập** có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên lục nhập, xúc mới phát sanh".

Nay các Tỷ-kheo, rồi BỒ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên gì, lục nhập mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi BỒ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên danh sắc, lục nhập mới phát sanh".

Nay các Tỷ-kheo, rồi BỒ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, danh sắc mới có mặt? Do duyên gì, danh sắc mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi BỒ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** có mặt, danh sắc có mới có mặt. Do duyên thức, danh sắc mới phát sanh".

Nay các Tỷ-kheo, rồi BỒ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thức mới có mặt. Do duyên gì, thức mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi BỒ-tát Vipassì,

sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** có mặt, thức mới có mặt. Do duyên danh sắc, thức mới phát sanh".

19. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ như sau: "**Thức này xoay trở lui lại, từ nơi danh sắc, không vượt khỏi danh sắc. Chỉ như thế này, con người được sanh ra hay trở thành già, hay bị chết, hay từ biệt cõi này, hay sanh lại ở cõi khác, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh; do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, thủ sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão, tử, sầu bi, khổ ưu não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này**".

"Tập khởi, tập khởi". Nay các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

20. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "**Do cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Cái gì diệt, già chết diệt?**" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **sanh** không có mặt, già chết không có mặt, do sanh diệt, già chết diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, sanh không có mặt? Cái gì diệt, sanh diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **hữu** không có mặt, sanh không có mặt, do hữu diệt, sanh diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, hữu không có mặt? Cái gì diệt, hữu diệt?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thủ** không có mặt, hữu không có mặt, do thủ diệt, hữu diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thủ không có mặt? Cái gì diệt, thủ diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** không có mặt, thủ không có mặt, do ái diệt, thủ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, ái không có mặt? Cái gì diệt, ái diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thọ** không có mặt, ái không có mặt, do thọ diệt, ái diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thọ không có mặt? Cái gì diệt, thọ diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau

khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** không có mặt, thọ không có mặt, do xúc diệt, thọ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt xúc không có mặt? Cái gì diệt, xúc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **lục nhập** không có mặt, xúc không có mặt, do lục nhập diệt, xúc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì có mặt, lục nhập không có mặt? Cái gì diệt, lục nhập diệt?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** không có mặt, lục nhập không có mặt, do danh sắc diệt, lục nhập diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, danh sắc không có mặt? Cái gì diệt danh sắc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** không có mặt, danh sắc không có mặt, do thức diệt, danh sắc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì không có mặt, thức không có mặt? Do cái gì diệt, thức diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** không có mặt, thức không có mặt, do danh sắc diệt, thức diệt".

21. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Ôi, Ta đã chứng được con đường đưa đến Bồ-đề, nhờ pháp tu quán. Nghĩa là, do danh sắc diệt, thức diệt; do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt, do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, ru, bi, khổ, sầu, não diệt. Như vậy, toàn bộ khổ uẩn diệt".

"Diệt, diệt". Nay các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

22. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau một thời gian sống quán sự sanh diệt trong năm uẩn:** "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành diệt! Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức diệt".

Và đối với Ngài, sau khi **sống quán pháp sanh diệt trong năm thủ uẩn**, chẳng bao lâu các lậu hoặc được tiêu trừ và Ngài được giải thoát.

III.

1. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác liền suy nghĩ: "Nay Ta hãy thuyết pháp".

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưu ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý ida-paccayata paticca samuppàda: **Y tánh duyên khởi pháp**; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thì như vậy thật khổ não cho Ta!"

2. Này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn.

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó thấy pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này các Tỷ-kheo, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **hướng về vô vi, thụ động,**

không muốn thuyết pháp. Khi bảy giờ, một trong các vị Đại Phạm thiên, khi biết được tư tưởng của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhờ tư tưởng của mình, liền suy nghĩ: "**Than ôi, thế giới sẽ bị tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hướng về vô vi, thu động, không muốn thuyết pháp!**"

3. Nay các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên ấy, như một nhà lực sĩ duỗi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay duỗi thẳng, cũng vậy vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên đắp thượng y trên một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chắp tay hướng về Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bạch rằng: "**Bach Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bach Thiên Thê, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp**".

4. Nay các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói với vị Đại Phạm thiên: "Này Phạm thiên, Ta đã suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu

lý luận, vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý y tánh duyên khởi pháp; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật mệt mỏi cho Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta". Nay Phạm thiên, khi ấy những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng nghe khởi lên nơi Ta:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn?

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó mà thấy được pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này Phạm thiên, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp.

5. Nay các Tỷ-kheo, lần thứ hai vị Đại Phạm thiên ấy... (như trên)...

6. Nay các Tỷ-kheo, lần thứ ba, vị Đại Phạm thiên ấy bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh

Đẳng Giác: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp, những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp!"

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác biết được lời khuyên thỉnh của vị Phạm Thiên, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nhìn đời với Phật nhãn, thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

Như trong hồ sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đắm ướt. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác,

nhìn quanh thế giới với Phật nhãn. Ngài thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

7. Rồi vị Đại Phạm thiên, với tâm mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, liền nói với Ngài, bài kệ sau đây:

Như con người đứng trên đỉnh núi nhìn quanh dân chúng phía dưới.

Cũng vậy Ngài Sumedha lên lâu chánh pháp, bậc biến nhãn, thoát ly sáu muôn.

Nhìn xuống quần chúng, âu lo sáu muôn bị sanh già áp bức.

Hãy đứng lên, bậc anh hùng, bậc chiến thắng ở chiến trường!

*Vị trưởng đoàn lũ khách, đáng thoát ly mọi nợ nần!
Thế Tôn hãy đi khắp thế giới hoàng dương chánh pháp.*

Có người nhờ được nghe, sẽ thâm hiểu diệu nghĩa!

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trả lời vị Đại Phạm thiên với bài kệ sau đây:

**Cửa bất diệt đã được mở rộng,
Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ tà kiến của mình.**

*Vì nghĩ đến mệt mỏi hoài công, này Phạm Thiên.
Ta không muốn giảng Chánh pháp vì điều cho loài
người!*

Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên với ý nghĩ:
"Ta đã là người mở đường cho Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuyết pháp", rồi đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

8. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: *"Ta thuyết pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ mau hiểu chánh pháp này?"*

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Nay vương tử Khanda (Kiến-trà) và con vương sư Tissa (Đề-xá) trú ở kinh đô Bandhumati (Bàn-đầu-bà-đề) là bậc tri thức đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm ô bởi bụi đời. Nay ta hãy thuyết pháp cho vương tử Khanda và con vương sư Tissa trước tiên, hai vị này sẽ sớm thâm hiểu chánh pháp này".

Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác như một nhà lực sĩ duỗi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay duỗi thẳng, biến mất từ cây Bồ đề, hiện ra tại vườn Lộc Uyển Khenma, kinh đô Bhadhumati.

9. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác gọi người giữ vườn:

"Này bạn, hãy vào kinh đô Bandhumatì, nhắn với vương tử Khanda và con vương sư Tissa rằng Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì, hiện trú ở Lộc Uyển Khema và muốn gặp hai vị!"

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Này các Tỷ-kheo, người giữ vườn vâng theo lời dạy của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào kinh đô Bandhumatì và thưa với vương tử Khanda và con vương sư Tissa: "Thưa quý vị, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì và hiện ở Lộc Uyển Khema. Ngài muốn gặp quý vị!"

10. Này các Tỷ-kheo, Vương tử Khanda và con vương sư Tissa cho thặng những cỗ xe thù thắng, tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng rồi cùng với các cỗ xe thù thắng khác, cho xe ra khỏi kinh thành Bandhumati, đi đến Lộc Uyển Khema, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến trước Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Khi đến nơi, hai vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

11. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác **thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng, và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm**

trí của hai vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly
triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết
pháp thoại mà được chư Phật đề cao, tức là **Khổ,
Tập, Diệt, Đạo**. Cũng như tám vãi thuần tịnh không

có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, vương
tử Khanda và con vương sư Tissa, chính tại chỗ
ngôi này chứng được Pháp nhãn xa trần ly cấu:

"Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt".

12. Hai vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp,
thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự, diệt
tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối
với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn
Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"Thật di diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi
diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại
những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị
che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem
đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có
thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế
Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích.
Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và
quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho
chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế
Tôn cho chúng con được thọ đại giới".

13. Nay các Tỷ-kheo, vương tử Khanda và con
vương sư Tissa được xuất gia với Thế Tôn Vipassì,
bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới.

Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy hai vị này, khuyến khích làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và hai vị nay nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, **không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.**

14. Nay các Tỷ-kheo, trong khi kinh thành Bandhumatì có đại chúng khoảng tám vạn bốn ngàn vị được nghe: "*Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì và ở tại Lộc Uyển Khema. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn, Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*".

Khi nghe vậy, các vị này tự nghĩ: "*Chắc chắn, pháp luật này không thể tầm thường, sự xuất gia này không thể tầm thường, vì vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán,*

Chánh Đăng Giác. Tại sao chúng ta lại không làm vậy?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng ấy gồm khoảng **tám vạn bốn ngàn** vị đi ra khỏi kinh thành Bandhumatì đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác ở, Khi đến nơi, các vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

15. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác **thuần thục thuyết pháp**, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuần tịnh, không có tỳ vết rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt".

16. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, Như người dựng đứng lại, những gì

bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

17. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị này được xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassì bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

18. Nay các Tỷ-kheo, nay tám vạn bốn ngàn các vị xuất gia từ trước, được nghe: "Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì, ở tại Lộc Uyển Khema và thuyết pháp". Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất

gia này, đi đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

19. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuần tịnh, không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh ra rồi cũng phải diệt".

20. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, Bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy

sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

21. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

22. Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ đại chúng Tỷ-kheo khoảng **sáu trăm tám mươi vạn vị** trú tại kinh đô Bandhumatì. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trong khi yên lặng tịnh cư đã suy nghĩ như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatì. **Sao Ta lại không khuyến dạy các vị Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp,** vì hạnh phúc cho đại chúng, vì

*an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. **Cứ sáu năm**, hãy đến tại kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".*

23. Nay các Tỷ-kheo, một vị Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay các Tỷ kheo, lúc bấy giờ vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bạch Ngài:

- "Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumati: "Nay các Tỷ-kheo hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương

tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp". Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các vị Tỷ-kheo. Sau sáu năm, các vị này đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bổn".

Này các Tỷ-kheo, Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, lưng bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

24. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, vào buổi chiều xuất định đứng dậy và nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, ý nghĩ sau đây khởi lên: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhamati. Sao Ta lại không khuyến dạy các Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các

Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bản".

25. Nay các Tỷ-kheo, một Đại Phạm thiên khác với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Ta. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mắt Ta. Nay các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên, đắp thương y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Ta và bạch với ta: "Như vậy là phải, Bạch Thế Tôn! Như vậy là phải. Bạch Thiện Thế! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumati: "Nay các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe

chánh pháp, sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các Tỷ-kheo. Sau sáu năm các vị này sẽ đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bản".
Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Ta, lưng bên hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ.

26. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến dạy các người: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe giảng chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bản".

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, một phần lớn trong ngày ấy đã lên đường đi khắp quốc độ.

27. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ tại Jambudīpa (Diêm phù đề) có tám vạn bốn ngàn túc xá. Khi một năm vừa mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, một năm vừa mãn, nay còn lại năm năm. Sau năm

năm, hãy đến tại kinh đô Bandhamatì để tụng đọc
giới bốn!"

Hai năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền
giả, hai năm vừa mãn, nay còn lại bốn năm. Sau
bốn năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng
đọc giới bốn!"

Ba năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền
giả, ba năm đã mãn, nay còn lại ba năm. Sau ba
năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc
giới bốn!"

Bốn năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền
giả, bốn năm đã mãn, nay còn hai năm. Sau hai
năm, hãy đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới
bốn!"

Năm năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền
giả, năm năm đã mãn, nay còn lại một năm. Sau
một năm, hãy đến tại đô Bandhumatì để tụng đọc
giới bốn!"

Sáu năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền
giả, sáu năm đã mãn. Nay đã đến ngày đi đến kinh
đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy, một số vị với
thần lực của mình, một số với thần lực của chư
Thiên trong ngày ấy đã đi đến kinh đô Bandhumatì
để tụng đọc giới bốn.

28. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giữa chúng Tỷ-kheo, tung đọc giới bốn này:

"Chư Phật dạy Niết-bàn là đệ nhất.

"Nhẫn nhục, khổ hạnh, kham nhẫn, là đệ nhất.

"Người xuất gia hại người xuất gia khác.

"Hại người khác như vậy không xứng gọi là Sa-môn.

"Mọi điều ác không làm, hướng tâm các thiện nghiệp.

"Giữ tâm trí thanh tịnh, chính lời chư Phật dạy.

"Không chỉ trích, không đánh đập, giữ mình trong giới bốn.

"Ăn uống có tiết độ, ngủ nghỉ riêng một mình.

"Hướng tâm đến cao khiết, chính lời chư Phật dạy".

29. Nay các Tỷ-kheo, một thời ta ở tại Ukkhattha (Úc-Già La), trong rừng Subhaga, dưới gốc cây ta-la vương. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta an lặng tịnh cư, tư tưởng sau đây khởi lên: "Có một trú xứ, một loại chúng sanh rất dễ đến mà Ta từ trước không đến ở trong một thời gian khá lâu! Đó là chư Thiên **Suddhàvāsa (Tịnh Cư thiên)**. Vậy nay Ta hãy đến chư Thiên ở **Tịnh Cư thiên!**".

Nay các Tỷ-kheo, như một lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, Ta biến mất ở Ukkattha, trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Ta-La

vương và hiện ra trước chư Thiên ở Tịnh Cư thiên. Trong đại chúng chư Thiên ấy một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau:

"Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh, thuộc chủng tánh Sát Đế Ly. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-Ly-Nhã). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pàtali (Ba-ba-la). Này Hiền giả, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiền-trà) và Tissa (Đề-xá). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội, một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhuma, mẫu hậu tên là Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhuma tên là Bandhumatì. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc

A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này.

Này Hiền giả, **chúng con là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn Vipassì**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

30. Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên...

... một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta:

"Này Hiền giả, trong hiện kiếp này, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, thuộc gia tộc Sát-đế-ly. Này Hiền giả, Thế Tôn thuộc **danh tánh Gotama (Cù-đàm)**. Này Hiền giả, Thế Tôn tuổi thọ không bao nhiêu, ít oi, tuổi thọ loài người khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Này Hiền giả, Thế Tôn giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la). Này Hiền giả, Thế Tôn có hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử tên là Sàriputta và Moggallàna (Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên). Này Hiền giả, Thế Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi vị. Này Hiền giả, Tăng hội này của Thế Tôn gồm toàn những vị đã diệt trừ lậu hoặc. Này Hiền giả, Thế Tôn có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ànanda (A-nan), vị

này là thị giả đệ nhất. Nay Hiền giả, phụ vương của Thế Tôn tên là Suddhodana (Tịnh Phạn), Hoàng hậu là Màya (Ma-gia) kinh đô là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Nay Hiền giả, Thế Tôn xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Nay Hiền giả, **chúng tôi là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn**, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

31. Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà (Vô Nhiệt thiên) đến chư Thiên Atappà (Vô Phiền thiên). Nay các Tỷ-kheo, rồi cùng với chư Thiên Avihà và chư Thiên Atappà đến chư Thiên Sudassà (Thiên Kiến thiên). Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà và chư Thiên Sudassa đến chư Thiên Sudassi (Thiên Hiện thiên).

Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà, chư Thiên Sudassà và chư Thiên Sudassi đến chư Thiên Akanitthà (Sắc Cứu Kính thiên). Nay các Tỷ-kheo, lại trong Đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Nay Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời... (như số 29)".

32. Nay các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên (như trước) một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, trong Hiền kiếp này đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời... (như số 30)".

33. Nay các Tỷ-kheo, **như vậy Như Lai khéo chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn,** đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chúng tánh các vị này cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn này, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy". Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

38 Tịnh Cư Thiên - Nếu Ta sanh tại Tịnh cư Thiên thì... - ĐẠI KINH SU TỬ HỒNG – 12 Trung I, 161

ĐẠI KINH SU TỬ HỒNG (Mahasihanada suttam)

– Bài kinh số 12 – Trung I, 161

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Vesali (Tỳ-xá-ly), ở phía ngoài thành, trong một khu rừng phía Tây. Lúc bấy giờ, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi, vừa mới từ bỏ Pháp luật này, nói lời nói như sau trong Hội chúng ở Vesali: *"Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trặc nghiệm, và thuyết cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau"*. Lúc ấy Tôn giả Sariputta vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, vào thành Vesali để khát thực. Tôn giả Sariputta nghe Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi nói như sau trong Hội chúng ở Vesali: "Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có

tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trải nghiệm và thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".

Rồi Tôn giả Sariputta khất thực xong, sau khi ăn và đi khất thực trở về đến chỗ ở Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi, vừa mới từ bỏ Pháp luật này, nói lời nói như sau trong Hội chúng Vesali: ""Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân... (như trên)... diệt tận khổ đau".

– Nay Sariputta, Sunakkhatta phẫn nộ và ngu si, do phẫn nộ nên nói lên lời ấy. Nay Sariputta, Ông ta nghĩ: "Ta sẽ nói xấu". Thế mà kẻ ngu Sunakkhatta lại nói lời tán thán Như Lai. *Này Sariputta, ai nói như sau là tán thán Như Lai: "Pháp ấy được thuyết giảng cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".*

– Nay Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia,

sẽ không có tùy pháp về Ta như sau: *"Đây là Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn"*.

- Này Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia, sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn, vị đã chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua thành, qua núi, như đi ngang hư không, độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền, ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên"*.
- Này Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài Người, xa và gần"*.
- Này Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn, sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài Người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau: "Tâm có tham biết là tâm có"*

tham. Hay tâm không tham biết là tâm không tham... tâm chuyên chú... tâm tán loạn... đại hành tâm... không phải đại hành tâm... tâm chưa vô thượng... tâm vô thượng... Tâm Thiên định... Tâm không Thiên định... tâm giải thoát... tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát". Vị ấy biết như vậy.

Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ **mười Như Lai lực**, chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?

11. Ở đây, này Sariputta, Như Lai **như thật tuệ tri xú là xú, phi xú là phi xú** (*Tri thị xú phi xú lực*). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri xú là xú, phi xú là phi xú. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng, và chuyển Phạm luân.
12. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri **quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại** (*Tri tam thế nghiệp báo lực*.) Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
13. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri

con đường đưa đến tất cả cảnh giới (Tri nhất thiết đạo trí lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

14. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt (Tri thế gian chủng chủng tánh lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
15. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình (Tri tha chúng sanh chủng chủng dụng lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri ... chuyển Phạm luân.
16. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng hạ của các loài hữu tình, loài Người (Tri tha chúng sanh chư căn thượng hạ lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
17. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiên, chúng về Thiên, về giải thoát, về định (Tri chư Thiên tam muội lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
18. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhớ đến các đời

sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Ngài nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luận.

19. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ ràng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Các chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

20. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhờ **đoạn trừ các lậu hoặc** tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nay Sariputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguru Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực. Chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguru Vương, rống tiếng rống sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trực nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau". Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy; không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, như Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu Thiền định, thành tựu trí tuệ có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Này Sariputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **bốn pháp vô sở úy** chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sủ tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là bốn?

5. Này Sariputta, Ta thấy không có lý do gì, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm

thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Các pháp này chưa được chứng ngộ hoàn toàn, mà quý vị tự xưng đã chứng ngộ hoàn toàn"*. Nay Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

6. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì... có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Các lậu hoặc này chưa được đoạn trừ mà quý vị tự xưng đã đoạn trừ"*. Nay Sariputta, vì Ta không thấy... đạt được vô úy.

7. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì... có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Những pháp này được gọi là các chướng ngại pháp khi được thực hành thời không có gì gọi là chướng ngại pháp cả"*. Nay Sariputta, vì Ta không thấy... đạt được vô úy.

8. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì một Samôn Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Pháp do quý vị thuyết giảng không đưa đến mục tiêu đặc biệt, không có khả năng hướng thượng, không có thể dẫn người thực hành đến diệt tận khổ đau"*. Nay Sariputta, vì Ta thấy

không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sariputta, có bốn pháp vô sở úy, chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương... chuyển Phạm luân. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **tám Hội chúng** này:

- Hội chúng Sát đế ly,
- Hội chúng Bà-la-môn,
- Hội chúng Gia chủ,
- Hội chúng Sa-môn,
- Hội chúng Tứ thiên vương,
- Hội chúng Tam thập tam thiên,
- Hội chúng Màra,
- Hội chúng Phạm thiên.

Này Sariputta, có tám Hội chúng này. Này Sariputta, Như Lai thành tựu bốn pháp vô sở úy như vậy, đến gần và vào tám Hội chúng này. Này Sariputta, Ta nhớ lại Ta đã đến hàng trăm Hội chúng Sát-đế-ly. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm

luyện; này Sariputta, **Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta"**. Này Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sariputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm Hội chúng Bà-la-môn... (như trên)... Hội chúng Gia chủ... Hội chúng Sa-môn... Hội chúng Tứ thiên vương... Hội chúng Tam thập tam thiên... Hội chúng Màra... Hội chúng Phạm thiên. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sariputta, Ta thấy không có một lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta". Này Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục, như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **bốn loại sanh**. Thế nào là bốn? **Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh**.

- *Này Sariputta, thế nào là noãn sanh? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào **phá vô trùng mà sanh**, này Sariputta như vậy gọi là*

noãn sanh.

- Và này Sariputta, thế nào là thai sanh? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào *phá màn da mỏng che chỗ kín mà sanh*, này Sariputta, như vậy gọi là thai sanh.
- Và này Sariputta, thế nào là thấp sanh? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào *sanh ra từ cá thúi, từ xác chết thúi, từ cháo cơm thúi, hay trong hồ nước dơ hay trong ao nước nhớp*. Này Sariputta, như vậy gọi là thấp sanh.
- Và này Sariputta, thế nào là hóa sanh? Chư Thiên, các chúng sanh ở địa ngục, một số thuộc loài người và một số thuộc đạo xứ. Này Sariputta, như vậy gọi là hóa sanh.

Này Sariputta có bốn loại sanh như vậy. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục, như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **năm loại sanh thú này**. Thế nào là năm? Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài Người, chư Thiên.

- Này Sariputta, **Ta tuệ tri địa ngục**, con đừng đưa đến địa ngục và hành lộ đưa đến địa ngục. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung,

phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự việc này ta cũng tuệ tri.

- Và này Sariputta, **Ta tuệ tri bàng sanh**, con đường đưa đến bàng sanh. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào bàng sanh, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta tuệ tri ngã quý**, con đường đưa đến ngã quý, và hành lộ đưa đến ngã quý. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ngã quý, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri loài Người**, con đường đưa đến thế giới loài Người và hành lộ đưa đến thế giới loài Người. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài Người, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri chư Thiên**, con đường đưa đến Thiên giới và hành lộ đưa đến Thiên giới. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, thế giới này, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri Niết-bàn**, con

đường đưa đến Niết-bàn và hành lộ đưa đến Niết-bàn. Tùy theo hành nghiệp, do đoạn trừ các lậu hoặc, sau khi tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sự việc này, Ta cũng tuệ tri.

Này Sariputta, ở đây, với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. *Này Sariputta, cũng như có một hố than sâu hơn thân người, đầy vun than hừng, không có lửa ngọn, không có khói, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi khô cổ, đắng họng, khát nước, và đi thẳng đến hố than ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy, có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố than kia". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố than ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt.* Này Sariputta, cũng vậy, ở đây với

tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khóc liệt.

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào **bàng sanh***". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy kẻ ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào bàng sanh, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khóc liệt. *Này Sariputta, cũng như có **một hố phân**, sâu hơn thân người, đầy những phần uế, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến hố phân ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố phân ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố phân ấy và phải cảm thọ những cảm*

giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nay Sariputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... (như trên)... thống khổ, khốc liệt.

Nay Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào ngạ quỷ, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt*". Nay Sariputta, cũng như có *một cây sống trên miếng đất không bằng phẳng, với lá thưa thớt, với bóng che từng đám lưa thưa.* Và một người đi đến bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy*". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nay Sariputta, cũng vậy ở đây với tâm của Ta... (như trên)... thống khổ, khốc liệt.

Nay Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta biết tâm của một số người: "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào loài người*". Sau một thời gian... Ta thấy

người ấy sanh vào loài người, và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. *Này Sariputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất bằng phẳng với lá sum sê, với bóng cây râm rạp. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ của người này như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. Này Sariputta, cũng vậy, ở đây, với tâm của Ta... được nhiều cảm giác lạc thọ.*

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ *sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này*". Sau một thời gian... Ta thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này và cảm thọ những cảm giác cực lạc. *Này Sariputta, giống như một ngôi lầu, có gác nhọn, có tô vôi cả trong lẫn ngoài, được che gió, có then chốt đóng lại và có các cửa sổ khép kín. Tại đây có một sàng tọa, trái nệm lông dài, trái nệm màu trắng, trái nệm bông có thêu hoa, trái nệm bằng da sơn dương gọi là kadali, có nệm với khuôn màu*

treo phía trên, có gói dài màu đỏ cả hai đầu. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đặng họng, khát nước và đi thẳng đến ngôi lầu ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến ngôi lầu ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm trong ngôi lầu ấy, trong góc nhọn ấy, trên sàng tọa ấy và cảm thọ được nhiều cảm thọ cực lạc. Nay Sariputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... được nhiều cảm giác lạc thọ.

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: *"Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy"*. Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc. *Này Sariputta, giống như một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong sáng, có bờ hồ khéo sắp đặt, đẹp đẽ, và không xa hồ ấy có khu rừng rậm rạp. Một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đặng họng, khát nước và đi*

thăng đến hồ sen ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hồ sen ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, sau khi tắm mình vào hồ sen ấy, sau khi tắm rửa, uống nước và làm cho dịu bớt mọi ưu tư, mệt mỏi, phiền não, sau khi ra khỏi hồ liền qua ngòi hay nằm trong rừng cây rậm rạp ấy và cảm thọ những cảm giác cực lạc. Cũng vậy, này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy". Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc.

Này Sariputta, năm loại này là năm sanh thú. Này Sariputta, có ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy, và nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuộc trắc nghiệm". **Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ**

lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Nay Sariputta, Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu thiên định, thành tựu trí tuệ, có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Nay Sariputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Nay Sariputta, **Ta thắng tri phạm hạnh, đầy đủ bốn hạnh:**

- Về khổ hạnh, Ta khổ hạnh đệ nhất;
- Về bản úc, Ta bản úc đệ nhất;
- Về yếm ly, Ta yếm ly đệ nhất;
- Về độc cư, Ta độc cư đệ nhất.

Nay Sariputta, ở đây, **khổ hạnh của Ta như sau:**

- Ta sống lỏa thể, phóng túng, không theo khuôn phép, liêm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nôi chảo, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa

những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men.

- Ta chỉ nhận đồ ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miếng.
- Ta nuôi sống chỉ với một chén, nuôi sống chỉ với hai chén, nuôi sống chỉ với bảy chén. Ta chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy Ta sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Ta chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tặc, gạo lức, ăn hạt cải nivara, ăn da vụn, ăn trấu, uống nước bột gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống.
- Ta mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm rồi quăng đi, mặc áo phẩn tảo y, mặc vỏ cây tititaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ

cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú.

- Ta sống nhờ râu tóc, Ta theo tập tục sống nhờ râu tóc,
- Ta theo hạnh thường đứng không dùng chỗ ngồi, Ta là người ngồi chỗ hỏ, sống tinh tấn theo hạnh ngồi chỗ hỏ.
- Ta dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhớp che dính thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bọ đậu nằm đấy,
- Sống ăn các ứ vật, sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm.
- **Như vậy Ta sống theo hạnh hành hạ, dày vò thân thể theo nhiều cách.** Này Sariputta, như vậy là khổ hạnh của Ta.

Này Sariputta, ở đây **hạnh bản ứ** của Ta như sau: Trên thân Ta, bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Như gốc cây tinduka bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng; cũng vậy, này Sariputta, trên thân Ta bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Này Sariputta, Ta

không nghĩ rằng: "Vớ tay của Ta, Ta hãy phủi sạch bụi bặm này đi, hay những người khác vớ tay của họ hãy phủi sạch bụi bặm này đi cho Ta". Nay Sariputta, Ta không có nghĩ như vậy. Nay Sariputta, như vậy là sự bần uế của Ta.

Này Sariputta, như thế này là **sự yếm ly** của Ta. Nay Sariputta, tỉnh giấc, Ta đi tới; tỉnh giấc Ta đi lui, Ta an trú lòng từ cho đến trong một giọt nước với tâm tư: *"Mong rằng Ta không làm hại một chúng sanh nhỏ nào trong những ác đạo của họ!"* Nay Sariputta, như vậy là sự yếm ly của Ta.

Này Sariputta, như thế này là **sự độc cư** của Ta. Nay Sariputta, Ta đi sâu vào một khu rừng và an trú tại chỗ ấy. Khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi hay người thợ rừng, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta, và mong Ta đừng thấy họ!" Nay Sariputta, giống như một con thú rừng thấy người liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Cũng vậy, này Sariputta, khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi,

hay người tiều phu, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta, và mong Ta đừng thấy họ!" Này Sariputta, như vậy là hạnh độc cư của Ta.

Này Sariputta, rồi Ta bò bốn chân đến các chuồng bò, khi các con bò cái đã bỏ đi, khi các người chăn bò không có mặt, rồi Ta ăn phân các con bò con, các con bò còn trẻ, các con bò còn bú. Khi nước tiểu và phân của Ta còn tồn tại, Ta tự nuôi sống với các loại ấy. Này Sariputta, như vậy là **hạnh đại bất tịnh thực** của Ta.

Này Sariputta, Ta đi sâu vào một khu rừng rậm rạp kinh hoàng và an trú tại chỗ ấy. Này Sariputta, tại khu rừng rậm rạp kinh hoàng này, những ai còn tham ái đi vào khu rừng rậm rạp ấy, thời lông tóc người ấy dựng ngược. Này Sariputta, rồi Ta trong những đêm đông lạnh lẽo, giữa những ngày mỏng tằm, khi có tuyết rơi, trong những đêm như vậy, Ta sống giữa trời, và ban ngày sống trong khu rừng rậm rạp. Ta sống trong những ngày cuối tháng hè, ban ngày thì sống giữa trời, còn ban đêm trong khu rừng rậm rạp. Rồi này Sariputta, những bài kệ kỳ diệu từ trước chưa từng được nghe sau đây được khởi lên:

*Này bị thiêu đốt, bị buốt lạnh,
Cô độc sống trong rừng kinh
hoàng,
Trần truông, Ta ngồi không lửa
ấm,
Ăn sữ, trong lý tưởng dăm chiêu.*

Này Sariputta, Ta nằm ngủ trong bãi tha ma, dựa trên một bộ xương. Này Sariputta, những đũa mục đồng đến gần Ta, khạc nhổ trên Ta, tiểu tiện trên Ta, rắc bụi trên Ta và lấy que đâm vào lỗ tai. Này Sariputta, và Ta biết Ta không khởi ác tâm đối với chúng. Này Sariputta, như vậy là **hạnh trú xả** của Ta.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn*". Họ nói: "Chúng ta sống nhờ trái táo", và họ ăn trái táo, họ ăn bột táo, họ uống nước trái táo dưới nhiều hình thức. Này Sariputta, Ta tự xưng **Ta sống chỉ ăn một trái táo**. Này Sariputta, có thể các Người nghĩ như sau: "Trái táo thời ấy to lớn". Này Sariputta, chớ có hiểu như vậy. Vì trái táo thời ấy giống với trái táo hiện tại. Này Sariputta, trong khi Ta sống chỉ ăn một trái táo, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu.

- Vì Ta ăn quá ít, **tay chân** Ta trở thành như những

cọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo.

- Vì Ta ăn quá ít, **bàn tròn** của Ta trở thành như móng chân con lạc đà.
- Vì Ta ăn quá ít, các **xương sống** phô bày của Ta giống như một chuỗi banh.
- Vì Ta ăn quá ít, các **xương sườn** gầy mòn của Ta giống như rui cột nhà sàn hư nát.
- Vì ta ăn quá ít, nên **con ngươi** của Ta long lanh nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu.
- Vì Ta ăn quá ít, **da đầu** Ta trở thành nhăn nheo khô cằn như trái bí trắng và đắng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo khô cằn.
- Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ da bụng" chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên này Sariputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống.
- Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu tiện", thì Ta ngã quy úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít.
- Nay Sariputta, nếu Ta muốn thoa dịu thân Ta, lấy

tay xoa bóp chân tay, thì này Sariputta, trong khi Ta lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn*". Họ nói: "Chúng ta sống nhờ đậu xanh... (như trên)... chúng ta sống nhờ vừng mè... (như trên)... chúng ta sống nhờ hạt gạo", và họ ăn hạt gạo, họ ăn hạt gạo nghiền thành bột, họ uống nước gạo, và họ ăn hạt gạo dưới nhiều hình thức. Này Sariputta, Ta tự xưng Ta sống chỉ ăn một hạt gạo. Này Sariputta, có thể các Người nghĩ như sau: "Hạt gạo thời ấy to lớn". Này Sariputta, chớ có hiểu như vậy. Vì hạt gạo thời ấy giống với hạt gạo hiện tại. Này Sariputta, trong khi **Ta chỉ sống ăn một hạt gạo**, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu. Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo. Vì Ta ăn quá ít, bàn chân của Ta trở thành như móng chân con lạc đà. Vì Ta ăn quá ít, xương sống phôi bày của Ta giống như một chuỗi banh. Vì Ta ăn quá ít các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột của một nhà sàn hư nát. Vì Ta ăn quá ít, con người long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu. Vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nheo, khô cằn như trái bí trắng và

đắng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho
nhăn nheo, khô cằn. Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta
hãy sờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy.
Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ xương sống", thì chính da
bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên nay
Sariputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Nay
Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu
tiện", thì Ta ngã quỵ, úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá
ít. Nay Sariputta, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy
tay xoa bóp chân tay, thời nay Sariputta, trong khi Ta
lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng
khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít. Nay Sariputta, **dầu Ta
có theo cử chỉ như vậy, theo hành lộ như vậy, theo
khổ hạnh như vậy, Ta cũng không chứng được các
pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng
đáng bậc Thánh. Vì sao vậy? Vì với những phương
tiện ấy, không chứng được pháp thượng nhân với
Thánh trí tuệ. Chính Thánh trí tuệ này chứng được
thuộc về bậc Thánh, có khả năng hưởng thượng, có
thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau.**

Nay Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn
có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như
sau: "*Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ luân hồi*".
Nay Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự luân hồi
mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá
dài, trừ phi với các vị **Tịnh cư thiên (Suddhavaśa)**.

Này Sariputta, nếu Ta luân hồi tại Tịnh cư thiên thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ sanh khởi*". Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự sanh khởi mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên. Này Sariputta, nếu Ta sanh khởi tại Tịnh cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ an trú*". Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự an trú mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên. Này Sariputta, nếu Ta an trú tại Tịnh cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ tế tự*". Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự tế tự mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh hay làm vị

Bà-la-môn giàu có.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"SỰ thanh tịnh chứng đạt được nhờ thờ lửa"*. Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự thờ lửa mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh, hay làm vị Bà-la-môn giàu có.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Khi một thiếu niên còn trẻ tuổi, tóc đen nhánh, huyết khí sung mãn, trong tuổi thanh xuân, người ấy thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng. Nhưng khi người ấy già cả, niên cao, lạc lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, khi đã tám mươi, chín mươi hay một trăm tuổi, khi ấy trí tuệ biện tài tối thượng ấy bị đoạn trừ"*. *Này Sariputta, chớ có quan niệm như vậy.* Này Sariputta, nay Ta đã già, niên cao, lạc lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, tuổi Ta nay đã đến tám mươi. Này Sariputta, ở đây Ta có bốn vị đệ tử, tuổi thọ đến một trăm, đã sống một trăm tuổi, thành tựu chánh niệm đệ nhất, thành tựu chuyên tâm đệ nhất, thành tựu tinh cần đệ nhất và đầy đủ trí tuệ biện tài tối thượng. *Này Sariputta, ví như một người bắn*

cung thiện xảo, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ, có thể dễ dàng bắn ngang qua bóng một cây ta-la. Cũng vậy, những vị này với chánh niệm đê nhất như vậy, được thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng như vậy, nếu những vị này hỏi Ta nhiều lần một câu hỏi về Bốn Niệm Xứ, và nếu Ta, được hỏi nhiều lần như vậy, phải giải thích cho họ hiểu và nếu họ được Ta giải thích như vậy, có thể hiểu như đã giải thích, và nếu họ không hỏi Ta về những vấn đề phụ thuộc và các vấn đề khác, trừ khi ăn, uống, nhai, ném, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức. *Này Sariputta, dầu vậy, sự thuyết pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự giải thích cú pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự trả lời các câu hỏi của Như Lai cũng chưa hoàn tất, khi mà bốn đệ tử của Ta, tuổi thọ đến một trăm tuổi, đã sống một trăm tuổi, đã từ trần sau một trăm tuổi.* **Này Sariputta, nếu Ông có gánh Ta trên giường đi chỗ này chỗ kia, thật sự trí tuệ biện tài của Như Lai không có gì thay đổi.**

Này Sariputta, những ai nói một cách chân chánh sẽ nói như sau: **"Một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người"**. Vị ấy sẽ nói về Ta một cách chân chánh

như sau: "Một vị hữu tình không bị chi phối... (như trên)... chư Thiên và loài Người".

Lúc bấy giờ Tôn giả Nagasamala đứng sau lưng Thế Tôn và quạt cho Ngài! Tôn giả Nagasamala bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Sau khi nghe pháp môn này, lông tóc con dựng ngược. Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

– Này Nagasamala, do vậy pháp môn này gọi là **pháp môn lông tóc dựng ngược**. Ông hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Nagasamala hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn.

39 Tịnh Cư Thiên - Thân đồng, Tướng đồng - Kinh CÁC LOÀI HỮU TÌNH – Tạng IV, 141

CÁC LOÀI HỮU TÌNH – Tạng IV, 141

1. - *Này các Tỷ-kheo, có **chín** chỗ cư trú của loài hữu tình.*

2. Thế nào là chín?

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, *thân **sai biệt**, tướng **sai biệt***, như loài **Người**, một số chư Thiên, một số ở các đọa xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.

3. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, *thân **sai biệt**, tướng **đồng nhất***, chư **Phạm Chúng thiên**, *khi mới tái sanh*. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.

4. Này các Tỷ-kheo, có loại hữu tình, *thân **đồng nhất**, tướng **sai biệt*** như **Quang Âm thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

5. Này các Tỷ-kheo, có loài hữu tình, *thân **đồng nhất**, tướng **đồng nhất***, như **Tịnh Cư thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.

6. Nay các Tỷ-kheo, có những loại hữu tình không có tướng, không có thọ như **Vô Tướng thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.

7. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tướng một cách hoàn toàn, diệt trừ các đối ngại tướng, không có tác ý sai biệt tướng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chúng được **Không vô biên xứ**. Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.

8. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, vượt khỏi hư Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chúng được **Thức vô biên xứ**. Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.

9. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có gì tất cả", chúng được **Vô sở hữu xứ**. Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.

10. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chúng **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín chỗ cư trú của các loài hữu tình.

40 Tịnh Cư Thiên - Thân đồng, Tướng
đồng - Kinh PHÚNG TỤNG – 33
Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

Chín chỗ an trú của loài hữu tình:

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tướng sai biệt*, như loài Người, một số chư Thiên, một số ở tại các đạo xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tướng đồng nhất*, như **Phạm Chúng thiên** khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.

Này các Hiền giả, có loài hữu tình, *thân đồng nhất, tướng sai biệt* như chư **Quang Âm thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

Này các Hiền giả, có loài hữu tình, *thân đồng nhất, tướng đồng nhất* như chư **Tịnh Cư thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình *không có tướng, không có thọ*, như chư Vô Tướng thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tướng một cách hoàn toàn, diệt trừ các sân

tưởng, không có tác ý sai biệt tưởng, chúng được Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chúng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chúng Vô sở hữu xứ: "Không có gì tất cả". Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.

Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chúng Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

41 Từ Dự lưu tu tập 6 Minh phần, chứng quả Bất Lai - Kinh Dìghàvu – Tương V, 504

Dìghàvu – Tương V, 504

1) Một thời, Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, **cư sĩ Dìghàvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.**

3) Rồi cư sĩ Dìghàvu thưa với cha là Jotika:

-- Hãy đi, thưa Cha, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nhân danh con, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Cư sĩ Dìghàvu, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn". Rồi Cha hãy thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến nhà cư sĩ Dìghàvu vì lòng từ mẫn!"

-- Được, này Con.

Gia chủ Jotika nghe lời cư sĩ Dìghàvu, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, gia chủ Jotika bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Dìghàvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Vị ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến trú xứ cư sĩ Dìghàvu vì lòng từ mẫn!"

Thế Tôn im lặng nhận lời.

5) Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ cư sĩ Dìghàvu; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống rồi, Thế Tôn nói với cư sĩ Dìghàvu:

-- Nay Dìghàvu, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không tăng trưởng?

-- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Đau đớn kịch liệt nơi con không có giảm thiểu, chúng tăng trưởng. Chúng có dấu hiệu tăng trưởng, không có dấu hiệu giảm thiểu.

6) -- **Do vậy, nay Dìghàvu, Ông hãy học tập như sau:**

- *"Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với đức **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô*

Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

- *Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với **Pháp**: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".*
- *Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với chúng **Tăng**: "Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".*
- *Ta sẽ thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.*

7) -- Bạch Thế Tôn, đối với **bốn Dự lưu phần** do Thế Tôn thuyết giảng, **tất cả các pháp ấy đều có ở trong con**. Con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con thành tựu lòng tin bất động đối với Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn... Đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Tôi thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định".

-- Do vậy, này Dìghàvu, sau khi ông đã an trú trong **bốn Dự lưu phần** này, Ông hãy tu tập thêm **sáu minh phần pháp** (chavijjà-bhàgiye dhamme).

8) Ở đây, này Dìghàvu, Ông hãy trú:

- Quán vô thường trong tất cả hành,
- Quán khổ tướng trong vô thường,
- Quán vô ngã tướng trong khổ,
- Quán tướng đoạn tận,
- Quán tướng ly tham,
- Quán tướng đoạn diệt.

Như vậy, này Dìghàvu, Ông cần phải học tập.

-- Bạch Thế Tôn, đối với **sáu minh phần pháp** được Thế Tôn thuyết giảng này, chúng đều có ở trong con và con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tướng trong vô thường, quán vô ngã tướng trong khổ, quán tướng đoạn tận, quán tướng ly tham, quán tướng đoạn diệt.

9) Nhưng, bạch Thế Tôn, con có ý nghĩ sau đây: "Ta không có muốn gia chủ Jotika, ở đây khi ta chết phải rơi vào khốn khổ (vighàta)".

-- Nay Dìghàvu, chớ có tác ý như vậy! Hãy nhìn, này Dìghàvu! Những gì Thế Tôn đang nói cho con, con hãy khéo tác ý.

10) Rồi Thế Tôn sau khi giáo giới cho cư sĩ Dìghàvu với lời giáo giới, từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi.

11) Cư sĩ Dìghàvu, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu liền mệnh chung.

12) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, người cư sĩ tên là Dìghàvu; sau khi được nghe Thế Tôn giáo giới một cách tóm tắt, đã mệnh chung. Sanh thú cư sĩ ấy thế nào? Sanh xứ cư sĩ ấy chỗ nào?

-- Hiền minh, này các Tỷ-kheo, là cư sĩ Dìghàvu! Cư sĩ Dìghàvu thực hiện các pháp và tùy pháp, không làm phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về pháp.

13) Cư sĩ Dìghàvu, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh nhập diệt ở tại đây, không còn trở lui thế giới này nữa.

42 Đoạn tận 6 pháp này có thể chứng quả Bất Lai - Kinh VỊ BẤT LAI – Tăng III, 227

VỊ BẤT LAI – Tăng III, 227

1. - Do không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng được quả Bất lai.

2. Thế nào là sáu?

- Bất tín, không tầm, không quý, biếng nhác, thất niệm, ác tuệ.

Do không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng được quả Bất lai.

3. Do đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể chứng được quả Bất lai.

4. Thế nào là sáu?

- Bất tín, không tầm, không quý, biếng nhác, thất niệm, ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận sáu pháp này, có thể chứng được quả Bất lai.

43 Định nghĩa - 7 sanh thú - Kinh SANH THỨ CỦA LOÀI NGƯỜI – Tầng III, 371

SANH THỨ CỦA LOÀI NGƯỜI – Tầng III, 371

1. - *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về bảy sanh thú của loài Người, và không chấp thủ Niết-bàn. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- *Này các Tỷ-kheo. Thế nào là bảy sanh thú của loài Người?*

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*

- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn man tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra và trở thành nguội lạnh**.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả, vị ấy không tham đắm hữu, không tham đắm hậu hữu; với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn man tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận

trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*
- *Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.*
- *Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.*

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên và có thể trở thành nguội lạnh.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy đoạn diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy đoạn diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, sau khi chưa chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

5. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". ...

Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Tổn hại Bát-niết-bàn**.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên, sau khi chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Tổn hại Bát-niết-bàn**.

6. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

Vị ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được **Vô hành Niết-bàn**.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ nhỏ, hay trên một đồng củi **nhỏ**. Miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ nhỏ ấy, hay đồng củi nhỏ ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được **Vô hành Niết-bàn**.

7. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi rộng **lớn**. Miếng*

vụn ấy ở đáy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ hay đồng củi rộng lớn ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Hữu hành Bát-niết-bàn**.

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ.". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*
- *Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.*

- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Thượng lưu, đi đến Sắc cứu cánh.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi to lớn. Miếng vụn ấy ở đáy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ, hay đồng củi to lớn ấy, thiêu cháy lùm cây, thiêu cháy rừng rậm. Sau khi thiêu cháy thảo nguyên, sau khi thiêu cháy rừng rậm, nó cháy lan đến đám ruộng xanh hay đến đám đất cao, hay đến hòn đá, hay đến dòng nước, hay đến đám đất khả ái, hay đến một phần đất nào rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Thượng lưu Bất-niết-bàn, đi đến Sắc cứu cánh.**

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy sanh thú của loài Người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Không chấp thủ Bát-Niết-bàn?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vi Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ." Vi ấy có được xả.

- Vi ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.
- Với chánh trí tuệ, vi ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vi ấy chứng đắc trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vi ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn man tùy miên.
- Vi ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vi ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vi ấy tự mình với thắng trí, ngay trong hiện tại, chứng nhập, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là **Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.

Và này các Tỷ-kheo, đây là **bảy sanh thú của loài Người và Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.